

BÀI XII

d) 禪定度

第十六章。佛言：
 人懷愛欲不見道者，
 譬如澄水，以興沙垢，
 譬眾人心中，汝等欲
 愛，欲見
 矣。

DỊCH NGHĨA

d) Thiên định độ

CHƯƠNG XVI

Phật dạy: Người ôm giữ lòng ái dục chẳng thấy được Đạo. Thí như nước được lóng trong lại lấy tay khuấy nó, mọi người cùng đến xem không thấy

được bóng mình. Người vì ái dục thay nhau không dứt mà cấu trọc trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy Đạo.

Sa-môn! Các ông phải dứt bỏ ái dục, cấu trọc ái dục hết rồi mới thấy được Đạo.

GIẢNG NGHĨA

Cấu trọc : Cấu là phiền não; trọc là vẩn đục. Phiền não vẩn đục tâm tánh làm cho trí huệ không phát sanh, chẳng khác nào nước bị cặn làm ngầu đục không thể hiện ra ánh sáng chiếu soi muôn vật.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: muốn thấy được Đạo cần phải tu thiền định để đoạn trừ ái dục.

GIẢI THÍCH

Chương này nói về Thiền định độ trong sáu độ. Ở trong Phật pháp dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, đều lấy việc tu thiền định làm chỗ chí yếu, nên bao nhiêu cách thức phương pháp tu hành đều có thể gọi là Tu Tam muội (định). Như: do niệm Phật được định thì gọi là “Niệm Phật tam muội”, do tụng Kinh Pháp Hoa hay Kim Cang được định, thì gọi là “Pháp Hoa tam muội” hay “Kim Cang tam muội”.

Người tu thiền định là phải đem tâm mình chuyên chú vào một pháp nào đó, lâu ngày công dụng của nội

tâm được tập trung lại. Người thường, tâm lý họ bị tán loạn nên không được thiền định và thần thông, do đó tâm mất sự công dụng của nó, mà không thể dứt được điều hại, làm nên điều lợi.

Thiền định có thể phân làm hai loại: chánh định và tà định.

Tà định : Tà định cũng do tinh tọ chuyên chú vào một cảnh. Thường là chuyên chú ở đan điền (dưới rún 3 tấc), chót mũi v.v... và cho đó là "tánh đạo", nên vừa được phát minh đôi chút, liền tưởng là đã được "đạo thể". Từ đó lại khởi ra tà kiến phân biệt và mong cầu các thứ thần thông. Khi được định này, người ta cũng biết được quá khứ, vị lai và ý nghĩ của kẻ khác (Tha tâm thông) v.v... Trong các Kinh, Luận đã có nói Thần thông và tà định... một cách rõ ràng, nhưng chỉ vì người thường không am hiểu Phật pháp, nên chẳng thể phân biệt được tà chánh, nhận lầm tà định là đạo.

Người đời trọn ngày chìm đắm trong biển lợi danh, ân ái, may mắn được phát tâm theo Phật, lại thường bị lạc vào ngoại đạo tà định, thật hết sức đáng thương! Người mới tu hành, trước phải phân biệt thế nào là tà, thế nào là chánh để khỏi phí uổng công phu và hối hận sau này. Vì tu theo tà định rồi, thì mắc phải bệnh thiên kiến rất khó dẫn dụ hơn là những người chưa được định lực. Ấy là điều vô cùng tai hại!

Những người không có đạo đức chơn thật, chỉ có tài xảo trá họ cũng đánh lừa được một số rất đông quần chúng để làm điều bất chánh, cái kết quả đó chẳng qua sẽ làm hại mình và hại người.

Nên khi chưa trừ dẹp được căn bản vô minh phiền não thì những thứ thiền định đã được cũng chỉ là tà định mà thôi. Vì thế, người tu thiền định, tất nhiên trước phải thành tựu Chánh kiến, nghĩa là bình thường tham thiền chẳng chú trọng đến chỗ được định mà chỉ cần làm sao cho đầy đủ Chánh kiến mới là điều quan trọng. Nếu không như thế, chẳng khác nào những người đi trên con đường đầy sự nguy hiểm!

Chánh định : Chánh định có chia làm hai: Phàm phu định và Thánh nhưn định.

Phàm phu định : Tức là định không đo tà kiến. Các tà định nếu ly khai tà kiến cũng đồng với chánh định. Phàm phu chánh định thông cả Tứ thiền và Tứ không, nhưng chưa được phù hợp với Thánh huệ, nên chẳng phải là Thánh định.

Thứ chánh định này cũng do trì Thập thiện giới, chẳng còn tà kiến. từ nơi nghiệp quả Chánh tín, tu được Thiền định. Ở đây, không có tà kiến mà chỉ có Thiện hạnh nên được gọi là chánh định, định này còn được gọi là đạo quả của Thiên thừa.

Khi thành tựu được định này, tuy chưa thể ra ngoài Sắc giới, người ta cũng đã thoát ly được Dục

giới, nhưng còn chút nhiễm trước định này một cách sâu kín, nên trong định tâm vẫn không dứt được tham si. Từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cho đến Phi phi tướng xứ đều do thứ thiên định này mà được. Ở trong quá trình ấy, mặc dầu đã chế phục được phiền não ở Dục giới, nhưng phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc vẫn còn, nên chỉ là Phạm phu định.

Trong đây, cõi Tứ thiên đã vượt ngoài Dục giới, thì sự suy tư ở Dục giới không thể nào đến được. Do đó, các vị thiên thần của các Tôn giáo, chẳng những đối với Thánh định không thể bì kịp mà ngay nơi phạm định ở cõi Tứ thiên cũng còn e không đến được.

Ở Tứ thiên, Tứ định không phải hạn cuộc trong phạm vi phạm định, như: khi thêm vào tà kiến thì gọi là tà định, y theo Thiện hạnh (thập thiện) mà vào Thiên thiên thì gọi là phạm định, còn như cộng thêm Thánh huệ xuất thế thì liền trở thành Thánh định.

Thánh nhơn định : Về Thánh nhơn định thì, người ta lại quán từ Sơ thiên, Nhị thiên v.v... cho đến Phi phi tướng thiên đều là “khổ”, chẳng tham trước, chẳng si mê, vì nhờ quán như vậy mà được thiên định, hiện ra bao nhiêu cảnh giới thắng diệu, nhưng chưa đoạn được nghiệp phiền não hữu lậu, bấy giờ mới dùng trí huệ giản trạch mà đoạn nó, ấy chính là Thắng định của Phật giáo vậy.

Nếu y cứ bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà

quán, người ta sẽ thấy rằng: tất cả đều là khổ, nên tất cả đều là không, mới chẳng đọa lạc vào nơi sanh tử luân hồi. Thế nên khi tu thiền định, người ta phải dùng gươm huệ Tứ đế để chặt đứt các dây nghiệp phiền não, để được Thánh định. Thánh định tất nhiên không còn tất cả các lậu Tam giới, còn phàm định chẳng được thế, vì vẫn còn hữu lậu, nhưng thứ hữu lậu này cũng rất là thắng diệu. Vì thế mà người ta cho cảnh giới của Ngọc Hoàng Thiên Đế là cảnh giới vô thượng cao diệu, nhưng đứng trên lãnh vực Phật giáo thì cảnh giới kia chẳng qua là của những vị Thiên thần còn ở trong Dục giới, nếu đem sánh với những cõi Tứ thiên, Tứ không thì hãy còn cách nhau xa lắm.

Vị Đại Phạm Thiên ở cõi Sơ thiên, nếu là Thượng đế của Cơ Đốc giáo, mạng sống rất lâu dài, giả sử đem tính số năm thì Đại Phạm Thiên đã có trước quả địa cầu và chết sau quả địa cầu hoại diệt. Do đó, người thường hễ nghe nói đến trời Đại Phạm, liền cho là vô thử vô chung, bất sanh bất diệt. Thật ra, cõi Sơ thiên nếu đem so sánh với tiểu thế giới, chẳng qua sự thọ mạng có lâu hơn và cảnh giới có lớn hơn mà thôi.

Tuy người đời đã tín ngưỡng ái mộ, cho là cảnh giới cao tột không thể luận bàn suy nghĩ, nhưng đem so với thiền định ở cõi trời còn không thể sánh kịp huống gì là Thiên định xuất thế gian ư !

Ở đây người nào bị các lối chấp ngăn che, không dễ gì đạt đến Thánh định. Trong Thánh định lại còn có Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. Trong Đại thừa Thánh định cũng còn có Bồ Tát định và Như Lai định.

Ở đây chỉ tóm tắt giải thích và phân loại các thiền định một cách tổng lược mà thôi. Điều nên chú ý là: Các thứ thiền định tuy có khu biệt mà vẫn đồng nhứt, vì tất cả thiền định đều lấy Vô tánh chơn không làm căn bản, nếu ai triệt ngộ được Vô tánh chơn không tức là đồng với Trí huệ bình đẳng không hai của Phật, ấy là được Thiền định của Phật vậy.

Trong văn trên, “nước” là dụ cho Tâm thể chẳng động, như nước được lóng lạng, dùng tay phiền não khuấy lên, làm bùn nhơ nổi dậy thì ánh sáng trong mất đi, nếu có người đến nhìn xuống nước đục, không thấy được bóng mình, nên những điều lợi hại hiển nhiên mà không thể biết được.

Tham ái phiền não là đầu của tất cả phiền não: hoặc tham ái ở cõi người, hoặc tham ái ở cõi trời, nếu có tham ái thì tâm bị dao động, như nước bị khuấy lên thì bùn nhơ nổi dậy. Tâm trí vì thế không được vô lậu, không thể đến chỗ Chí đạo.

Nếu ái dục không dứt thì tâm bị rối loạn, nên dứt bỏ ái dục là yếu nghĩa của pháp tu Thiền định vậy.

*

* *

BÀI XIII

e) 般若度

1/ 根本智

第十七章。佛言：
夫見道者，譬如持炬
入冥室中，其冥即滅
而明獨存，學道見諦
，無明即滅而明常存
矣。

2/ 後得智

第十八章。佛言：
吾法念無念念，行無

行行，言無言言，修
 無修修，會者近爾，
 迷者遠乎！言語道斷
 ，非物所拘，差之毫
 釐，失之須臾。

DỊCH NGHĨA

e) Bát-nhã độ

1- CĂN BẢN TRÍ

CHƯƠNG XVII

Phật dạy: Luận đến bậc Kiến đạo, thí như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối kia liền hết mà chỉ còn lại ánh sáng. Người học đạo thấy được chơn lý, thì vô minh liền dứt mà ánh sáng trí huệ thường còn.

2) HẬU ĐẮC TRÍ

CHƯƠNG XVIII

Phật dạy : Pháp của Ta, niệm mà không còn niệm và đối tượng niệm, làm mà không còn làm và đối tượng làm, nói mà không còn nói và đối tượng nói, tu mà không còn tu và đối tượng tu. Kẻ biết rất gần, người mê rất xa, dứt đường ngôn ngữ,

chẳng bị vật gì ràng buộc, sai đi hào ly, mất trong giây lát.

GIẢNG NGHĨA

Chơn lý : Lý chơn thật. Về Hiển giáo, đối với sự tướng hữu vi mà gọi Chơn như vô vi là Chơn lý, còn Mật giáo thì lấy nghĩa Nhiếp trì là lý. Sự tướng hữu vi đều tự nhiếp trì cái thể của nó không bị loạn tạp, gọi đó là LÝ, chỉ cái không sanh của Pháp tánh là CHƠN tức là Thập giới mạn trà la của Thai tạng giới. Trong đây nói thấy được Chơn lý (kiến đế) tức là chỉ cho các bậc Thánh. Về hàng Thanh Văn thì từ Dự lưu quả trở lên, còn Bồ Tát thì từ Sơ địa trở lên.

Căn bản trí : Cũng gọi là Chánh trí Chơn trí, Như Lý trí, Vô phân biệt trí. Căn bản trí là đối với Hậu đắc mà nói. Chính lúc mà chơn trí một niệm thâm lặng phù hợp với chơn lý không có sự sai biệt giữa năng duyên sở duyên. Trí này là căn bản sanh ra tất cả pháp lạc và bao nhiêu công đức đại bi, nên gọi là Căn bản trí.

Hậu đắc trí : Cũng gọi là Tục trí, Quyền trí, Như lượng trí v.v... Trí sau khi phân biệt tất cả các tướng sai biệt gọi là Phân biệt trí. Lại, Hậu đắc trí là chúng được sau Căn bản trí, nên gọi là Hậu đắc trí. Đức Phật khởi lòng Đại bi cứu độ chúng sanh cũng do Trí này.

Theo trong Nhiếp Đại Thừa Luận Thích do Ngài Chơn Đế dịch nói: “Bản thức của Như Lai hàng ly

khai tất cả, giải thoát chướng và trí chướng. Thức này gọi là Vô phân biệt trí, hoặc gọi là Vô phân biệt hậu trí. Nếu đối với chúng sanh, một phần phát khởi làm việc lợi ích, gọi đó là Tục trí, còn một phần khởi duyên tất cả Pháp vô tánh, gọi là Chơn như trí. Hiệp cả hai phần này gọi là “Ứng thân”.

Kiến đạo : Thấy được Chơn lý.

ĐẠI Ý

Bài này nói đến hai thứ trí huệ tuyệt đối: Căn bản trí và Hậu đắc trí, tức là Bát-nhã độ trong sáu độ của Bồ Tát.

GIẢI THÍCH

Bát-nhã (Prajñā) tức là trí huệ, vì ý nghĩa khác nhau nên có chia làm 3 thứ:

1) *Thật tướng Bát-nhã* : Không có các tướng, không tướng gọi là Thật tướng. Nghĩa là không có sanh tử, Niết-bàn và những tướng của các pháp, đến cái Không tướng cũng không.

2) *Quán chiếu Bát-nhã* : Dùng tâm trí huệ chiếu rõ Lý thật tướng, vì trí tỏ lý bày, phá trừ mê hoặc mà hiển tam đức diệu tâm, nên gọi là quán chiếu.

3) *Văn tự Bát-nhã* : Cũng gọi là “Phương tiện Bát-nhã”. Vì “lý” không hình tướng lại dứt cả ngôn tự, nên quyết phải nhờ văn tự để giải nghĩa, do nghĩa mà rõ được “lý”, lần lần nghĩa giải đều quên, văn tự tánh không, bấy giờ chỉ còn Tướng chơn thật. Chẳng

khác nào khi được cá, thả rồi thì nôm bầy đều quảng (bỏ). Bởi vì, người sơ học, nếu chẳng nhờ phương tiện thì khó mà nhập môn vậy. Nghĩa thú văn tự là Cảnh phương tiện; Giải là Trí phương tiện, bỏ nó không thể nào được Thật tướng, nên phải có “Văn tự Bát-nhã”.

Trí Thể Bát-nhã do ly ái mà được. Những bậc sơ học Bồ Tát, y theo giáo pháp Bát-nhã tu hành, vô lậu tịnh huệ do đó được phát sanh, gọi là Văn tự Bát-nhã. Những vị Thất hiền ở Tiểu thừa và Tam hiền của Đại thừa đều y Giáo pháp Văn tự Bát-nhã, tư duy quán sát và dùng tâm Trì giới, Thiền định mà tu tập (tức từ Tư huệ mà tiến đến Tu huệ), đúng như: Tín, Giới, Định mà quán sát, là Quán chiếu Bát-nhã. Quán chiếu cho đến khi Thanh tịnh vô lậu thân chứng chơn như, ấy là Thật tướng Bát-nhã.

Các bậc Bồ Tát được Căn bản Bát-nhã mới có thể khởi ra Hậu dắc Bát-nhã để thượng cầu hạ hóa. Từ khi chưa được Căn bản trí về trước là Quán chiếu Bát-nhã, lúc ấy chỉ tin có Bản thể trí và được đại dụng trí, đến khi được Căn bản trí (Chơn Bát-nhã) gọi là Kiến đạo.

Kiến đạo vị của Tiểu thừa là thấy chúng sanh đều không, còn Kiến đạo ở bên Đại thừa thì chúng được Nhị không (*sanh không và pháp không*).

Trong chương 17 nói: Tối là dụ cho vô minh, sáng là cho Vô lậu Thánh trí, còn cầm đuốc vào nhà tối là

dụ cho: “Đem ánh sáng Vô lậu trí” phá trừ vô minh mờ ám. Khi tối hết sáng còn, hai việc đó không có trước sau. Chúng ta không thể tức thời liền được Bản giác hiện tiền, nên chỉ có thể nhờ Giáo pháp giới định Bát-nhã tu trì, chắc chắn lần lần trí quang phát hiện, mờ ám tiêu đi, cho đến lúc vô minh hằng dứt chứng quả Vô thượng Đại giác.

Trong chương 18 là nói về Hậu đắc trí. Như ta đã biết, Hậu đắc trí từ Căn bản trí mà chứng được. Khi đã chứng được Hậu đắc trí thì đại dụng vô cùng, đại dụng ấy vi diệu không thể nghĩ bàn, nên gọi là Trí bất khả tư nghì. Trí này dung thông rộng lớn, không bị mọi sự ngăn ngại, tiêu dứt các phân biệt, hợp với Pháp tánh. Những ngã chấp, pháp chấp do hai chướng khởi ra cũng từ đây lần lần hết.

Các vị Bồ Tát tuy chưa có thể đoạn dứt được hai chấp, nhưng đã trừ bớt được quá nửa, từ đấy tinh tấn đến Phật vị thì sẽ đoạn xong, nên Hậu đắc trí cũng là cơ sở chứng thành quả Phật.

Ngã chấp phát hiện, tức là phiền não chướng, pháp chấp phát hiện, tức là sở tri chướng. Những bậc Bồ Tát Địa tiền, phiền não của sáu thức có lúc nhiếp phục, nhưng phiền não của Đệ thất thức vẫn hiện hành, phải chờ đến khi Căn bản trí phát hiện mới có thể dứt sạch được phiền não chướng do phân biệt sanh ra, bấy giờ mới có được “Đại dụng bất khả tư nghì”. Ấy là Hậu đắc trí.

Chúng ta cũng cần nên biết đến cái Thể của Hậu đắc trí. Nếu đứng về phương diện tâm pháp phân tách, thì nó chính là Huệ Tâm sở trong năm món Biệt cảnh Tâm sở. Bình thường, chúng ta vốn đầy đủ Huệ này, nhưng vì nó bị phiền não chi phối nên không được thanh tịnh, đến khi chứng được Căn bản trí thì nó mới trở thành thanh tịnh. Nhưng Huệ tâm này, bấy giờ nó còn phải nương nhờ các tâm Tâm sở khác.

Những bậc Địa thượng Bồ Tát, các Tâm vương tương ưng là thanh tịnh Ý thức và thanh tịnh Mạt-na thức, cùng với những tâm Tâm sở tương ưng là 5 món Biến hành, 5 món Biệt cảnh và 11 món Thiện.

- Đã cùng với tâm Tâm sở tương ưng tại sao không gọi là Tâm mà gọi là Trí ?

- Vì trong tâm Tâm sở thanh tịnh lấy Trí làm chủ, còn trong tâm Tâm sở hữu lậu lấy Thức làm chủ, nên gọi nó là "Trí" mà không gọi là "Tâm". Khi đến quả vị Phật thì Tám thức và các Tâm sở tương ưng đều thanh tịnh, tất cả những tâm pháp thanh tịnh đều cùng với trí này tương ưng, nên Thể của Hậu đắc trí là Huệ.

Căn bản trí lấy Chơn như tánh làm cảnh sở hiện, còn Hậu đắc trí thì lấy các Pháp tướng làm cảnh sở hiện. Nên Thật báo trang nghiêm Thân và Thật báo trang nghiêm Độ của chư Phật và Bồ Tát, đều là cảnh sở hiện của Hậu đắc trí. Do đó, chúng ta biết

rằng trí ở đây nói không như trí bình thường mà người ta nói, vì nó bao quát tất cả Thanh tịnh thân và Thanh tịnh độ vậy.

Pháp ở trong chương này nói, là thứ pháp phi Đức Phật không thể nào thành tựu. Hàng Sơ địa Bồ Tát trở lên chỉ thành tựu được phần nào thôi. Đây thuộc về Pháp Đại thừa bất cộng, duy có Phật và Bồ Tát mới có thể thành tựu, nên gọi là “pháp của Ta”. Pháp này không thể dùng suy nghĩ, luận bàn, cũng không phải do làm hay tu chứng. Tự nhiên, không nghĩ mà chưa từng không có điều nào là không nghĩ; không luận bàn mà chưa từng không có điều nào là không luận bàn; không làm mà chưa từng không có điều nào là không làm; không tu mà chưa từng không có pháp nào là không tu.

Nói thế, mới nghe hình như mâu thuẫn, nhưng ở đây không thể đem một học lý nào để định lệ. Vì pháp ấy dùng tư tưởng không thể thông được, đem luận bàn không thể đến được, nên gọi là “Bất khả tư nghĩ”.

Niệm là một món Tâm pháp trong năm món Biệt cảnh: Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Huệ. Niệm tức là ghi nhớ một cách rõ ràng. Bình thường, chúng ta niệm Phật, tưởng là dùng khẩu niệm mà niệm mãi, đó là Niệm. Như thế, chúng ta đã hiểu một cách sai lầm, vì bốn nghĩa của chữ Niệm là ghi nhớ rõ ràng không hề quên mất. Tâm trong sát-na sanh diệt lúc

nào cũng ghi nhớ đến Đức Phật. Tâm không hề xen lộn một cảnh nào khác, mà chỉ lấy Phật làm cảnh. Do đó, tất cả tâm Tâm sở đối với cảnh Phật luôn luôn ghi nhớ rõ ràng, ấy là Phật trí.

Tâm sở trong năm món Biệt cảnh: Niệm từ Dục và Thắng giải mà ra. Do Niệm sanh Định, nhờ Định mà phát Huệ. Nên Tâm sở trong Biệt cảnh lấy Niệm làm then chốt, đây là bản ý của chữ *Niệm* vậy.

Lại người ta thường nói: “Tâm tâm niệm niệm”, hoặc nói “Mỗi niệm, mỗi niệm”, đây là chỉ một lần khởi diệt của tâm. Cứ một lần khởi diệt gọi là “Niệm Niệm” ấy là nghĩa riêng của chữ Niệm.

Trong Hậu đắc trí, chẳng phải là không Niệm. Vì Niệm trong Hậu đắc trí là ghi nhớ rõ ràng không hề quên mất. Nhưng Niệm ở đây chẳng đồng với thứ Niệm khi chưa được Căn bản Vô phân biệt trí, tức chẳng đồng với thứ niệm có ngã chấp, pháp chấp và phân biệt chấp, nên nói rằng: “*Niệm mà không niệm và đối tượng niệm*”. Tuy không có các thứ niệm ngã chấp, pháp chấp mà chưa từng không có thứ niệm ghi nhớ rõ ràng, nên lại nói: “Không niệm mà vẫn niệm”.

Trí hậu đắc cũng chưa từng có niệm niệm tương tục sanh diệt, nhưng lại có thể biết rõ chính cái sanh diệt ấy là “Không”, mà ngay cái không ấy cũng không có cái “Không sanh diệt” nên nói rằng; “không cái Niệm và cái không Niệm”.

Làm mà không làm và đối tượng làm : Chữ *làm* trong Kinh Phật là chỉ cho pháp hữu vi sanh diệt. Như nói: “Các hạnh vô thường”, tức là nghĩa của sanh diệt pháp cũng là nghĩa tạo tác. Những pháp hữu vi chính là những pháp có thi vi tạo tác và những pháp sanh diệt.

Bậc Sơ địa Bồ Tát gồm tu vạn hạnh, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, trong nhứt tâm gồm tu vạn hạnh, tinh tấn đến quả Phật, vì Tâm Bồ-đề là lợi giúp chúng sanh mà khởi hạnh, dầu khi đến công viên quả mãn mà hạnh lợi tha cũng vẫn còn. Trong đây, phàm tất cả hạnh đã làm đều gọi đó là *Hạnh*, vì *Hạnh* do các duyên mà khởi, tất cả đều là bổn không, không có tự tánh, nên làm mà không làm, không làm mà vạn hạnh đầy đủ, nên “*Không làm mà làm*”.

Nói mà không nói và đối tượng nói : “Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh, dùng lời nói làm chủ, bao nhiêu danh tự ngôn thuyết đều vì tư tưởng của chúng sanh mà lập để phá trừ những tư tưởng lầm lẫn của chúng sanh, nhưng không thể do đó mà chúng được Vô phân biệt trí của chư Phật và Bồ Tát. Vì thật tướng của các pháp xa lìa “ngôn thuyết”. Nhưng Đức Phật vì độ sanh không thể không nói, nên phải có ngôn thuyết, mà trong ngôn thuyết đều không có thật tướng các pháp. Chỉ có danh ngôn chứ không có thật nghĩa, nên “*nói mà không nói*”. Song khi phá vọng chấp của chúng sanh vẫn phải dùng đến phương tiện ngôn thuyết, nên: *không nói mà nói*.”

Tu mà không tu và đối tượng tu : Tu đây là tu tập, chính là cái nghĩa: học tập hay luyện tập. Những hàng Sơ địa Bồ Tát gọi là Tu tập vị, vì tuy đã thông suốt Phật pháp mà chưa luyện tập cho thành thực.

Phật quả, tự vị đã không có điều gì phải tu, nhưng còn phải dạy người tu, mà sự tu kia không có gì gọi là được, nên gọi là “Trí vô đắc bất khả tư nghì”. Tuy không có thật thể chứng được, nhưng cũng không phải không có các duyên phát khởi các thứ tu tập, nên không tu mà *phải tu*.

Trong Kinh Hoa Nghiêm: Phẩm Nhập Pháp Giới cũng gọi là Phẩm Nhập Bất Khả Tư Nghì nói: “Vì đã xa lìa phiền não và giải thoát chướng, Trí bất khả tư nghì trên tư tưởng, ngôn thuyết trong tâm chúng sanh ở nơi hai chướng, đều không thể lập. Tuy ở trong tâm chúng sanh không thể thành lập mà ở trong tâm Bồ Tát trí sạch hai chướng thật là có cảnh ấy, nên nói rằng; “Bất khả tư nghì”. Thật ra, cảnh ấy cũng chẳng phải chỉ riêng có với chư Phật, Bồ Tát, vì “Các pháp thật tướng bản lai bình đẳng”, chỉ vì chúng ta chưa trừ sạch hai chướng, nên không thể nhận biết được, cần phải nhờ Thánh giáo quán sát mà thể hội, liền được dần dần liễu ngộ, nên nói “người biết thì rất gần”, nhưng vì trong tâm chúng sanh mê muội không nhận biết, nên không thể thấu suốt được các Pháp thật tướng này, cho là rất xa, mà

kỳ thật không xa, vì tâm của chúng sanh bản lai tức là các Pháp thật tướng. Như người trong mộng, tuy riêng thành cảnh mộng, mà chẳng lìa tâm này (các Pháp thật tướng) thí như người mê, nên nói rằng “người mê thời rất xa”.

*

* *

BÀI XIV

3) 加 行 位

a) 無 常 即 常 觀

第 十 九 章 。 佛 言 ：
 觀 天 地 念 非 常 ， 觀 世
 界 念 非 常 ， 觀 靈 覺 即
 菩 提 ， 如 是 知 識 得 道
 疾 矣 。

b) 無 我 如 幻 觀

第 二 十 章 。 佛 言 ：
 當 念 身 中 四 大 各 自 有
 名 ， 都 無 我 者 ， 我 既
 都 無 ， 其 如 幻 耳 。

DỊCH NGHĨA

3) GIA HẠNH TRÍ

a) Quán Vô thường là thường

CHƯƠNG XIX

Phật dạy rằng : Quán Trời đất, nghĩ là chẳng phải thường, quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường, quán Linh giác tức Bồ-đề, hiểu biết như thế được mau đắc đạo.

b) Quán Vô Ngã như huyền

CHƯƠNG XX

Phật dạy rằng : Phải quán bốn đại, trong thân, mỗi đại tự nó có tên, đều không có cái gì là ngã, ngã đã không có thì chúng chỉ như huyền mà thôi.

GIẢNG NGHĨA

Linh giác : Giác tánh linh diệu.

Bồ-đề (Bodhi) : Cựu dịch: Đạo; tân dịch : Giác đạo, có nghĩa là thông giác, có nghĩa là giác ngộ. Cái cảnh sở thông, sở giác, có cả hai phần: sự và lý: “Lý” tức Niết-bàn, là Nhứt thiết trí đoạn Phiền não chướng chúng được Niết-bàn. Đây là Bồ-đề thông cả Tam thừa. “Sự” tức là tất cả các pháp hữu vi do Nhứt thiết chủng trí đoạn Sở tri chướng mà biết được các pháp. Đây chỉ là Bồ-đề của Phật. Bồ-đề của Phật thông cả hai phần trên, gọi là Đại Bồ-đề.

Bốn đại : Đất, nước, gió và lửa.

ĐẠI Ý

Bài này, Phật dạy: “Quán vô thường là thường”, vì trong cái vô thường sẵn có cái thường là quán thân tứ đại này giả dối như huyễn, không nên mê luyến.

GIẢI THÍCH

Từ chương 19 đến chương 26 là nói về Gia Hạnh Bát-nhã. Gia hạnh là khi chưa được Căn bản trí về trước gia công tấn hạnh.

Các hạnh đã làm hằng ngày chứa thành các thứ thiện căn, bấy giờ có thể tăng tiến tu Gia Hạnh Bát-nhã. Công việc khai thị giáo hóa chúng sanh của Phật là : y nơi “Giáo” tỏ “Lý”, y nơi “Lý” mà khởi “Hạnh”.

Quán chiếu Bát-nhã trong ba thứ Bát-nhã, tức là do Văn tự Bát-nhã mà tu. Ở trong quá trình này, gia dĩ tu hành mạnh mẽ, tức là Gia Hạnh.

Chúng sanh từ vô thủy đến giờ, do nghiệp tham ái mà thành, cố kết khó trừ. Do đó, hàng Bồ Tát tu hành, đối trị tập khí thâm trọng từ vô thủy đến nay phải dùng hạnh lực gia tăng để khiến nó đoạn dứt, chúng được Thánh quả không lui sụt, không phải chỉ

dụng công khắc khổ, dũng mãnh tinh tấn trong nhưt thời mà được.

Trong Phật pháp, nếu ta không chứng được Thánh quả vẫn phải đọa lạc luân hồi, chỉ có người chứng được Thánh quả mới được hằng không lui sụt. Vì lẽ ấy, người đã sanh lên cõi trời, nếu chưa được Thánh quả, vẫn phải đọa lạc; nên biết chỉ có người chứng được Thánh quả mới là tiến hóa chơn thật. Đến như Bồ Tát vì Y báo, Chánh báo trong mỗi địa đều được trang nghiêm tăng tiến nên không có một mảy may luân chuyển. Vì thế mà người tu hành, muốn chứng được Thánh quả bất thối, nếu chẳng phải gia hạnh thì không thể nào thành công được. Gia Hạnh luôn luôn dùng trí huệ làm chủ, nên còn gọi là *Trí*.

Gia hạnh có hai nghĩa rộng, hẹp khác nhau:

Theo nghĩa rộng: Khi chưa chứng được Thánh quả về trước, bao nhiêu công hạnh đều là Gia Hạnh tức là từ Bồ Tát vị, muốn tiến đến Phật vị, gọi là Gia hạnh vị.

Theo nghĩa hẹp: Cái công việc sẽ khởi hành sau Tư lương vị là Gia hạnh vị. Tư lương vị tức là thời kỳ tích tập phước đức, trí huệ để làm món lương phạn dự bị cho gia hạnh, như: Chúng ta xem Kinh, Trì giới, Tu định... luyện tập chuẩn bị cho Gia Hạnh, ấy là Tư lương hạnh.

Trong Đại thừa và Tiểu thừa, trước khi được Căn bản trí, có bốn vị Gia Hạnh, đều dùng: Định, Huệ,

Quán chiếu làm căn bản. Trước Gia Hạnh, Tư lương hạnh, trước Tư lương hạnh còn Chứng tánh hạnh, nhưng chỉ vì tín tâm chưa thuần thực, nên không thể khởi hạnh Tư lương.

Chữ “Trời đất” (Thiên địa) trong đây nói, thông thường gọi là “thế giới”, nhưng nếu dùng liên tiếp: thiên địa thế giới, thì ra cái nghĩa: “thế giới vạn vật” cũng như nói “thiên địa nhân vật”.

Câu “chẳng phải thường” trong đây có hai nghĩa : 1) Biến hoại. 2) Đoạn diệt. Trong Phật pháp nói: “Chẳng phải thường” không phải theo nghĩa đoạn diệt mà là theo nghĩa biến hoại. Nói một cách khác là “thiên lưu chuyển biến”, có nghĩa là thành hoại.

Ý nói: Quán chiếu cái rộng lớn lâu xa như Trời đất còn có lúc biến hoại, thì những thứ khác không cần nói đến.

Thế giới tức là vũ trụ. Vũ là bốn phương, trên dưới; Trụ là xưa qua nay lại. Nếu theo danh từ nhà Phật thì: ba đời là thế, mười phương là giới; một là chỉ về thời gian; một là chỉ về phương vị. Hoặc lấy một mức độ vận hành của mặt nhật làm một ngày, hoặc dùng sự lưu động của nội tâm làm sát-na; “thời” thuộc về tinh thần, “phương” duy là vật chất.

Đã quán “Trời đất” là vô thường, thì thế giới đương nhiên cũng là vô thường. Nhưng Vô thường quán có “thô” có “tế”; Tế là sát-na sanh diệt, tức là vô thường, thô thì trời đất cũng là vật bị biến hoại. Lại Tế quán thân người biến đổi từng giờ, từng khắc,

ta ngày nay chẳng phải là ta ngày hôm qua, chỉ vì sự biến đổi đó in tuồng như tương tục, trước sau phưởng phát như nhau nên trước khi bị phá diệt, chúng ta không hề biết nó đã thay đổi. Như nước của một giòng sông, không lúc nào là chẳng biến dịch, nhưng mà lòng sông vẫn đứng yên, nên chúng ta không biết nó thay đổi, khi đến cửa sông, nước đổi chiều chảy mạnh, người ta mới biết nó biến dịch. Pháp quán vô thường thông cả Đại thừa và Tiểu thừa.

Về Đại thừa Quán vô thường có Căn thân hữu tình và Thế giới vô tình đều từ vô thủy lưu hành sanh diệt tương tục, chúng chỉ là tướng phần của A-lại-da biến khởi, mà A-lại-da đã chuyển biến không ngừng, thì những cảnh do Tướng phần sanh ra, dĩ nhiên cũng là Sát-na sanh diệt, như: Mộng là do Sát-na sanh diệt; thì tướng trong mộng cũng là Sát-na sanh diệt. Những thứ tương tục sanh diệt này đều y nơi thế lực nghiệp chủng trước, kỳ hạn chưa dứt: A-lại-da ở ngay trong phạm vi nghiệp lực sanh diệt tương tục. Kỳ hạn của nghiệp chủng này ở sách Nho gọi là *mạng*. Thế nên, chúng ta cho người chết không còn hay biết, kỳ thật A-lại-da thức chưa đoạn diệt, nên y theo nghiệp lực lại tìm một đời sống khác. Vì lẽ ấy, trạng thái mà người ta gọi là chết đó chẳng qua là trạng thái biến hoại thông thường mà thôi.

Nếu quán sát như thế thì tướng vô thường thô, tế đều rõ ràng là Duy thức. Ấy là phương pháp quán tướng của Đại thừa.

Linh giác tức Bồ-đề: Cũng chính là Quán tâm tức Phật vậy. Nếu Thọ quán vô thường thì đối với thế giới không còn tham ái, nếu Tế quán vô thường đến cùng cực thì chứng được Phật quả, nên nói rằng được mau đắc đạo.

Nói: “Liễu thoát sanh tử”. Sanh đây chẳng phải là không còn sanh nữa, chẳng qua là đem cái sanh diệt tương tục hữu hạn mà thay vào cái tương tục vô hạn đầy thôi, nên trong Kinh Phật gọi đó là “vô sanh”, nghĩa là không phải khử bỏ cái *sanh* mà thật là mở mang cái *sanh* này khiến nó lớn thêm lên. Vì cái sanh có hạn, đều do ngã pháp chấp tiếp nối sanh khởi. Nếu không được hai chấp này thì nghiệp lực hữu hạn biến làm hạnh bình đẳng mà trở thành Đại giải thoát do A-lại-da thức được thanh tịnh để trở thành Yêm-ma-la thức, tức là Tự thọ dụng thân của Phật. Vì thế, cực điểm vô thường chính là cái thường tương tục cùng tột điểm vị lai, nó cũng chính là cái *thường* của Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong Phật pháp. Nhưng kỳ thật Yêm-ma-la thức cũng là sanh diệt tương tục, chẳng qua là nó sanh diệt vô cùng hạn, và luôn luôn yên lặng tương tục, nên gọi là “thường”. Đây là Quán linh giác tức Bồ-đề vậy.

Chương 19 nói Quán “vô thường là thường” còn chương 20 thì nói rõ Quán “vô ngã như huyễn”.

Các pháp vô ngã có hai nghĩa: Sâu và Cận.

Cạn là quán thân này do tứ đại hiệp thành, trong tứ đại, mỗi đại đều có tên riêng, nếu chấp ta là ngã, thì ngã ấy do tứ đại hiệp thành; còn như cho rằng tứ đại là ngã, thì không có chỗ nào là không có tứ đại, vậy cái ngã mà ta chấp đó, nó phải cùng khắp, ngã đã cùng khắp, thì ngã và chẳng phải ngã cũng không thể thành lập. Đây chỉ là thiên về cái nghĩa “Sanh không quán” mà nói.

Sâu thì đã bao quát cả cái nghĩa Pháp không trong đó. Bởi vì, pháp tức là vật, không luận là vật gì cũng đều không có tự tánh, chúng chỉ nương nơi Y tha khởi, mượn các duyên mà sanh, y nơi Duy thức mà hiện, cho đến : Địa, thủy, hỏa, phong cũng thế. Vậy thì, cái ngã do tứ đại giả hiệp kia, quyết không thật có, mà tứ đại mượn các duyên sanh cũng không tự thể, vì không tự thể nên tánh nó cũng không. Lại các pháp đều nương những Thức sai biệt mà được phát khởi. Các Thức này do tích tập vô thủy đến nay mà được thành tựu cũng chỉ là Y tha khởi tánh, rốt ráo không thật thể. Đây là quán các pháp vô ngã, tức là: “Pháp không quán” vậy.

Do những nghĩa trên, ta thấy lời thuyết pháp của Đức Phật, chỉ đưa ra một khía cạnh nào đó cũng đã có cả ba khía cạnh kia, khiến chúng ta có thể từ chỗ gần mà suy đến chỗ xa. Các hàng Tiểu thừa trí huệ thấp kém, chỉ có thể Quán thân vô ngã mà không thể Quán các pháp tứ đại là vô ngã, nên pháp chấp vẫn

còn. Có thể nói một cách tổng quát, tất cả các pháp đều vô ngã, là pháp quán của Đại thừa. Như quán: đất là do các duyên hợp lại, nó không có tự thể, ấy là: “Địa không quán” v.v...

Từ trước đã giảng pháp Quán các hạnh vô thường, các pháp vô ngã. Khi pháp quán này thành lập thì hai chấp đều không, nhân sanh và thế giới tất cả đều như huyễn. Theo Đại thừa Duy thức giải thích: Các pháp Duy thức đều như huyễn, các pháp như huyễn đều là Duy thức. Ở trên nói: “Quán vô thường tức Tâm” chính là “Quán vô thường tức Thức”; còn “Quán các pháp vô ngã” chính là “Quán vô ngã như huyễn”.

Từ trong pháp “Quán vô thường tức Thức”, ta có thể biết: “vô thường tức là thường”, trong pháp “Quán vô ngã như huyễn” thì sẽ ngộ được “vô ngã tức ngã”. Vì ngã có nghĩa là tự do, nghĩa là theo tâm vận chuyển không bị chướng ngại. Nếu ai đến chỗ không chướng ngại thì trong một pháp có thể nhiếp được tất cả pháp, một pháp vào tất cả pháp và chúng lẫn nhiếp lẫn nhập, lẫn hiệp lẫn biến. Vì các pháp chỉ là Tâm thức hiện ra nên không chướng ngại.

Ở đây vô thường tức thường sẽ thành “Thường lạc”, vô ngã tức ngã sẽ thành “Ngã tịnh”. Ấy là Đại tự tại. Pháp quán tối thâm chính là pháp Quán vô ngã đến chỗ tự tại vô ngại. Đây là diệu quán thông thường của hàng sơ phát tâm cầu đến quả Phật.

BÀI XV

c) 通觀五欲

第二章。佛言：佛聲名故學如香，
 一欲求於身而不譬，香之。佛言不，兒。
 十情顯著常勞人危。二人，忍美舌之。
 二隨名貪枉，矣其後十於如餐有。
 第聲！矣道燒之而第財，足之。
 矣，香燼在，捨不舐。

DỊCH NGHĨA

c) Quán ngũ dục

CHƯƠNG XXI

Phật dạy : Người theo tình dục cầu được thanh danh, khi thanh danh vừa hiển lộ thì thân đã chết rồi! Nếu người tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học đạo, thì chỉ uống công mệt xác, thí như: đốt hương, người ta vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã cháy hết, mà thứ lửa hại thân lại theo liền sau đó.

CHƯƠNG XXII

Phật dạy : Tài sắc đối với người, người không bỏ được, chẳng khác nào trên lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, thế mà dứa bé liếm vào quyết sẽ bị cái hại đứt lưỡi.

GIẢNG NGHĨA

- Tình dục** : Mối ham muốn ở trong lòng người, tức là thất tình và lục dục.
- Thanh danh** : Tiếng tăm, danh dự do người đời truyền tụng.
- Tài sắc** : Tiền của và sắc đẹp.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật khuyên chúng ta không nên theo đuổi ngũ dục mà bỏ học đạo, vì tài sắc sẽ gây

cho kẻ tu hành nhiều điều tai hại, nếu ta theo đuổi nó chẳng khác nào đứa bé liếm mật trên lưỡi dao bén.

GIẢI THÍCH

Thông quán ngũ dục : Tài, sắc, danh, thực và thù để phá lòng ham muốn cầu danh. Muốn lưu danh hậu thế, ở đời có người làm các điều thiện để lưu danh tốt; trái lại, có kẻ làm những điều cực ác để lưu tiếng xấu muôn đời, khác nào người đốt hương mong được nghe mùi, nhưng có biết đâu khi được nghe mùi hương thì cây hương đã cháy hết.

Chương 22 chuyên nói về tài, sắc. Vì tài sắc là thứ mà người đời rất thèm khát và nó là căn bản của ngũ dục, nên tiếp đưa ra thí dụ đứa bé liếm mật để chúng ta suy gẫm đến tai hại của tài và sắc.

*

* *

BÀI XVI

d) 別 訶 色 欲

第 二 十 三 章 。 佛 言
 : 人 繫 於 妻 子 舍 宅 甚
 於 牢 獄 , 牢 獄 有 散 釋
 之 期 , 妻 子 無 遠 離 之
 念 。 情 愛 於 色 , 豈 憚
 驅 馳 ! 雖 有 虎 口 投 患
 , 心 存 甘 伏 ! 夫 泥 自
 溺 , 故 曰 凡 夫 ; 透 得
 此 門 , 出 塵 羅 漢 。
 第 二 十 四 章 。 佛 言
 : 愛 欲 莫 甚 於 色 , 色
 之 為 欲 , 其 大 無 外 。

同 二 使 若 矣 一 有 賴
道 為 能 無 人 之 天 普
者 矣 。

言 佛 章 十 二 第
炬 執 如 猶 人 之 欲 愛
手 燒 有 必 行 而 風 患
逆 之

神 佛 天 章 十 二 第
穢 眾 壞 欲 佛 六 十 二
不 吾 ！ 革 ？ 於 女 玉
問 因 敬 去 愈 ？ 言 佛 來 ； 陀
即 說 解 為 佛 神 佛 ； 陀
意 須

DỊCH NGHĨA

d) Trách về sắc dục

CHƯƠNG XXIII

Phật dạy rằng : Người bị ràng buộc bởi vợ con, nhà cửa còn quá hơn lao ngục, lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không một ý niệm xa lìa. Một khi tâm thích về sắc đẹp thì đâu còn sợ gì đến sự gian nguy. Dẫu cho có sự hoạn họa nơi miệng hùm, lòng cũng đành chịu. Vì tự đắm mình nơi lấy lợi, gọi là phạm phu, nếu hiểu được lẽ ấy, chính là bậc xuất trần La-hán.

CHƯƠNG XXIV

Phật dạy : Sự thèm muốn không gì hơn sắc đẹp. Sự thèm muốn sắc đẹp, ngoài nó không gì lớn bằng. Cũng may, chỉ có một mình nó mà thôi, chứ nếu có cái thứ hai bằng nó, thì người khắp trong thiên hạ không ai có thể hành đạo được vậy.

CHƯƠNG XXV

Phật dạy : Người ái dục cũng như kẻ cầm đuốc nghịch gió mà đi, tất không tránh khỏi cái nạn cháy tay.

CHƯƠNG XXVI

Thiên thần dâng Ngọc nữ cho Phật, toan phá ý niệm của Phật. Phật bảo rằng : “Cái, dây da chứa những ô uế, người đến đây làm gì? Đi ! Ta chẳng dùng đâu”. Thiên thần thấy vậy càng thêm kính

nể và nhờn đó mới hỏi về ý đạo. Phật vì ông giảng nói, liền chứng được đạo quả Tu-đà-hoàn.

GIẢNG NGHĨA

- Phóng thích** : Thả ra.
Gian nguy : Khốn khổ nguy hiểm.
Xuất trần : Ra khỏi trần lụy.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói: Con người bị ràng buộc vì vợ con nặng hơn sự ràng buộc chốn lao ngục. Trong tất cả sự thèm muốn không có sự thèm muốn nào hơn sắc dục.

Nếu kẻ học đạo đam mê sắc dục sẽ bị điều tai hại không tránh khỏi, như người cầm đuốc đi ngược gió. Vì biết thế, nên khi sắp thành đạo, có vị Thiên thần dùng nữ sắc để phá Phật, Phật cương quyết đuổi đi.

GIẢI THÍCH

Chương 21 trách chung về sự ham mê ngũ dục, còn từ chương 23 đến chương 26 riêng nói về tai hại ham mê sắc dục, đây chính là Sắc dục quán.

Muốn đạt được Vô ngã quán, trước phải xa bỏ sắc dục, rồi mới có thể xuất gia và chứng được đạo quả. Thông thường, xuất gia có hai nghĩa: một là gia tài, hai là thân thuộc. Trong đây nói “thê tử” đã bao

quát cả nghĩa gia thuộc; “nhà cửa” đã bao hàm cả nghĩa gia tài (tài sản). Thê tử là nguyên lai khởi ra sắc dục. Vì gốc của sắc dục quá sâu, nên đối với thê tử không có ý niệm nào muốn xa lìa.

Câu: “Tự đắm mình nơi lầy lội” là dụ về cái khổ của sắc dục. Như vì khi Phật thuyết pháp, có con voi điên tự nhảy vào bùn để trằm mình và càng vùng vẫy, càng bị lún sâu, nên Phật lấy đó làm thí dụ.

Câu: “Hiểu được lẽ ấy” là nói: mãn Đệ tam quả chúng được Đệ tứ quả. Bởi vì hai quả trước chưa ly khai Dục giới, vẫn còn sắc dục. Ở cõi Sắc giới đều là Hóa thân, nên mới được thoát ly sắc dục. Ấy là Đệ tam quả. Dầu rằng, ở Dục giới tuy chưa đoạn được sắc dục, nhưng lúc nào cũng có ý niệm xa lìa, tức là đã có chủng tử A-la-hán, rồi sẽ có ngày ra khỏi.

Thông thường nói “sắc” ở cõi Sắc, không phải là cái nghĩa “sắc dục”, mà là cái nghĩa có hình sắc. Đến cõi Vô sắc, con người mới hoàn toàn không có hình thể, nhưng vẫn y nơi Nghiệp thức lưu hành không gián đoạn lại do tâm định chấp trì làm cảnh, nên Sắc giới đã thoát ly được hai tánh âm dương (tánh nam nữ), chẳng như ở Dục giới. Nhưng chúng sanh ở cõi này nếu chẳng y Phật pháp để ly khai Dục giới, chúng quả A-na-hàm, thì vẫn phải chuyển sanh trở lại làm người.

Những người tại gia, giữ gìn năm giới cho đến khi chúng được quả xuất thế hoặc giữ gìn Tỳ-kheo giới, tiến đến chỗ ly dục, gọi đó là “Xuất trần La-hán”.

Chương 24 nói: Trong các thứ dục, chỉ có sắc dục là tai hại và mãnh liệt hơn cả, nên nói là: “ngoài nó không có gì lớn bằng”. Nhưng cũng may, chỉ có sắc dục, chớ nếu còn có một thứ dục nào khác mãnh liệt như sắc dục, thì chắc chắn không ai có thể tu hành cầu thoát ly sanh tử được. Ngày nay những kẻ học đạo giải thoát rất khó, cũng chỉ vì sắc dục mà thôi. Vì thế mà hành giả y theo Phật pháp cầu được xuất thế, không thể không để tâm trách cứ về sắc dục được.

Chương 26 là thuật theo sự tích Ứng hóa của Đức Phật Thích Ca. Khi Phật sắp thành đạo có Thiên ma ở Dục giới thuộc về cõi trời thứ sáu (tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên) tìm cách quấy nhiễu Phật. Cõi trời này sự thọ dụng về ngũ dục lạc rất là vi tế thắng diệu. Vị Thiên chủ tên là Ba Tuần cũng là vị chủ trì năm thứ dục của Dục giới. Tất cả chúng sanh ở Dục giới muốn cầu được ngũ dục tối thắng đều phải sùng phụng vị này. Nhưng trong Phật pháp lại luôn luôn muốn xuất ly Dục giới, nên bị bọn Thiên ma ghét, vì thế chúng mới đem Ngọc nữ hiến cho Phật. Việc hiến Ngọc nữ không hẳn là khi Phật sắp thành đạo, mà có thể sau khi thành đạo cũng không chừng, như lời Phật quở trách bọn ma ở chánh văn ta có thể biết.

Trong Kinh Phật có chép rằng; “Có một người đã chứng được Đề nhị Tư-đà-hàm quả vẫn chưa bỏ được lòng thương vợ, sau chứng lên Đề tam quả A-na-hàm, bấy giờ mới dứt được sắc dục. Khi ấy, người vợ muốn

điều ân ái, vị này mới rút một cành hoa đẹp nhứt trong bình đầy hoa hôi rữa, rồi bảo vợ rằng: “Nếu nàng có thể cầm giữ được cái bình hoa này thì ta mới có thể cùng nàng ân ái”. Kế đó cái bình hoa ấy bị bể, những thứ ô uế văng ra, người vợ lật đật tránh đi. Chùng ấy, người vợ mới hiểu là thân người bất tịnh.

Đoạn văn này nói: “Đấy da đựng những đồ ô uế” là dụ cho thân người bất tịnh vậy.

Hỏi về ý đạo, tức là hỏi về ý nghĩa thành đạo. Theo câu chuyện trên, cho ta biết quả Tu-đà-hoàn chưa ắt đã dứt được sắc dục, vì chưa ra khỏi Dục giới.

*

* *

BÀI XVII

f) 精進度

1/ 披甲精進

a) 披甲精進行

第 二 十 七 章 。 佛 言
 : 夫 為 道 者 猶 木 在 水
 , 尋 流 而 行 不 觸 岸 鬼
 。 不 為 人 取 不 洄 為 流 所
 神 所 遮 亦 決 不 腐 敗 吾 學
 住 木 人 不 為 邪 情 所 惑 精
 此 之 不 眾 為 吾 保 此 人 必
 無 道 矣 。

DỊCH NGHĨA

f) *Tinh tấn độ*

1) MẶC GIÁP TINH TẤN

a) HẠNH MẶC GIÁP TINH TẤN

CHƯƠNG XXVII

Phật dạy : Xét ra, người hành đạo cũng như gỗ trôi mặt nước, theo giòng mà đi, chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quý thân ngăn trở, chẳng bị nước xoáy làm đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam đoan rằng khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển. Còn người học đạo, nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ngoại làm nhiễu loạn, tinh tấn tu Pháp vô vi, Ta cam đoan rằng người đó tất sẽ được Đạo.

GIẢNG NGHĨA

Mê hoặc : Tâm thần rối loạn, sai lầm.

Tà ngoại : Ngoại đạo tà kiến, Bọn ngoại đạo thường chấp một cách sai lầm: chấp thường, chấp đoạn, chấp hữu, chấp vô v.v...

Nhiều loạn : Quấy rối.

ĐẠI Ý

Bài này nói người tu Hạnh tinh tấn đừng để mình lầm lạc vào các lối chấp... nhưt định sẽ được chúng quả giải thoát.

GIẢI THÍCH

Thứ tự của Lục độ, nhiều thuyết không đồng nhau, trong pháp Đại thừa thì có hai nghĩa: một là Bát-nhã ở sau, hai là Tinh tấn ở sau.

Theo trong Kinh Hoa Nghiêm thì: đem Ngài Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu cho Đại thừa Bát-nhã trí, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu cho Đại thừa Tinh tấn hạnh, Đức Phật Tỳ Lô Giá Na tiêu biểu cho Đại thừa Viên mãn quả. Do đây mà toàn bộ Đại thừa: Cảnh, Hạnh, Quả biểu hiện được viên mãn. Nhưng Đại thừa viên mãn quả đều do trí và hạnh mà được thành tựu. Vì thế nên trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật Tỳ Lô Giá Na không hề thuyết pháp... mà chỉ có Ngài Văn Thù và Ngài Phổ Hiền nói pháp và hiện Thần thông.

Trong Lục độ, Bát-nhã ở sau là để tiêu biểu cho Trí Văn Thù, còn Tinh tấn ở sau là để tiêu biểu cho Hạnh Phổ Hiền, nên trong đây (Tứ Thập Nhị Chương) dùng Bát-nhã kế Tinh tấn để ở rốt sau, tức là theo ý nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm, nghĩa là năm độ trước đều phải nhờ Tinh tấn mới được thành tựu. Như các học giả do tụng Kinh nghe pháp mà rõ được thật tướng của các Pháp tánh tướng tức là được Văn tự Bát-nhã, rồi do đây Tinh tấn mới có thể được vạn hạnh của Đức Phổ Hiền. Đã biết được ý nghĩa này, những người học Phật phải lấy Tinh tấn làm chủ, chẳng nên tham luyến những cảnh an nhàn, cần nên so sánh trách nhiệm với những hạng người nào cho

lòng thêm hăng hái. Ở chính mình phải diệt trừ phiền não, ở những kẻ khác phải khắp độ thoát ly. Nhờ vậy Tâm đồng thể Đại bi muốn độ thoát chúng sanh của ta ngày một tăng tiến. Ấy mới là Thắng hạnh của Đức Phổ Hiền.

Vì lẽ trên, mà ở đây đều quy kết về Tinh tấn độ vậy.

Tinh tấn có phân làm ba, trước tiên là: Mặc giáp tinh tấn. Đây là dụ cho tinh thần học Phật cũng như đến chỗ bộn đại cừ địch. Nên trong Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Phật cùng với chúng ma chiến đấu, nhờ đó mà vô minh phiền não đều được phá trừ”. Nên nói: Mặc giáp Tinh tấn chính là dùng tinh thần Đại vô úy mà làm sự nghiệp đại dũng mãnh. Tu tập các hạnh không phải là trốn tránh phiền não, mà chính là vào chỗ phiền não để công phá nên gọi là “mặc giáp Tinh tấn”.

Trong đây có bảy chương, nay đây mới nói về Chánh thể của Hạnh Tinh tấn.

Nói: “Người hành đạo” (vi đạo giả), là chỉ cho kẻ đã phát Tâm Bồ-đề muốn vào biển Viên mãn giác. “GỖ” là dụ cho báo thể ngũ uẩn. “NƯỚC” là dụ cho ở trong giòng nước pháp Lục độ, giữ thân ngũ ấm này theo đạo mà đi, nên nói là: “Theo giòng mà đi” (tâm lưu nhi hành). “Hai bên bờ” là dụ cho hai điều trọng chướng: Một, phàm phu ái vật; hai, ngoại đạo tà kiến. Phàm phu vì vướng mắc nơi vật nên không thể thoát

ly trần tục, nhưng trong đó cũng có người muốn thoát trần hành đạo mà ngặt nỗi Phật pháp khó được nghe, mới chuyển sanh ra ngoại đạo tà kiến. Chúng sanh nếu chẳng tấp bờ bên này, thì cũng tấp bờ bên kia, ấy là đoạn kiến và thường kiến; Phạm phu thì chấp đoạn, ngoại đạo lại chấp thường. Ở đây còn có thể chỉ cho hai lối chấp: CÓ và KHÔNG. Phạm phu vì mê nơi tình ái nên chấp CÓ; Ngoại đạo vì ngã về hư vô nên chấp KHÔNG. Bởi vậy, phải y theo Trung đạo của Phật pháp mà đi thì không bị tấp vào hai bên bờ vậy. “Chẳng bị người vớt” là dụ cho người tu hành chẳng lạc vào Nhơn đạo và Thiên đạo. “Chẳng bị quỷ thần ngăn trở”, là nói không lạc vào quỷ thần giới. “Chẳng bị nước xoáy làm đứng lại”, tức là chẳng bị đọa lạc luân hồi. “Chẳng bị mục nát” là dụ cho Tinh tấn không lui sụt. “Biển” là dụ cho biển Đại viên giác Vô thượng Bồ-đề.

Bồ Tát y nơi Bát-nhã trí mà thực hành Tinh tấn, nên trong Kinh Hoa Nghiêm dụ Đức Văn Thù là đồng tử, Đức Phổ Hiền là tráng niên mà Đức Tỳ Lô là cha, còn ở đây thì nói: Y theo Trung đạo của Phật pháp mà đi, chẳng lạc vào kiến chấp: Đoạn, Thường, Hữu, Vô, thì mới chứng được đạo quả.

*

* *

BÀI XVIII

第十八章。佛言：不
 慎勿信汝意，汝意不
 可信；慎勿生；會，羅
 色會即禍生；得阿意。
 漢已，乃可信汝意。

第十九章。佛言：共
 慎勿視女色，亦莫正
 言語。若與語者，沙門
 心思念：我當如其姊
 於濁泥，者如稚者，生
 為母，長，如者，念
 如妹，心，即滅惡。

第三十章。佛言：
夫為道者，如被乾草
，火來須避；道人見
欲必當遠之。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG XXVIII

Phật dạy: Phải dè dặt chớ tin ý ông, ý ông không thể tin được; cũng phải dè dặt chớ gắn với sắc đẹp, gần sắc đẹp thì họa sanh. Chừng nào chứng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông.

CHƯƠNG XXIX

Phật dạy : Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, cũng chớ cùng nói chuyện. Nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên chánh tâm suy nghĩ: Ta là bậc Sa-môn ở trong đời ác, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô uest. Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con, mà sanh lòng độ thoát, thì diệt được niệm xấu.

CHƯƠNG XXX

Phật dạy: Xét đến người hành đạo, như kẻ mang cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người học đạo thấy sự dục lạc tất phải xa nó.

GIẢNG NGHĨA

Chánh tâm: Lòng chánh trực, trái với tà tâm. Giữ lòng mình cho chơn chánh. Theo sách Đại học thì trau dồi sửa trị cái tâm của mình khiến cho đúng vào mục Trung chánh.

Dục lạc : Các thú vui khiến người ta ham muốn.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy chúng ta không được buông lung tâm ý, và nhứt là phải tránh ngoại duyên.

GIẢNG THÍCH

A-la-hán trong chương 28 nói, nguyên ý là chỉ cho những bậc đã xa bỏ phiền não, ấy là thông chỉ cả Đại thừa và Tiểu thừa. Và “ý” ở trong đây nói là chỉ chung cả Đệ Lục và Đệ Thất, vì tánh của hai Thức này là chấp ngã pháp, do đó phiền não chưa đoạn, nên không thể tin được.

- Nếu không thể tin nơi ý mình thì phải tin vào đâu?

- Phải tin nơi giáo pháp của các bậc Thánh Hiền đã nói. Người học Phật cần phải y theo Trung đạo mà đi. Nếu chúng ta tin nơi ý mình là thối đạo chứ không phải tinh tấn, cũng chính là lạc vào tri kiến của ngoại đạo, ấy là đã tấp vào bờ tri kiến ngoại đạo rồi. Nếu gần cùng sắc đẹp, thì lại tấp vào bờ tình ái phàm phu, đều làm chướng ngại Đạo thể. Thế nên,

Nho gia có nói: “*Phải thành thật ý mình*”, tức là bảo rằng: phải xa lìa tất cả vọng chấp. Chúng ta y theo đây mà tu hành thì sẽ chứng được quả vị A-la-hán.

Chương 28 nói rằng: “*Dè dặt chớ gần cùng sắc đẹp*”; chương 29 là tiếp theo ý trên. Người tu hạnh Bồ Tát, cốt phải xa lìa ái dục, nên cần có sự nghĩ tưởng khi bắt buộc tiếp xúc cùng nữ giới, mới mong chuyển xấu thành tốt. Vì vậy mà, người tu hạnh Tinh tấn khi: ác đã sanh, phải khiến trừ diệt; ác chưa sanh, phải ngăn chướng cho sanh; thiện đã sanh, làm cho tăng trưởng; thiện chưa sanh, phải khiến cho sanh trưởng. Đây là chánh hạnh của Tinh tấn.

Riêng chương 30, Phật dạy: Người tu hành phải tránh các ngoại cảnh, như người mang cỏ khô tránh lửa vậy.

*

* *

BÀI XIX

言欲：心若心佛意心行葉
 佛，曰斷曹邪？汝二非迦
 佛，愛
 言從；
 止之如功；益於，亦是
 佛，憂於
 章不謂不，息何生生色偈
 章生離
 一淫佛，曹都陰欲想非此
 二欲若？
 十患，陰功者斷：思，：
 十愛；怖
 三人陰其如從，偈以靜言。
 三從怖何
 第有斷斷心，止說意寂佛說
 第人生憂
 ：自若。止不為，各。佛
 ：憂何

DỊCH NGHĨA**CHƯƠNG XXXI**

Phật dạy : Có người lo lòng dâm dục chẳng dứt được, muốn tự đoạn âm, Phật bảo người ấy rằng : Đoạn âm không bằng đoạn tâm; tâm như vị Công tào, Công tào nếu nghỉ, thì kẻ tùng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì? Phật vì đó mới nói bài kệ:

“Dục sanh từ ý ông,
Ý do tư tưởng sanh
Cả hai tâm vắng lặng
Phi sắc cũng phi hành”.

Và Phật dạy : Bài kệ trên là của Phật Ca Diếp nói.

CHƯƠNG XXXII

Phật dạy : Người từ ái dục sanh lo, từ lo sanh sợ, nếu xa được ái dục thì có gì phải lo sợ!

GIẢNG NGHĨA

- Đoạn âm** : Chặt đứt dương vật.
Công tào : Vị Pháp quan, tức là quan tư pháp, quan tòa án (juge).
Kẻ tùng sự : Người theo giúp việc.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy: Người tu hành muốn dứt dâm dục phải căn cứ nơi tâm, vì tâm là chủ động,

và nếu chúng ta lia được ái dục thì tâm được yên định, sẽ không còn điều gì lo sợ.

GIẢI THÍCH

Trong chương 31 nói ba nghiệp thân, khẩu, ý đều do tâm tạo, nên phải từ trong tâm ngăn dứt chứ không thể từ trên thân mà cưỡng chế được. Cũng như vị quan tòa ngăn dứt sự kiện tụng thì sự kiện tụng không còn phát sanh.

“Ý” ở trong bài kệ nói tức là cái “ý” có ngã chấp tương ưng, có so do, xét nét, là cái “ý” không thể tin được. Cái “ý” đây cũng do tư tưởng sanh. “Tu” là Tư tâm sở trong năm Biến hành, “Tưởng” tức là thành phần của “Tu”, nên trong ấy có giới hạn phân biệt là do Tưởng Tâm sở sanh ra. Như thành phần ấy, nên tưởng đây là pháp này mà chẳng phải là pháp kia; nọ là pháp kia chớ chẳng phải pháp này. Vì do sự hoạt động tạo tác trong Tư Tâm sở mà thành ra cái “ý”. Do đó, có sự xét nét ngã chấp, pháp chấp, nên mới nói rằng:

“Dục sanh từ ý ông
 “Ý do tư tưởng sanh”.

Câu: “Cả hai tâm vắng lặng” là: Tư tâm và Tưởng tâm đã trừ được ngã chấp, pháp chấp, còn ở trong tướng ngã chấp, pháp chấp, cũng chẳng do nơi hai chấp ngã pháp tạo tất cả nghiệp.

Câu: “Phi sắc cũng phi hành” là chẳng do Tướng tâm tướng tượng, nên nói là “phi sắc” (chẳng phải sắc); chẳng do nơi Tư tâm sở tạo tác, nên nói là “phi hành”, tức là không phải sắc cũng không phải hành.

Phật Ca Diếp là một vị Phật trước Đức Phật Thích Ca, niên đại cách nhau rất xa. Bài kệ trên người thường vốn không thể biết được, Đức Thích Ca đã chứng được Tam đạt Trí nên vì chúng sanh nói lại bài kệ này.

Chương 32 nói : “Dục” là thông chỉ tất cả thứ dục; “ái” tức là ngã ái, Mạt-na thức thường có ái này. Ví như căn bản ái dục không có ái thì tự nhiên không có lòng lo, nếu có thứ ngã ái này thì trước tiên là lo sanh mạng chẳng thể bảo tồn, rồi do đó, năm thứ dục: tài, sắc, danh, thực, thùi vin đầy mà nổi dậy. Cho nên khi chưa được ta lo cho được; khi được rồi, ta lại lo sợ mất đi.

*

* *

BÀI XX

b) 披甲精進相

第三十三章。佛言：夫為道者，譬如一人與萬人戰，挂鎧出門，意或怯弱，或半死路而退，或格鬪而死，或得勝而還；沙門學道應當堅持其心，精進勇銳不畏前境，破滅眾魔而得道果。

DỊCH NGHĨA*b) TƯỚNG MẶC GIÁP TINH TẤN***CHƯƠNG XXXIII**

Phật dạy : Xét ra người hành đạo thí như một người chiến đấu cùng muôn người, mang giáp ra cửa, ý hoặc khiếp nhược, hoặc nửa đường rồi lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về. Sa-môn học đạo phải nên giữ chắc tâm mình, tinh tấn lướt tới chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma chứng được đạo quả.

GIẢNG NGHĨA

Khiếp nhược : Hèn nhát, sợ sệt.

Đắc thắng : Hơn được, thắng trận.

ĐẠI Ý

Bài này nói: Người xuất gia cũng như kẻ ra trận, phải quyết tiến mới mong thu được kết quả.

GIẢI THÍCH

Chính chương này mới nói đến Sự mặc giáp Tinh tấn. Từ chương 27 đến chương 32 là nói Hạnh mặc giáp tinh tấn, còn chương này nói cái Tướng mặc giáp tinh tấn.

Tâm Chánh giác học đạo của chúng ta cốt chiến thắng tâm vô minh phiền não, thì cái dụng lực đồng

mãnh kia cũng phải như một người chiến đấu cùng muôn người. Nếu như tín tâm không kiên cố thì việc bảo trì không chắc, dễ bị ý xấu làm lay chuyển, nên đưa ra những thí dụ cho dễ nhận: “Nửa đường rồi lui” là dụ cho người nửa chừng đổi ý. “Chống cự đến chết” là dụ cho người tu hành không thể gắng sức, bị giặc phiền não đánh bại, mất Tâm Bồ-đề. Được “đắc thắng mà về” là dụ cho người chứng được đạo quả. Vì lẽ đó mà bậc Sa môn học đạo phải giữ chắc tâm mình. Nghĩa là phải phát nguyện lực rộng lớn để kiên trì Tâm Bồ-đề của mình vậy.

*

* *

BÀI XXI

2) 攝善精進

第 三 十 四 章 。 沙 門
 夜 誦 迦 葉 佛 遺 教 經 ，
 其 聲 悲 緊 ， 思 悔 若 退
 。 佛 問 之 曰 ； 汝 昔 在
 家 曾 彈 琴 何 業 佛 言 ；
 愛 如 何 ？ 對 曰 ； 不 弦
 如 ； 弦 急 如 何 ， ？ 鳴
 ； 聲 絕 矣 對 曰 ； 中
 如 矣 佛 言 ； 沙 門 普
 亦 然 ， 心 若 調 適 ， 道

可 得 矣 。 於 道 若 暴 ，
 暴 即 身 疲 ； 其 身 若 疲
 ， 意 即 生 惱 ； 意 若 生
 惱 ， 行 即 退 矣 ； 其 行
 既 退 ， 罪 必 加 矣 。 但
 清 淨 安 樂 ， 道 不 失 矣
 。

第 三 十 五 章 。 佛 言
 ： 如 人 鍛 鐵 ， 去 滓 成
 器 器 即 精 好 ； 學 道 之
 人 ， 去 心 垢 染 行 即 清
 淨 矣 。

DỊCH NGHĨA

2) NHIẾP THIỆN TINH TẤN

CHƯƠNG XXXIV

Thầy Sa-môn ban đêm tụng Kinh Di Giáo của
 Phật Ca Diếp, tiếng ông buồn thảm, lo ngại muốn

sự lùi. Phật hỏi ông rằng : Trước kia ở nhà ông đã từng làm nghề gì ?

- Thưa rằng: Ưa khảy đờn cầm.
- Phật hỏi: Dây đờn dùn thì sao ?
- Thưa rằng: Không kêu được.
- Dây thẳng thì sao?
- Thưa rằng: Tiếng kêu cụt ngắn.
- Dùn thẳng vừa chừng thì sao ?
- Thưa rằng: Đủ các âm thanh.

Phật dạy: Bậc Sa-môn học đạo cũng thế, tâm nếu giữ chừng mực thì đạo có thể chứng được. Đối với “Đạo” nếu gấp quá thì thân mỗi mệt, thân nếu mỗi mệt, thì ý liền sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hạnh liền sụt lùi đi; hạnh đã sụt lùi, thì tội ắt thêm lên. Chỉ có thanh tịnh an lạc đạo mới không mất được.

CHƯƠNG XXXV

Phật dạy : Như người luyện sắt, bỏ quặng thành đồ dùng, đồ dùng liền được tinh hảo. Người học đạo bỏ tâm cấu nhiễm, thì hạnh liền thanh tịnh.

GIẢNG NGHĨA

Ca Diếp (Kâsyapa) : Dịch là Âm Quang, vì hào quang sáng chói lướt mất cả ánh sáng của mặt nhật mặt nguyệt. Phật Ca Diếp là một trong bảy Đức Phật thuộc về quá khứ, Ngài đã thị hiện ở thế giới này lúc

mà loài người còn sống đến hai ngàn tuổi. Khi bấy giờ, Đức Thích Ca còn là Hộ Minh Bồ Tát, đến Phật Ca Diếp diệt độ Đức Thích Ca thành Phật, nên Kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, Đức Thích Ca có thể truyền lại.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Người tu hành phải nên giữ mức trung bình, không quá gấp cũng không quá huân, và phải gạn lọc những nhiệm ô trong tâm mình.

GIẢI THÍCH

Hai chương này đều nói Nhiếp thiện tinh tấn. Trước nói về mặc giáp tinh tấn chỉ có thể trừ bỏ các điều ác, ở đây chuyên nói về các Hạnh tinh tấn để trở thành thiện pháp. Người học đạo phải dùng sự điều hòa chừng mực làm chủ, gấp quá cũng không được, mà huân quá cũng không được. Như nấu cơm, lửa củi phải vừa chừng; như cây cỏ được tốt tươi, mưa gió phải điều hòa. Cũng thế, việc học đạo phải điều hòa chừng mực mới mong đến kết quả.

Kinh Ca Diếp Phật Di Giáo trong đây nói, xưa nay không có truyền lại. Y theo Phật pháp, thì mỗi Đức Phật ra đời đều có chia làm ba thời kỳ : Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Mạt trong thời kỳ mạt pháp kinh điển hoàn toàn bị tiêu diệt, nhưng Đức Thích Ca Mâu Ni vì có Đại trí, có thể biết rõ được,

nên đem Kinh Di Giáo này dạy các vị Sa-môn, cũng như bài kệ ở trước kia vậy.

Sa-môn tụng Kinh ban đêm, là theo pháp của Sa-môn: Đầu giờ Ngọ khát thực, giữa giờ Ngọ thọ trai, cuối giờ Ngọ nghe pháp, đầu hôm đọc tụng kinh điển, giữa đêm nghỉ ngơi, khuya tu thiền định, y theo lịch trình này nên nói: ban đêm tụng Kinh.

Tiếng ông buồn thảm, là vì Phật pháp khó tu, hạnh Sa-môn phiền phức, sợ e không thành tựu được, vì thế mà lo buồn. Phật sẵn có Tha tâm thông, nên hơn buổi tụng Kinh của ông mà hỏi. Việc hỏi này cũng không hẳn là ngay trong đêm tụng Kinh, có thể là ngày sau, khi họp chúng thuyết pháp, khiến ông tự thuật lại ý nghĩ trong tâm mình cho dễ lãnh hội.

Y theo Phật pháp, việc xuất gia tu hành không khác gì những học sinh bỏ nhà vào trường, đương khi cầu học, không chắc đã nghĩ đến việc nhà hơn sự sinh hoạt tại Học Đường. Người xuất gia tu hành cũng thế. Mục đích của lời hỏi cũng chỉ nhắm vào yếu điểm là chứng được Thánh quả.

Trong một đời nếu ta chưa chứng được Thánh quả thì chẳng nên ngừng nghỉ, đến khi chứng được Thánh quả thì phải nhập thế độ sanh, như 32 Ứng thân của Đức Quán Thế Âm không chỗ nào là không đến, không điều lợi lạc nào mà không làm. Công việc lợi sanh truyền bá Đạo pháp không phải như định chỉ

đổ trút hết cho những kẻ xuất gia. Vì hiện đã có phân ra làm hai chúng: Xuất gia và tại gia, mà sự nghiệp cầu chứng Thánh quả rất lớn lao, nên người xuất gia lấy đó làm chung thân sự nghiệp. Ở đây, hàng xuất gia tử như khóa sinh chính thức; còn cư sĩ cũng như khóa sinh bàng thính (dự thính). Khóa sinh chính thức nhứt định phải tuân giữ quy luật của Học Đường, còn khóa sinh bàng thính không cần hoàn toàn tuân giữ quy luật như khóa sinh chính thức.

Người chúng được Sơ quả như đã tốt nghiệp Tiểu học, người chúng được Nhị quả như tốt nghiệp Trung học, người chúng được A-la-hán quả như tốt nghiệp Đại học. Kinh này chuyên vì bậc Sa-môn mà nói, nên thường gọi là Sa-môn.

Câu: “Hạnh đã sụt lùi thì tội ắt thêm lên” nghĩa là vì do tự mình sụt lùi nên đối với Phật pháp sanh ra hủy báng, làm cho những người khác thấy việc báng pháp của mình họ không tinh tấn, do lỗi đó mà mình mắc tội.

Nếu thân tránh được sự lao nhọc thì ý khỏi sự buồn phiền, tức nhiên tâm được điều hòa. Hễ gấp quá thì do phản động mà sụt lùi; còn huốn quá thì do giải đãi cũng thối chuyển, vì vậy cần phải giữ mức trung bình...

Chương 35 nói: “quặng” là dụ cho ngũ ấm, từ phạm phu đến Bồ Tát vị đều là các pháp ngũ ấm, các pháp ngũ ấm của chúng sanh là cấu nhiễm, các pháp

của chư Phật, Bồ Tát là thanh tịnh, như chất tinh tế và chất thô trọng của sắt không đồng nhau, nên lấy đó làm thí dụ.

Người học Phật lấy sự hiểu biết Phật pháp làm chủ yếu, từ hiểu biết khởi quán, từ quán khởi hành, gọi là Tâm giải hạnh. Cái Tâm giải hạnh có thể đem cái tâm ngũ ấm cấu nhiễm của chúng sanh đào luyện khiến cho trở thành cái Tâm ngũ ấm thanh tịnh, chính cũng như nhà kỹ sư luyện khoáng, có thể đào luyện chất sắt trở thành đồ dùng vậy.

*

* *

BÀI XXII

3) 利樂精進

第三十六章。佛言
 ；人離惡道得為人，去女即
 ；既得為人，為男，六
 男難；既得為六根，既
 根具完難；國難；既
 ，生中值佛世道興，心發
 國，值佛遇道，心發
 佛世遇興信既證
 既難；無
 修無證難。

DỊCH NGHĨA**3) LỢI LẠC TINH TẤN****CHƯƠNG XXXVI**

Phật dạy: Người ra khỏi ác đạo được làm thân người là khó, đã được làm người bỏ thân nữ được thân nam là khó, đã được thân nam sáu căn đầy đủ là khó, sáu căn đã đủ sanh vào trung quốc là khó, đã sanh vào trung quốc gặp Phật ra đời là khó, đã gặp được Phật ra đời mà gặp được đạo là khó, đã gặp được đạo phát khởi tín tâm là khó, đã khởi tín tâm mà phát Tâm Bồ-đề là khó, đã phát Tâm Bồ-đề mà đến chỗ Vô tu Vô chứng là khó.

GIẢNG NGHĨA

Trung quốc : Theo trong bài này, nghĩa của hai chữ trung quốc là giữa nước, tức là trung tâm của một quốc gia. Nói một cách khác là nơi kinh đô thị tứ, chỗ mà nhiều bậc Tri thức văn vật tụ họp.

Tín tâm : Lòng tin chắc chắn. Tin có sáu: Tín tự, Tín tha, Tín nhân, Tín quả, Tín sự và Tín lý.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói người có chín việc khó, cần phải siêng năng tinh tấn mới được lợi lạc.

GIẢI THÍCH

Chúng sanh trong ba cõi có rất nhiều chủng loại, đem số nhân loại mà so với số chúng sanh vẫn là số ít, nếu kể luôn ba ác thú thì nhân loại còn ít hơn nữa; vì thế, xa lìa ác đạo được làm thân người là một điều khó. Đồng sanh làm người, còn phải y theo sự quan hệ của nghiệp báo phân ra có nam có nữ, người nam thì có thể làm mỗi mỗi việc, còn người nữ thì không thể được, nên bỏ thân nữ để được thân nam là một điều khó. Khi đã được thân nam rồi mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều được hoàn toàn, ấy là phước báu thù thắng.

Trong đây nói trung quốc là biểu thị cho những nơi có giáo pháp của Thánh Hiền, nhưng không cứ là phải có đủ cả pháp thế và xuất thế gian. Còn gặp được đời Phật cũng không cứ là khi Đức Phật Thích Ca còn trụ thế. Phàm Phật pháp được lưu thông có chia làm ba thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Sanh một trong ba thời kỳ đó đều gọi là: gặp được đời Phật.

“Đạo” trong đây nói là chỉ cho sự chứng đạo của chư Phật và Bồ Tát. “Phát khởi tín tâm là khó”, vì người chưa sanh khởi tín tâm, đem Phật pháp nói cho họ nghe chẳng khác nào nước đổ trên đá; còn người sanh tín tâm rồi cũng như nước gặp đất khô, nên nói: phát khởi tín tâm là khó. Những người phát

khởi tín tâm lấy Tam quy, Ngũ giới làm chủ yếu, ấy cũng tức là biểu thị được sự xác định tín tâm. Những người phát Tâm Bồ-đề tức là phát tâm độ vô lượng chúng sanh, đoạn vô lượng phiền não, học vô lượng pháp môn, chứng Bồ-đề Vô thượng, khi ấy đã vào được Bồ Tát địa, và đến khi chứng Phật quả hiện tiền, thì lại không còn gì phải tu, cũng không còn gì để chứng, tức là Viên mãn Niết-bàn, nên nói rằng: Vô tu Vô chứng là khó.

*

* *

BÀI XXIII

3) 明 急 戒 乘

第 三 十 七 章 。 佛 言 ：
 佛 子 離 吾 數 千 里 ， 憶
 念 吾 戒 必 得 道 果 。 在
 吾 左 右 雖 常 見 吾 ， 不
 順 吾 戒 ， 終 不 得 道 。

第 三 十 八 章 。 佛 問
 沙 門 ：
 對 曰 ：
 ： 子 未 知 道 ！ 復 問 一
 沙 門 ， 人 命 在 幾 間 ？
 對 曰 ：
 ： 飯 食 間 。 佛 言

：子未知道！復問一
 沙門，人命在幾間？
 對曰：呼吸間。佛言
 ：善哉！子知道矣。

DỊCH NGHĨA

3) GIỚI THỪA LÀ CẦN KÍP

CHƯƠNG XXXVII

Phật dạy : Phật tử xa Ta vài ngàn dặm, mà luôn nhớ nghĩ Giới pháp của Ta, thì nhứt định sẽ chứng được đạo quả; còn ở hai bên Ta, tuy thường được thấy Ta, mà chẳng y theo Giới pháp của Ta, cũng vẫn không chứng được đạo.

CHƯƠNG XXXVIII

Phật hỏi vị Sa-môn rằng :

- Mạng người sống chừng bao nhiêu lâu ?
- Thưa rằng: Trong vài ngày.
- Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác :

- Mạng người sống chừng bao lâu ?
- Thưa rằng : Trong một bữa ăn.
- Phật bảo : Ông cũng chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác nữa:

- Mạng người sống chừng bao lâu?
- Thừa rằng: Trong một hơi thở.
- Phật khen: Hay lắm! Ông mới là hiểu đạo.

GIẢNG NGHĨA

Giới pháp : Phép tắc Phật chế ra Giới luật. Giới có chia ra làm bốn khoa: Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng.

Đạo quả : Đạo là Bồ-đề. Quả là Niết-bàn. Niết-bàn do đạo Bồ-đề mà chứng được Niết-bàn gọi là quả.

ĐẠI Ý

Bài này nói: Giới, Định, Huệ đối với sự giải thoát rất là quan trọng và mạng sống của con người là vô thường không có gì bảo đảm.

GIẢI THÍCH

Trong đây nói: “Giới” là chỉ cho Giới hạnh. “Thừa” là chỉ cho Định, Huệ. Nương nơi Giới mà tu tiến, thì Đại thừa hạnh mới có thể thành tựu. Thường thường những người có bản chất thông minh họ cho sự Trì giới pháp là việc của bọn ngu phu, ngu phụ; kỳ thật, nếu không Trì giới thì ác nghiệp thất chi không thể nào trừ hết được, nên sự Trì giới là chủ yếu của kẻ tu hành.

Giới chính là Pháp thân của Phật; những người giữ gìn được Giới pháp, thì tự thân họ chính là Phật rồi, nên nói rằng “Luôn luôn nhớ nghĩ Giới pháp của Ta nhưt định sẽ chứng được đạo quả”.

Trước kia đã nói về vô thường và vô ngã quán, trong hai pháp quán đó, vô thường quán rất là quan thiết, nên ở đây Phật đem ra để hỏi các vị Sa-môn. Vì người đáp đã nghe Phật nói Pháp vô thường rồi, nên có vị đáp rằng: Chỉ trong vài ngày. Nhưng cũng do đó mà biết được vị Sa-môn nọ chưa thật rõ về Pháp quán vô thường. Còn vị kia đáp là: Chùng trong bữa ăn. Như thế, vị này đã tiến hơn một bước, thế mà Phật đều phủ nhận.

Hơi thở ra gọi là “hô”, hơi thở vào gọi là “hấp”. Nếu một hơi thở ra rồi không lấy lại được, thì đã ra người thiên cổ (*nhứt tức bất hồi thiên thu vĩnh biệt*). Điều đó đủ chứng minh đời người là vô thường cần phải luôn luôn quán sát, có quán sát mới có thể hợp với đạo. Đức Khổng Phu Tử có nói: “*Sớm mai nghe đạo, chiều chết cũng vui*”, là ý đây vậy.

*

* *

BÀI XXIV

IV. 信教解理修行

1. 信教

第九章。佛言：佛所如食經
 十道者，順皆甜，吾
 三佛應中。○
 第三學皆，爾
 ：說蜜亦

2. 理解

第十章。佛言：佛磨道何
 十道無，心，何
 四行行道若行，何
 第四行行道若行，何
 第門雖心道！
 沙身；道

3- 修行

第四十一章。佛言：
夫為道者，如牛負
重行深泥中，疲極不
敢左右顧視，出離淤
泥乃可蘇息；沙門當
觀情欲甚於淤泥，直
心念道，可免苦矣。

DỊCH NGHĨA

IV- TÍN GIÁO, HIỂU LÝ VÀ TU HẠNH

1- TÍN GIÁO

CHƯƠNG XXXIX

Phật dạy: Người học theo Đạo Phật, những lời Phật nói ra đều phải tin theo. Thí như ăn mật, ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt, giáo điển Ta cũng vậy.

2- HIỂU LÝ

CHƯƠNG XXXX

Phật dạy : Bậc Sa-môn hành đạo không như con trâu kéo che, thân tuy hành đạo, mà tâm đạo chẳng hành; tâm đạo nếu hành, đâu cần hành đạo.

3- TU HẠNH

CHƯƠNG XXXXI

Xét ra, người làm đạo, như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu, dẫu mỗi lăm cũng chẳng dám ngó hai bên, ra khỏi bùn lầy mới được thư thả. Bậc Sa-môn phải quán tình dục rất hơn là bùn lầy. Phải trực tâm niệm đạo thì có thể khỏi được sự khổ.

GIẢNG NGHĨA

Trực tâm : Tâm chơn trực, thẳng thắn, không để tâm tà vạy xen vào.

Niệm đạo : Luôn luôn nghĩ đến đạo, không lúc nào để cho xao lãng.

ĐẠI Ý

Bài này nói : Người tu hành điều quan trọng là phải tin giáo pháp tức là lời Phật dạy, nhưng tin sông chưa đủ mà cần phải tìm hiểu nghĩa lý và thực hành để đi đến kết quả.

GIẢI THÍCH

Từ trước chỉ nói riêng biệt về : Cộng Giáo Hạnh Quả của Tam thừa, nghĩa thiện ác chung của Ngũ thừa và Thắng hạnh bất cộng của Đại thừa; còn ba chương này nói về pháp chứng quả là: ai tin giáo pháp này, hiểu nghĩa lý này và tu công hạnh này, thì có thể chứng được quả A-la-hán, rồi tiến đến quả Phật. Nếu chẳng vậy thì không được phần lợi ích nào. Chương 39 chính là nói đến Giáo pháp đã được khai thị. Những lời Phật dạy trong đây đều nên tín thuận. Vì người học Phật đối với lời Phật dạy tất phải tin là chắc thật, có tin chịu là chắc thật, mới thuận theo mà hành trì.

- Lời Phật nói, tại sao phải nên tín thuận ?

- Vì lời Phật dạy đều từ Trí vô thượng viên mãn, biết rõ tướng chơn thật của tất cả pháp. Hơn nữa, Đức Phật không mong cầu một điều gì trên thế gian này: Đức Phật thuyết pháp không phải muốn được sự tôn kính của thế gian, cũng không phải vì điều danh lợi, chỉ vì lòng đại bi thương xót chúng sanh mà nói pháp, nên có thể tin theo được. Nếu ai y theo giáo pháp này thực hành trì mở tỏ được Đại trí huệ, thành tựu được Đại phúc đức.

Câu: “Ăn mật ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt” là dụ cho diệu nghĩa: Không thô không tế, không cạn không sâu, không cao không thấp, không rộng không hẹp, nếu ai y đó tu hành, đều có thể

chúng được Vô thượng Phật quả. Như mật đựng trong một cái bát, ở giữa bát hay bên mé bát đều là vị ngọt. Ý nói rằng: Ngay trong một câu, một chương trong bốn mươi hai chương này, nếu có thể tin chịu hành trì thì được sự thọ dụng vô cùng, đấy mới là thật nghĩa của lời Phật đã dạy.

Chương 40 nói: Người tu hành cần nhứt là phải hiểu nghĩa lý, vì chính có lý giải rồi sau khởi sự tu hành mới là Chánh hạnh.

Chữ “THÂN” trong chương này nói là bao hàm cả thân và khẩu. Hiện nay, người tu hành hoặc lễ bái, hoặc tọa thiền, ấy là thân hành đạo, còn niệm Phật hoặc tụng Kinh, ấy là khẩu hành đạo. Như nếu thân, khẩu hành động mà tâm chẳng tương ưng cũng chỉ là hư thiết, nên chương này nói rằng việc tu hành phải lấy Tâm làm chủ yếu. Chẳng vậy thì việc làm không khác nào con trâu kéo che, bị người ta lấy vải bịt mắt, tuy đi đường mà mờ mịt chẳng biết là đi đâu. Và như thế, thân lễ bái, chẳng khác nào động tác lên xuống của người giã gạo, miệng đọc Kinh, chỉ đồng với những tiếng vi vu của gió rừng, không đem lại sự ích lợi gì cho việc tu chứng. Nên khi lễ bái phải quán tưởng, lúc tụng Kinh cũng theo văn mà nhập quán. Ngay đến khi ra làm việc bố thí cũng phải phá sạch cái kiến chấp như ngã, quán chiếu tự tha đều do các pháp duyên sanh, Duy thức biến hiện. Hiểu đúng lý giải này, hành theo quán chiếu này, thì việc hành đạo, chỗ y cứ đều được rõ ràng. Đến lúc thật rõ được

lý trên, thực hành theo tâm đạo thì dấu cho an nhiên ngồi không cử động cũng đã là hành đạo rồi. Nhưng phải biết: Việc giải lý, quán chiếu kia chẳng phải do ngoại cầu, mà chỉ y cứ nơi “Tín giáo” ở trước, vì là Phật lý không ngoài Thánh giáo. Trong Phật giáo, không cứ là Tông nào cũng đều lấy việc minh lý làm chủ yếu. Rất đôi như bên Thiên tông, cũng không lấy việc được định làm căn bản mà chỉ lấy việc khai ngộ làm sở quy, như thế đủ biết: muốn được chánh kiến cần phải nhờ diệu ngộ.

Chương 41 nói: “Người làm đạo”, tức là chỉ cho người làm đạo xuất thế. “Như trâu chở nặng”, là dụ cho ba nghĩa mà người tu hành còn mang nặng: 1) Người hành đạo, từ trước chưa được giải thoát phiền não sanh tử, ấy là phiền não phải mang nặng. 2) Đã phát tâm mà chưa có thể độ hết chúng sanh, ấy là chúng sanh phải mang nặng. 3) Chưa ngộ được Thánh lý, chưa chứng được Thánh hạnh, ấy là Thánh giáo phải mang nặng.

“Bùn lầy”, là dụ cho biển phiền não sanh tử, trước khi chưa đoạn được phiền não, chưa độ chúng sanh, chưa chứng được Thánh trí, thì dấu có nhọc mệt cách mấy cũng chẳng dám tìm nơi an nghỉ. Đã “ra khỏi bùn lầy” là dụ cho khi đã được độ thoát, vì lúc bấy giờ trí lực tự thân đã đủ có thể dẹp trừ được vô minh phiền não. “Thư thả” là dụ cho sự an vui. Ý nói rằng: “Người học Phật tin được giáo pháp, rõ được chơn lý

và tinh tấn tu hành, thì có thể được Đại giác ngộ, chứng Đại Niết-bàn”. Nhưng cái tâm làm hại cho đại giác này chỉ là ái và dục, nên bậc Sa-môn phải quán ái dục còn hơn là bùn lầy.

Trực tâm, thì không còn dám nhìn ngó hai bên, chỉ một lòng niệm đạo. Như thế có thể khỏi được sự khổ não. Cái khổ trong đây nói là chỉ cho sự nhọc mệt mà chẳng được yên.

Mỗi khi người ta làm một công việc gì nhọc mệt luôn luôn có ý tưởng muốn được nghỉ ngơi, nhưng không thể được, vì thế mà khiến tạo phước sanh Thiên để tạm được yên vui, nhưng khi phước báu hết rồi vẫn phải sa vào đường khổ. Khổ ở đây có hai nghĩa: 1) Khổ phần đoạn sanh tử trong Tam giới. 2) Khổ biến dịch sanh tử của hàng Tam thừa. Vì hai nghĩa này, nên khi người tu chưa chứng được Phật quả đều phải nhắm thẳng nơi đạo mà đi, chùng nào tánh Viên giác được hiện tiền mới thoát được khổ mà thôi.

*

* *

BÀI XXV

C. 總結分

第 四 十 二 章 。 佛 言
 : 吾 視 王 侯 之 位 如 過
 隙 塵 , 視 金 玉 之 寶 如
 瓦 礫 , 視 紈 素 之 服 如
 弊 帛 , 視 大 千 界 池 水
 訶 子 , 視 阿 耨 方 便 門
 塗 足 油 ; 視 無 上 乘 如
 化 寶 聚 帛 , 視 佛 道 如
 夢 金 華 , 視 禪 定 如 須
 前 華 柱 , 視 涅 槃 如 晝
 山 柱 , 視 涅 槃 如 晝

寤，視倒正如六龍舞
 ，視平等如一真地，
 視興化如四時木。

DỊCH NGHĨA

C. PHẦN TỔNG KẾT

CHƯƠNG XXXXII

Phật dạy : Ta xem vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, xem những vàng ngọc quý báu như ngói gạch, xem y phục lụa là như đồ giả rách, xem Đại Thiên thế giới như một hạt cải, xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân, xem các môn phương tiện như những thứ báu hóa hiện, xem pháp Vô thượng thừa như mộng thấy vàng lụa, xem Phật đạo như hoa đốm trước mặt, xem thiên định như núi Tu Di, xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức, xem sự thuận nghịch như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như Nhứt chơn địa, xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa.

GIẢNG NGHĨA

Ao A-nậu : (Anavatapta): Ao này ở trung tâm châu Nam Thiện Bộ, ở về phía Nam của Hương Sơn, và phía Bắc của Tuyết Sơn, chu vi đến 800 dặm (chùng 460.800m). Theo trong Tây Vực Ký thì ao này hai bên

bờ toàn bằng : vàng, bạc, lưu ly, pha lê... dưới đáy toàn là cát vàng, mặt nước như gương. Đây là một cái ao lớn thuộc xứ Ấn Độ, cũng là nguồn của nhiều giòng nước.

Vô thượng thừa: Bạc này không bạc nào hơn. Đây là lời khen ngợi cực điểm của giáo pháp, tức là đệ danh của Đại thừa. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Vuốt khỏi hai thừa” (Nhị thừa) gọi là: Đại thừa, Đệ nhưt thừa, Thắng thừa, Tối thắng thừa, Thượng thừa. Vô thượng thừa là bậc làm lợi ích tất cả chúng sanh.

Nhứt chơn địa : Chỉ cho vị đã ngộ được lý Nhứt chơn pháp giới. **NHỨT CHƠN PHÁP GIỚI :** Thể nó dứt sự đối đãi gọi là NHỨT, Chơn thật gọi là CHƠN. Theo trong Tam tạng Pháp số thì: Không hai gọi là NHỨT, không vọng gọi là CHƠN. Thông suốt, dung nhiếp gọi là PHÁP GIỚI. Tức là chỉ cho Pháp thân bình đẳng của chư Phật. Xưa nay chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng phải không, chẳng phải có; lìa danh, lìa tướng; không ở trong, không ở ngoài; chỉ là một Thể chơn thật, không còn luận bàn gọi là NHỨT CHƠN PHÁP GIỚI.

Hưng hóa : Hưng là nổi lên, hóa là biến đổi đi. Chỉ cho muôn pháp trong tạo hóa đều theo một định luật: sanh, trụ, dị, diệt. Xưa nay chuyển biến cũng như cây cỏ thay đổi theo bốn mùa.

ĐẠI Ý

Đây là bài tổng kết: Dùng Phật trí để quán sát pháp giới, có hai phần:

1) Từ “Phật dạy... đến... như dầu thoa chân” là dùng Phật trí quán pháp thế gian.

2) Từ “Xem môn phương tiện... đến... như cây cỏ bốn mùa” là dùng Phật trí quán pháp xuất thế gian.

GIẢI THÍCH

Trước tiên, đem Phật trí quán pháp thế gian: Vì Phật trí không có các tướng phân biệt, nên không có ái trước. Xem cõi Đại Thiên như một hạt cải, vì tất cả sự vật lớn, nhỏ chỉ là giả tướng.

“Dầu thoa chân”: Ngày xưa bên Ấn Độ có thứ độc xà sanh sôi nảy nở, thường làm hại người nên phải dùng một thứ dầu thoa chân để ngừa. Đây cũng là ý muốn nói rằng: sự vật lớn nhỏ vốn không thật tướng.

Sau là, dùng Phật trí để quán pháp xuất thế gian: Môn phương tiện chính là pháp môn lợi lạc quần sanh, pháp môn này tuy quý báu, nhưng vẫn là như huyễn như hóa, đến cứu cánh của Niết-bàn mới là Chơn thật. Chỉ có Phật trí mới không luận là pháp huyễn pháp chơn, tất cả đều viên mãn, hoàn toàn không có sở dụng, nên quán tất cả pháp trong thế gian đều như thế.

“Xem pháp Vô thượng thừa như mộng thấy vàng lụa”: Vì Đức Phật đã chứng được Đạo Vô-thượng, rốt ráo không còn sở đắc (đạo đã chứng được), như khi mộng đã thấy vàng lụa, lúc tỉnh giấc thì chỉ là không vô.

“Xem Phật đạo như hoa đốm trước mắt:” Vì Phật đạo vốn không thể nói năng, nay có sự nói năng, chẳng qua là giả mượn phương tiện. Nói mà không nói, nên có chỗ gọi là “độ chúng sanh trong mộng, làm Phật sự như không hoa” là ý nghĩa đây vậy.

Tu Di dịch là Diệu Cao, là một quả núi trung tâm của thế giới, không thể làm chuyển động được, nên dụ cho thiên định.

“Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức”. Ban đêm ngủ, ban ngày thức, chính là tối tăm chuyển hiện thành sáng suốt, nên Phật ngộ Niết-bàn như tỉnh được đại mộng vậy.

Sáu con rồng múa thì đầu đuôi lẫn lộn không thể phân biệt được: luôn luôn khi lên khi xuống, lúc qua lúc lại. Vì chúng sanh đem vọng tâm phân biệt so đo, nên thấy có lên có xuống, có thuận có nghịch, nhưng nếu đem Phật trí mà quan sát thì không thể chỉ ra được.

“Xem pháp bình đẳng như Nhứt chơn địa”: Bình đẳng cũng chỉ là do phân biệt sanh ra, nhưng nếu đem Phật pháp mà quán sát ngoại đạo, thì quyết định Phật pháp là chánh kiến, ngoại đạo là tà kiến. Chính đem pháp Đại thừa mà xét Tiểu thừa thì Tiểu thừa cũng chỉ là ngã kiến. Ngay những bậc đã đến quả vị Bồ Tát chưa chứng được Phật quả vẫn còn một ít ngã kiến. Nếu đem Phật trí quán sát, thì tất cả pháp vốn không tà chánh, nên dùng tâm bình đẳng trực nhận các pháp một màu vắng lặng.

“Xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa”: Cây cỏ bốn mùa là chỉ cho sự: tươi, héo, úa, tàn. Phật pháp vốn ứng theo tâm niệm của chúng sanh mà khởi, tùy duyên nhu cầu của thế gian mà hiện, như cây cỏ bốn mùa có lúc tươi tốt, có lúc héo tàn, xoay vần không dứt. Cũng như hôm nay giảng Kinh Tứ Thập Nhị Chương đã viên mãn mà trong sự viên mãn này đã gieo trồng được pháp duyên về sau vậy.

Mọi người trong đây, có thể dùng bộ Kinh Tứ Thập Nhị Chương làm chìa khóa để mở cửa ngõ Tam tạng mười hai bộ Kinh. Nghĩa là: do Tín sanh Giải, từ Giải mà khởi Hạnh, làm cho Phật pháp lưu truyền trong đời mãi mãi không dứt.

PHẬT HỌC ĐƯỜNG PHƯỚC HÒA

Ngày 20-07-1963

(ngày 30 tháng 5 năm Quý Mão)

PHÂN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHỨT

HẬU HÁN CA DIẾP MA ĐĂNG
TRÚC PHÁP LAN ĐỒNG DỊCH

A. TỔNG KHỞI PHẦN

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: Ly dục tịch tịnh thị tối vi thắng; trụ Đại thiên định hàng chư ma đạo. Ư Lộc Dã uyển trung chuyển Tứ đế pháp luân, độ Kiều Trần Như đẳng ngũ nhơn nhi chứng đạo quả. Phục hữu Tỳ-kheo sở thuyết chư nghi, cầu Phật tấn chỉ; Thế Tôn giáo sắc nhứt nhứt khai ngộ, hiệp chương kính nặc nhi thuận Tôn sắc.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH THUYẾT PHẦN

I- TAM THỪA CỘNG GIÁO HẠNH QUẢ

1. CHỨNG XUẤT THẾ QUẢ

ĐỆ NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn : Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, giải vô vi pháp, danh viết Sa-môn. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tấn chỉ thanh tịnh, vi Tứ chơn đạo hạnh, thành A-la-hán. A-la-hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa. Thứ vi A-na-hàm, A-na-hàm giả, thọ chung Linh thân thượng thập cửu thiên, chứng A-

la-hán. Thứ vi Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm giả, nhứt thượng nhứt hoàn tức đắc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh tiện chứng A-la-hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn bất phục dụng chi.

BÀI THỨ BA

2. TU XUẤT GIA HẠNH

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG - Phật ngôn: Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khử ái thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp, nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ đạo diệc bất kiết nghiệp, vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.

ĐỆ TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Thế trừ tu phát nhi vi Sa-môn, thọ đạo pháp giả, khử thế tư tài, khát cầu thủ túc, nhật trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc, thận vật tái hỷ! Sử nhơn ngu tộ giả, ái dữ dục dã.

BÀI THỨ TƯ

II- NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA

ĐỆ TƯ CHƯƠNG. Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm; Khẩu tứ giả: Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ; Ý tam giả: Tật, nhuế, si. Như nhị thập sự, bất thuận Thánh đạo, danh thập ác hạnh, thị 'ác nhược chỉ, danh Thập thiện hạnh nhĩ.

BÀI THỨ NĂM

ĐỆ NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hữu chúng quá nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhơn hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bình đắc hạn, tiệm đắc thuyên tổn nhĩ.

ĐỆ LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn : Ác nhơn văn thiện, cố lai nhiều loạn giả, nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả nhi tự ác chi.

BÀI THỨ SÁU

ĐỆ THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Hữu nhơn văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật, Phật mặc bất đối, mạ chỉ. Vấn viết : Tử dĩ lễ tụng nhơn, kỳ nhơn bất nạp lễ quy tử hô? Đối viết: Quy hỹ ! Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỹ ! Du hưởng ứng thính, ảnh chi tùy hình, chung vô viễn ly, thận vật vi ác.

ĐỆ BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn: Ác nhơn hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên, hoàn tụng kỹ đạo; nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỹ thân, hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỹ.

BÀI THỨ BẢY

III- ĐẠI THỪA BÁT CỘNG THẮNG HẠNH

1- LẬP TÍN NGUYỆN

ĐỆ CỨU CHƯƠNG. Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội, thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại.

2- TU LỤC ĐỘ

a) *Bố thí độ*

ĐỆ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Đồ nhơn thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước thậm đại. Sa-môn văn viết: Thủ phước tận hồ? Phật ngôn: Thí như nhứt cự chi hỏa, sở thiên bách nhơn các dĩ cự lai phân thủ, thực thực trừ minh, thủ cự như cố, phước diệc như chi.

BÀI THỨ TÁM

ĐỆ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phạn ác nhơn bá bất như phạn nhứt thiện nhơn; phạn thiện nhơn thiên, bất như phạn nhứt trì ngũ giới giả ; phạn ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhứt Tu-đà-hoàn; phạn bá vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạn nhứt Tư-đà-hàm; phạn thiên vạn Tư-đà-hàm, bất như phạn nhứt A-na-hàm; phạn nhứt ức A-na-hàm, bất như phạn nhứt A-la-hán; phạn thập ức A-la-hán, bất như phạn nhứt Bích Chi Phật; phạn bá ức Bích Chi Phật, bất như phạn nhứt Tam thế chư Phật; phạn thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạn nhứt Vô niệm Vô trụ Vô tu Vô chúng chi giả.

BÀI THỨ CHÍN

ĐỆ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hữu nhị thập nan: Bần cùng bố thí nan, hào quý học đạo nan, khí mạng tất tử nan, đắc đồ Phật kinh nan, sanh trị Phật thế nan, nhữ sắc nhữ dục nan, kiến hảo bất cầu nan, bị nhục bất sân nan, hữu thế bất lâm nan, xúc sự vô tâm nan, quảng học bác cứu nan, trừ diệt ngã mạn nan, bất khinh vị học nan, tâm hành bình đẳng nan, bất thuyết thị phi nan, hội thiện tri thức nan, kiến tánh học đạo nan, tùy hóa độ nhơn nan, đồ cảnh bất động nan, thiện giải phương tiện nan.

BÀI THỨ MƯỜI

b) Trì giới độ

ĐỆ THẬP TAM CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Dĩ hà nhơn duyên đắc trì túc mạng? Hội kỳ chí đạo? Phật ngôn: Tịnh tâm thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma cảnh, cấu khử minh tôn, đoạn dục vô cầu, đương đắc túc mạng.

ĐỆ THẬP TỨ CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại? Phật ngôn: Hành đạo thủ chơn giả thiện; chí dữ đạo hiệp giả đại.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

c) Nhữ nhục độ

ĐỆ THẬP NGŨ CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh? Phật ngôn: Nhữ nhục đa

lục, bất hoài ác cố, kiêm gia an kiện; nhữn giả vô ác, tất vi nhơn tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa đāi ư kim nhựt, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc Nhứt thiết trí, khả vị minh hỷ.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

d) Thiên định độ

ĐỆ THẬP LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hoài ái dục bất kiến đạo giả. Thí như trũng thủy trí thủ giáo chi, chúng nhơn cộng lâm vô hữu đồ kỳ ảnh giả, nhơn dĩ ái dục giao thố; tâm trung trọc hung, cố bất kiến đạo. Nhữ đắng Sa-môn đương xả ái dục, ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỷ.

BÀI THỨ MƯỜI BA

e) Bát-nhã độ

1- CĂN BẢN TRÍ

ĐỆ THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù kiến đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung, kỳ minh tức diệt nhi minh độc tồn, học đạo kiến đế, vô minh tức diệt nhi minh thường tồn hỷ.

2- HẬU ĐẮC TRÍ

ĐỆ THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn : Ngô pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu; hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ! Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

3. GIA HẠNH VI

a) Vô thường tức thường quán

ĐỆ THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn : Quán thiên địa niệm phi thường, quán thế giới niệm phi thường, quán linh giác tức Bồ-đề, như thị tri thức đặc đạo tốc hỷ.

b) Vô ngã như huyễn quán

ĐỆ NHỊ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn : Đương niệm thân trung tứ đại các tự hữu danh, đô vô ngã giả, ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

c) Thông quán ngũ dục

ĐỆ NHỊ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn : Nhon tùy tình dục cầu ư thịnh danh, thịnh danh hiển trước, thân dĩ cố hỷ! Tham thế thường danh nhi bất học đạo, uống công lao hình! Thí như thiêu hương, tuy nhon văn hương, hương chi tận hỷ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu.

ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Tài sắc ư nhon, nhon chi bất xả, thí như đao nhĩ hữu mật, bất tức nhưt san chi mỹ, tiểu nhi thử chi tắc hữu cát thiệt chi hoạn.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

d) Biệt ha sắc dục

ĐỆ NHỊ THẬP TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hệ ư thê tử, xá trạch thậm ư lao ngục, lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì ! Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tôn cam phục! Đầu nê tự nịch cố viết phàm phu; thấu đắc thử môn xuất trần La-hán.

ĐỆ NHỊ THẬP TỨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ái dục mạc thậm ư sắc, sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoại. Lại hữu nhứt hỹ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhơn, vô năng vi đạo giả hỹ.

ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ái dục chi nhơn, du như chấp cự nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn.

ĐỆ NHỊ THẬP LỤC CHƯƠNG. Thiên thần hiến Ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý. Phật ngôn: Cách nang chúng uest, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng. Thiên thần du kính, nhơn vấn đạo ý; Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

f) Tinh tấn độ

1) PHI GIÁP TINH TẤN

a) Phi giáp tinh tấn hạnh

ĐỆ NHỊ THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, du mộc tại thủy, tầm lưu nhi hành, bất xúc

lượng ngân. Bất vi nhơn thủ, bất vi quý thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ngô bảo thủ mộc quyết định nhập hải. Học đạo chi nhơn, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi, ngô bảo thủ nhơn tất đắc đạo hỹ.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

ĐỆ NHỊ THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn: Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín; thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý.

ĐỆ NHỊ THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc diệc mạc cộng ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: Ngã vi Sa-môn xử ư trọc thế, đương như liên hoa bất vi nê ô. Tướng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tử, thiếu giả như muội, trĩ giả như tử; sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.

ĐỆ TAM THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, như bị càn thảo, hỏa lai tu tị, Đạo nhơn kiến dục tất đương viễn chi.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

ĐỆ TAM THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Hữu nhơn hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm, Phật vị chi viết: Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm, tâm như Công Tào, Công Tào nhược chỉ, từng giả đô tức; tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích? Phật vị thuyết kệ: “Dục sanh

ư nữ ý, ý dĩ tư tưởng sanh, nhị tâm các tịch tịnh, phi sắc diệt phi hành". Phật ngôn: Thử kệ thị Ca Diếp Phật thuyết.

ĐỆ TAM THẬP NHỊ CHƯƠNG: Phật ngôn: Nhơn tùng ái dục sanh ưu, tùng ưu sanh bố, nhược ly ưu ái, hà ưu hà bố?

BÀI THỨ HAI MƯƠI

b) Phi giáp tinh tấn tướng

ĐỆ TAM THẬP TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, thí như nhứt nhơn dĩ vạn nhơn chiến, quả khả xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thối, hoặc cánh đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma nhi đắc đạo quả.

BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT

2- NHIẾP THIỆN TINH TẤN

ĐỆ TAM THẬP TỨ CHƯƠNG. Sa-môn dạ tụng Ca Diếp Phật Di Giáo Kinh, kỳ thỉnh bi khẩn, tư hồi nhược thối. Phật vấn chi viết: Nữ tích tại gia tăng vi hà nghiệp? Đối viết: Ái đàn cầm. Phật ngôn: Huyền hoãn như hà? Đối viết: Bất minh hỹ. Huyền cấp như hà? Đối viết: Thịnh tuyệt hỹ. Cấp hoãn đắc trung như hà? Đối viết: Chư âm phổ hỹ. Phật ngôn: Sa-môn học

đạo diệc nhiên, tâm nhược điều thích, đạo khả đắc hỹ. Ư đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh nã; ý nhược sanh nã, hạnh tức thối hỹ; kỳ hạnh ký thối, tội tất gia hỹ. Dẫn thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỹ.

ĐỆ TAM THẬP NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Như nhơn đoàn thiết, khứ chỉ thành khí, khí tức tinh hảo; Học đạo chi nhơn, khứ tâm cấu nhiễm, hạnh tức thanh tịnh hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯỜI HAI

3- LỢI LẠC TINH TẤN

ĐỆ TAM THẬP LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn: Như ly ác đạo đắc vi nhơn nan; ký đắc vi nhơn, khứ nữ tức nam nan; ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan; lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan; ký sanh trung quốc, trị Phật thế nan; ký trị Phật thế, ngộ đạo giả nan; ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan; ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan; ký phát Bồ-đề tâm, vô tu vô chứng nan.

BÀI THỨ HAI MƯỜI BA

3- MINH CẤP GIỚI THỪA

ĐỆ TAM THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phật tử ly ngô số thiên lý, ức niệm ngô giới tất đắc đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.

ĐỆ TAM THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật vấn Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Sở nhật gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo ! Phục vấn nhứt Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Phạn thực gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo! Phục vấn nhứt Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Hô hấp gian. Phật viết: Thiện tai ! Tử tri đạo hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BỐN

IV- TÍN GIÁO, GIẢI LÝ, TU HẠNH

1- TÍN GIÁO

ĐỆ TAM THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn: Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận, thí như thực mật, trung biên giai điềm, ngô kinh diệc nhĩ.

2- GIẢI LÝ

ĐỆ TỨ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Sa-môn hành đạo, vô như ma ngư, thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành; tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo.

3- TU HẠNH

ĐỆ TỨ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi Đạo giả như ngư phụ trọng hành thâm nê trung, bì cực bất cảm tả hữu cố thị, xuất ly ứ nê nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán tình dục thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯƠI LĂM**C. TỔNG KẾT PHẦN**

ĐỆ TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ngô thị vương hầu chi vị như quá khích trần, thị kim ngọc chi bảo như ngọa thuốc, thị hoàn tố chi phục như tộ bạch, thị Đại thiên giới như nhút ha tử, thị A Nậu trì thủy như đồ túc du; thị phương tiện môn như hóa bảo tụ, thị Vô thượng thừa như mộng kim bạch, thị Phật đạo như nhân tiền hoa, thị thiền định như Tu Di sơn trụ, thị Niết-bàn như trú tịch ngụ, thị đảo chánh như lục long vũ, thị bình đẳng như nhút chơn địa, thị hưng hóa như tứ thời mộc.

*

* *

KINH DI GIÁO

(GIẢI THÍCH)

LỜI NÓI ĐẦU

I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

PHẬT là tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật-đà (Bouddha) các sách xưa còn gọi là Phù-đồ, nhưng hiện nay danh từ Phù-đồ ít được thông dụng. Chữ Phật, Trung Hoa dịch là Giác giả, có nghĩa là sáng suốt, hoàn toàn, tức là chỉ cho những bậc Đại Giác, Đại Ngộ. Những bậc này biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chơn chánh, cùng tột và không còn một chút mê lầm, điên đảo, do đó còn được gọi là **VÔ THƯỢNG BIẾN CHÁNH GIÁC**. Danh từ Vô Thượng Biến Chánh Giác cũng là để lựa khác với hàng ngoại đạo, Tiểu thừa và Bồ Tát.

Hàng Ngoại đạo có hiểu biết sự lý trong vũ trụ, nhưng hiểu biết một cách điên đảo sai lầm, để lựa khác với hàng ngoại đạo gọi là **CHÁNH GIÁC**.

Hàng Nhị thừa có hiểu biết được sự lý trong vũ trụ, nhưng hiểu biết một cách thiên lệch (chấp không), không được cùng khắp, để lựa khác với hàng Nhị thừa gọi là **BIẾN CHÁNH GIÁC**.

Hàng Bồ Tát tuy có hiểu biết tất cả sự lý trong vũ trụ, nhưng không được cùng tột, để lựa khác với hàng Bồ Tát gọi là **VÔ THƯỢNG**.

Những bậc Vô Thượng Biến Chánh Giác này chẳng những tự mình được Đại Giác, Đại Ngộ (tự giác) mà còn đem chỗ giác ngộ của mình giác ngộ cho kẻ khác (giác tha); hơn nữa không chỉ riêng giác ngộ cho mình và cho người mà thôi, lại còn khiến cho tất cả chúng sanh đều được giác ngộ đến chỗ Vô Thượng (giác hạnh viên mãn). Giác ngộ như thế, mới được gọi là **PHẬT ĐÀ**.

Phật-đà là một danh từ phổ thông chỉ chung cho các Đức Phật, riêng ở Kinh này là chỉ cho Đức Thích Ca Mâu Ni.

DI GIÁO là lời dặn dò, dạy bảo của Đức Phật để lại cho đệ tử. Thật ra những lời dạy bảo của Đức Phật để lại cho chúng ta có đến ba tạng Giáo điển: Kinh, Luật và Luận, nhưng bộ Kinh này là lời giáo huấn cuối cùng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi sắp nhập Niết-bàn để lại cho hàng đệ tử Tỳ-kheo làm quy tắc giữ gìn Phật pháp. Nên bộ Kinh này đặc biệt được gọi là **DI GIÁO**.

Lời Di Giáo này, chẳng khác nào lời di chúc của cha mẹ khi sắp lâm chung để lại dặn dò chỉ bảo con cái.

KINH là một danh từ phổ thông chung chỉ các thứ *Kinh*, gồm có 3 nghĩa:

1) *Thường*: Có nghĩa là Giáo lý của Đức Phật nói ra luôn luôn đúng Chơn lý, không vì thời gian mà thay đổi, không theo quốc độ mà sai khác. Nghĩa là đối trong ba thời: quá khứ các Đức Phật đã nói thế nào thì hiện tại Đức Thích Ca cũng nói thế ấy, mà cho đến vị lai, các Đức Phật khác cũng nói đúng như thế.

2) *Khế (Hợp)*: Có nghĩa là Hợp lý và Hợp cơ. Nghĩa là trên hợp với Chơn lý của chư Phật, dưới hợp với mọi căn cơ, mọi trình độ của tất cả chúng sanh.

3) *Tuyển (Đường canh)*: Tức là đường dọc của tám vải. Tám vải nhờ những đường dọc khâu kết, tổ hợp mà thành. Cũng thế, bao nhiêu Giáo lý của Đức Phật vì đại chúng diễn nói, về sau nhờ các vị Đại đệ tử như Ngài A Nan, Ưu Ba Ly v.v... khâu kết, kết tập lại mới thành.

Kinh Phật Di Giáo còn gọi là *Phật Thùy Bát Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới*. *Thùy Bát Niết Bàn*, có nghĩa là: Sắp đến giờ vào Niết-bàn. *Lược Thuyết Giáo Giới*, có nghĩa là: Lược nói những lời dạy bảo cần yếu.

Giờ phút sắp vào Niết-bàn, Đức Phật còn để lời dặn dò căn kẽ cho các đệ tử được ghi lại trong *Kinh* này, nên gọi là *KINH PHẬT DI GIÁO* hay *KINH THÙY BÁT NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI*. Danh từ tuy khác, nhưng ý nghĩa vẫn đồng. Tuy nhiên danh từ: *Kinh Phật Di Giáo* gọn gàng, dễ đọc, nên được phổ thông hơn.

II. LƯỢC SỬ DỊCH GIẢ

Bốn Kinh này do Ngài Cưu Ma La Thập (Kumàrajiva) dịch ra văn Trung Hoa vào đời vua Diêu Tân. Ngài La Thập là người nước Quy Tư, một tiểu quốc thuộc xứ Ấn Độ thời bấy giờ. Ngài theo mẹ xuất gia vào lúc bảy tuổi, châu du khắp xứ Ấn Độ, thông suốt các sách vở, Ngài rất giỏi về Kinh điển Đại thừa. Nhân vua nhà Tân là Phù Kiên (năm thứ 19 tức là vào đầu thế kỷ thứ V) đem binh đánh nước Quy Tư và bắt Ngài về. Sau Ngài vào Trường An, được vua tôn làm Quốc sư và thỉnh Ngài ở Tây Minh Các và Tiêu Diêu Viện lo việc dịch Kinh. Ngài dịch được hơn 380 quyển.

Ngài là vị Pháp sư thông cả Ba tạng giáo điển. Sự nghiệp dịch thuật của Ngài ở Trung Hoa, trừ Ngài Trần Huyền Trang ra chưa có ai sánh kịp. Những bộ Kinh do Ngài dịch rất được phổ thông như: Pháp Hoa, Bát Nhã, Di Đà v.v...

Ngài viên tịch tại Trường An vào đời vua Tân Thỉ Hoàng năm thứ mười một.

*

* *

BÀI I

A. 敘 分

釋迦牟尼佛，初轉
 法輪度阿若憍陳如，
 最。後說應娑羅是，
 於槃無聲，為諸
 涅槃無法要。

DỊCH NGHĨA

A. PHẦN TỰA

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết chuyển Pháp luân độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như. Cuối cùng thuyết pháp độ ông Tu Bạt Đà La. Những người đủ duyên được độ đều đã độ hết, ở trong rừng Ta La Song Thọ, Phật sắp nhập Niết-bàn, khi ấy giữa đêm thanh vắng không một tiếng động, Ngài vì các đệ tử lược nói Pháp yếu.

GIẢNG NGHĨA

Chuyển pháp luân : Lăn bánh xe Pháp. Giáo pháp của Đức Phật gọi là PHÁP LUÂN. Luân là chỉ cho xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, gồm có hai nghĩa: Đi khắp và dẹp trừ, nghĩa là xe của Vua Chuyển Luân đi khắp trong bốn châu thiên hạ, dẹp trừ những bợn oán địch. Cũng thế, Giáo pháp của Đức Phật đi khắp trong các cõi chúng sanh và dẹp trừ bợn giặc phiền não, nên “Giáo pháp” dụ cho bánh xe, còn “Chuyển” (lăn) là dụ cho việc nói Giáo pháp. Nghĩa là chuyển vận Giáo pháp nơi tự tâm mình vào tâm của kẻ khác, y như chuyển bánh xe từ chỗ này đến chỗ kia vậy.

Niết-bàn (Nirvāna) : Có chỗ gọi là Nê Hoàn, Nê Bàn hay Niết-bàn-na, các nhà dịch có nhiều nghĩa khác nhau: Diệt, Diệt độ, Tịch diệt, Bất sanh, Vô vi.

An lạc, Giải thoát v.v... Niết-bàn còn một tên khác là: Ba Lị Nật Phục Nẫm (Parinirvāna) dịch là Viên Tịch: Đây đủ phước trí, hoàn toàn vắng lặng, sạch tất cả các thứ phiền não trần lao. Niết-bàn có bốn thứ khác nhau:

1) Bản Lai Tự Tánh Thanh Tịnh Niết-bàn : Mặc dù chúng ta bị khách trần phiền não mà Tự tánh vẫn thường thanh tịnh, rỗng rang như hư không, xa lìa các tướng phân biệt, bất sự nói năng, dứt đường suy nghĩ. Cái tánh ấy xưa nay vẫn một màu vắng lặng (Niết-bàn này thuộc về phàm phu).

2) Hữu Dư Y Niết-bàn : Hàng Nhị thừa do đoạn hết được Phiền não chướng (sự ngăn ngại do phiền não gây ra) mà hiển ra Chơn như. Hữu Dư Y là còn nương nơi thân hữu lậu. Nghĩa là đối với các phiền não đã đoạn hết mà vẫn còn thân hữu lậu, mặc dù còn thân hữu lậu mà các chướng phiền não hằng vắng bật.

3) Vô Dư Y Niết-bàn : Hàng Nhị thừa đã đoạn được Phiền não chướng và cũng đã đoạn được Báo thân hữu lậu rồi. Nghĩa là Chơn Như sau khi ra khỏi sanh tử mà được hiển bày.

4) Vô Trụ Xứ Niết-bàn : Chơn Như do đoạn Sở tri chướng (sự ngăn ngại Chơn trí do hiểu biết gây ra) mà được hiển bày. Đây là Niết-bàn của chư Phật. Hàng Nhị thừa vì chưa đoạn được Sở tri chướng, nên chẳng hiểu được lẽ: “Sanh tử chẳng khác Niết-bàn”. Do đó họ chấp có Sanh tử đáng chán, Niết-bàn đáng ưa; còn chư Phật đã đoạn Sở tri chướng được Chơn trí Bồ-đề

nên không còn thấy Sanh tử và Niết-bàn khác nhau. Nghĩa là; Chư Phật đầy đủ trí huệ nên không ở trong Sanh tử, nhưng vì lòng Đại bi, nên cũng không trụ Niết-bàn; không sanh diệt mà thị hiện sanh diệt để hóa độ chúng sanh.

A Nhã Kiều Trần Như : (*Ajnata Kaundiya*) : A Nhã là tên, dịch nghĩa là GIẢI (hiểu biết) cũng dịch là VÔ TRI (không có điều nào là không biết) Kiều Trần Như là họ, dịch là HỎA KHÍ.

Khi Phật mới thành đạo, liền thẳng đến vườn Lộc Giả nói Pháp Tứ Đế độ năm anh em ông Kiều Trần Như, trong số đó, ông Kiều Trần Như hiểu được lý “Vô Tri Diệt Tri” trước nhất, nên ông được gọi là A NHÃ.

Tu Bạt Đà La : (*Subhadra*) : Dịch là HẢO HIỀN, ông là người đệ tử cuối cùng của Phật. Khi ông Quy y Phật thì đã 120 tuổi rồi.

Nguyên trước kia ông là người ngoại đạo, sau nghe Phật sắp nhập Niết-bàn, ông hối hả đến chỗ Phật xin vào yết kiến và cầu pháp. Ông xin gặp Phật hai ba phen, nhưng Ngài A Nan sợ ông khuấy rầy Phật nên chẳng cho ông vào. Hai bên tranh chấp giằng co, Phật nghe thấy mới kêu cho vào và vì ông nói pháp Bát Chánh đạo, ông Tu Bạt Đà La liền chứng được Sở quả.

ĐẠI Ý

Đây là lời Dẫn khởi thuộc về Phần tựa của bộ Kinh Di Giáo. Đoạn này cũng có thể thay cho sáu món Thành Tựu. Sáu món Thành tựu là:

- 1) Pháp sư thành tựu.
- 2) Pháp môn thành tựu,
- 3) Đệ tử thành tựu,
- 4) Đại tổng tướng thành tựu,
- 5) Nhân quả tự tướng thành tựu,
- 6) Phân biệt tổng tướng thành tựu.

GIẢI THÍCH

Đại phàm đoạn mở đầu của các bộ Kinh đều nói đến sáu món Thành tựu, nhưng riêng sáu món Thành tựu của bộ Kinh Di Giáo này, không đồng với các bộ Kinh khác. Các bộ Kinh khác thường mở đầu bằng câu: “Pháp này tôi nghe, một thuở nọ v.v...”. Kinh này thì không thế, câu mở đầu lại là: “Phật Thích Ca Mâu Ni v.v...”.

Năm chữ “Phật Thích Ca Mâu Ni” là nói Pháp sư Thành tựu.

Thích Ca là họ của Phật, Trung Hoa dịch là “Năng Nhân”, có nghĩa là Tài năng và Đức hạnh. Nguyên nhân Phật lấy họ Thích Ca là vì trong dòng dõi của Ngài, ở các triều vua trước, ra đời đều là những vị vua thông minh, hơn từ, nên về sau đổi ra họ Thích Ca, có ý ca ngợi tài trí thông minh của dòng dõi.

Mâu Ni là danh xưng của Đức Phật, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc. Trước kia Đức Phật tên là Tất Đạt Đa (Siddhāratha) chính âm là: Tát Ba Kịệt Thích

Tha Tất Đà (Sarvārtha'siddha), nhưng về sau do sự tôn trọng, khen ngợi Ngài, vì Ngài ở trong cảnh vắng lặng mà thành tựu được trí huệ phi thường, không gì khắc nào không ở trong Đại định, nên gọi là MÂU NI.

Trong câu : “Trước hết, Chuyển Pháp Luân độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như; cuối cùng, thuyết pháp độ ông Tu Bạt Đà La” gồm nói hai món thành tựu: Pháp môn thành tựu và Đệ tử thành tựu.

Câu : “Trước hết Chuyển Pháp Luân và cuối cùng thuyết pháp” là Pháp môn thành tựu. Câu: “Trước hết độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như, cuối cùng độ ông Tu Bạt Đà La” là Đệ tử thành tựu.

Câu : “Những người đủ duyên được độ Phật đã độ hết” là nói đến sự nghiệp của Đức Phật ra đời, độ sanh đã được viên mãn là Đại tổng tướng thành tựu.

Ta La Song Thọ: Ta la nghĩa là kiên cố; là cây bốn mặt. Mỗi mặt: trên hai nhánh hiệp nhau dưới hai gốc liền nhau, có một khô một tươi, tiêu biểu cho Tứ đức phá trừ Bát đảo của phàm phu và Nhị thừa.

Nhân quả tự tướng: “Trong rừng cây Song thọ” là Nhân tự tướng; “Sấp vào Niết-bàn” là Nhân và Quả tự tướng; “Khi ấy nửa đêm” là Tổng tự tướng. Gồm nói là Nhân quả tự tướng thành tựu.

Câu : “Vì các đệ tử lược nói Pháp yếu” là Phân biệt Tổng tướng thành tựu, “Các đệ tử” là tiêu biểu

cho nhân sai biệt; “Lược nói pháp yếu” là tiêu biểu cho Pháp thể và xuất thế gian sai biệt.

Mặc dù Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, vẫn vì chúng đệ tử chỉ dạy cặn kẽ những điều cần thiết. Ấy là biểu lộ lòng từ bi vô hạn, chẳng khác nào người cha đối với các con khi sắp lâm chung vậy.

*

* *

BÀI II

B- 正宗分

I- 共法要

1- 對治邪業

a) 根本淨

汝等比丘，於我滅
 後當尊重珍敬波羅提
 木叉，如闇遇明，貧
 人得寶；當知此則是
 汝等大師，若我住世
 無異此也。

b) 方便淨

賣畜一當不掘相推，食預術親。
 販；皆，土占，計時參咒，作
 得宅生寶坑墜，宿算身得，人應
 不田畜財火，藥星數節不命貴不
 ，置婢諸避木湯觀曆。使好皆
 者，安奴及如草合仰，應活致結，
 戒，民植，伐和。虛不自通，慢
 持易人種離斬。凶盈所淨事藥媾
 買養切遠得地吉步皆清世仙厚

當 自 端 心 正 念 求 度 ，
 不 得 包 藏 瑕 疵 顯 異 惑
 眾 ， 於 四 供 養 知 量 知
 足 ， 趣 得 供 事 不 應 畜
 積 ○

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH TÔN

I- PHÁP YẾU CHUNG

1- ĐỐI TRỊ TÀ NGHIỆP

a) Căn bản thanh tịnh

Tỳ-kheo các ông ! Sau khi Ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba La Đề Mộc Xoa (Giới Luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù Ta có trụ ở đời cũng không khác Pháp này vậy.

b) Phương tiện thanh tịnh

Người trì giới chẳng được mua bán đổi chác, tạo ruộng cát nhà, nuôi người mướn tớ, và chăn nuôi gia súc; tất cả mọi sự trồng trọt và các thứ của báu đều phải xa bỏ, như tránh hầm lửa ; chẳng được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai; điều

ché thuốc thang, coi tướng kiết hung, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thận, coi ngày đoán số đều không nên làm. Phải tiết chế nơi thân ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ, thông tin, luyện bùa chú, nấu Tiên dược; giao hảo người quyền quý, thân hậu kẻ khinh mạn, đều không nên làm. Phải tự giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát. Chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng đối gạt mọi người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng và biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

GIẢNG NGHĨA

Ba La Đề Mộc Xoa (*Parttimoksa*) : Dịch là Biệt giải thoát. Nghĩa là người giữ được giới nào, phần nào thì sẽ giải thoát được giới đó, phần đó. Cũng có nghĩa là người giữ giới luật sẽ giải thoát được tội Thất chi ở thân khẩu, và gián biệt được Định cộng giới và Đạo cộng giới, gọi là Biệt giải thoát.

Khinh mạn : Khinh lờn kiêu mạn.

Dị tướng : Hình tướng khác lạ. Mặc dù bên trong không tu hành chơn chất, che giấu những điều bất chánh, nhưng bên ngoài làm ra vẻ con người chơn thật, ai nấy nhìn vào phải lầm; hay làm các điều chú thuật mê hoặc chúng sanh.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật dạy các đệ tử phải giữ gìn Giới luật, có hai phần:

- 1) Lấy giới luật làm căn bản và tôn trọng như bậc Thầy.
- 2) Tránh xa những điều có thể làm suy kém việc trì giới.

GIẢI THÍCH

Phàm là đệ tử xuất gia mong cầu giải thoát phiền não đều gọi là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có bốn nghĩa:

1) **Trừ căn** : ý khen ngợi Tỳ-kheo là bực phước điền.

2) **Bố Ma** : Vì người xuất gia mong cầu giải thoát, tiêu diệt tất cả vọng tưởng điên đảo do đó bọn Ma Vương thấy thì sanh lòng sợ sệt.

3) **Khất Sĩ** : Hàng Tỳ-kheo thọ 250 giới, bỏ tất cả tài sản chỉ còn một bình Bát và ba Y, lấy việc khất thực mà nuôi sống.

4) **Phá ác** : Hàng Tỳ-kheo đem ngày chuyên tâm tu Giới, Định, Huệ để phá trừ ác nghiệp, làm các thiện nghiệp, nên gọi là Phá ác.

Đức Phật khi sắp nhập Niết-bàn, Ngài dạy chúng đệ tử Tỳ-kheo phải nên tôn trọng gìn giữ Ba La Đề Mộc Xoa. Ba La Đề Mộc Xoa có nghĩa là Biệt giải thoát hay Xứ Xứ giải thoát.

Sở dĩ Đức Phật dạy chúng đệ tử phải tôn trọng Giới luật là vì Đức Phật đã nhờ nó mà tự mình được Đại Niết-bàn, nên Đức Phật muốn cho chúng Tỳ-kheo

đối với những “hành chi” có chỗ nào chưa quyết, thì trực tiếp hỏi Phật, nếu để khi Phật nhập Niết-bàn rồi thì không còn biết hỏi ai.

Vì thế khi chế định Giới luật, đối với chúng Tỳ-kheo, Ngài dạy rằng: “Sau khi Ta nhập Niết-bàn các ông phải tôn trọng Giới luật và y đó hành trì sẽ được giải thoát. Tôn trọng Giới luật, chính là tôn trọng Ta, Ta còn ở đời lãnh đạo các ông, sau khi Ta nhập Niết-bàn, người lãnh đạo các ông chính là Giới luật, có Giới luật chẳng khác nào đi trong đêm tối gặp được ngọn đèn sáng, quyết không bao giờ bị lạc đường. Các ông đã có Giới luật, phải nên vui mừng như được của báu. Phải biết rằng: Giới luật là vị Đạo sư sau này của các ông cũng như Ta còn ở đời không khác vậy”.

Đoạn thứ hai, nói đến các Phương tiện trì giới, có xa lìa chúng, giới thể mới được thanh tịnh, đoạn văn này gồm có ba phần:

– Từ câu: “Người trì giới... đến... đào xới đất đai”, là Phật răn dạy hàng Tỳ-kheo không được lo việc sanh sản sự nghiệp như người thế tục để gây thêm tội lỗi, có mười một việc:

- 1) Không được buôn bán,
- 2) Không được mua sắm,
- 3) Không được đổi chác,
- 4) Không được mua ruộng tậu nhà,
- 5) Không được nuôi chứa nhân dân,

- 6) Không được nuôi chứa tôi tớ,
- 7) Không được chăn nuôi súc vật,
- 8) Không được trồng trọt mọi thứ,
- 9) Không được chứa cất của báu,
- 10) Phải xa nơi thị tứ,
- 11) Không được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai.

Mười một việc này đều khiến cho Tỳ-kheo có thể tăng trưởng tội lỗi, tiêu mất công đức, nên người xuất gia tất chẳng nên làm.

– Từ câu : “Điều chế thuốc thang... đến... coi ngày đoán số”, là Phật dạy hàng Tỳ-kheo chẳng nên đồng với Ngoại đạo làm các thứ kỹ thuật không chánh đáng để súc tích của cải mà thương tổn đến trí huệ, có 5 việc như sau:

- 1) Không được điều chế thuốc thang,
- 2) Không được coi tướng kiết hung,
- 3) Không được trông xem tinh tú,
- 4) Không được tìm tòi suy thành,
- 5) Không được coi ngày, đoán số.

Năm việc này là của hàng Ngoại đạo, đều có thể làm ngăn ngại chánh niệm.

– Từ câu : “Phải tiết chế nơi thân... đến... vật cúng dường không nên chứa cất” là Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải gắng sức giữ gìn Tịnh giới chẳng được lo việc kinh doanh sanh sản sự nghiệp như kẻ phàm

phu thế tục, mà phải khát thực nuôi sống để cho chúng tử thiện căn được dẫn sanh. Chẳng vậy, các công đức lành không sao phát khởi được.

Phải biết, Giới là nguyên lưu của công đức lành, là nơi an trụ yên ổn nhất. Vì thế, hàng Tỳ-kheo phải tôn trọng Giới pháp, tiết chế nơi thân chẳng để buông lung, tiết chế việc ăn uống cho khỏi no chán; không tham dự việc đời để tránh điều phiền phức, tôn trọng tự tánh, cột lấy tâm mình, giữ gìn chánh niệm, chẳng nên che giấu tội lỗi làm ô Tịnh giới, chứa chất tâm nhơ. Đối với bốn món cúng dường phải tự biết lượng, và được sự cúng dường không nên cất giữ, vì nó sẽ làm mờ ám trí huệ.

Tóm lại; đoạn văn này nói: Trước phải xa lìa công việc của phàm phu thế tục, sau là xa lìa các tà thuật, giữ mình trong Tịnh giới để cầu chứng Pháp thân thanh tịnh của Như Lai.

*

* *

BÀI III

c) 明戒德

此則略說持戒之相
 ，戒是正順解脫之本
 ，故名波羅提木叉，
 因依此戒，得生諸禪
 定及滅苦智慧。

d) 顯戒益

是故比丘當持淨戒
 ，勿令毀缺。若能善
 持淨戒，是則能善
 法功德，若無淨戒，
 功德皆不得生；是以

當知戒為第一安隱功
德之所住處。

DỊCH NGHĨA

c) Công đức trì giới

Đây là lược nói về Tướng trì giới. Giới là căn bản chính, thuận dòng giải thoát, nên gọi là Ba La Đề Mộc Xoa; nhân y nơi giới này mà được sanh các thứ thiên định và trí huệ diệt khổ.

d) Lợi ích của giới

Thế nên Tỳ-kheo phải giữ Tịnh giới, chớ khiến hư kém. Nếu người nào hay giữ gìn Tịnh giới thì người ấy có được Thiện pháp, nếu không Tịnh giới, các công đức lành đều không sanh được. Do đây phải biết Giới là chỗ ở công đức an ổn nhất.

GIẢNG NGHĨA

Giải thoát (2431) : Tiếng Phạn gọi là Mộc Đề (Muti) hay Mộc Xoa (Moksa). Nghĩa là lia sự ràng buộc mà được tự tại, tức là giải được sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát khỏi khổ quả Tam giới. Giải thoát còn là biệt danh của Niết-bàn, vì Thế của Niết-bàn lia tất cả sự trói buộc; lại cũng là biệt danh của Thiên định, như Tam giải thoát và Bát giải thoát.

Thiền định (2775) : Thiền là Thiên-na (Dhyàna), dịch là Tư duy tu, cũng gọi là Tịnh lự. Tư duy tu nghĩa

là tư duy cảnh sở đối mà nghiên tập. Tịnh lự nghĩa là Tâm thể vắng lặng mà hay nghiệm xét. Định là dịch chữ Tam muội của Phạn ngữ, có nghĩa là Tâm định chỉ ở một cảnh mà xa lìa mọi sự tán động. Nghĩa là Tâm khảo sát nơi vật là Thiền, đối với một cảnh tịnh niệm là Định. Vì thế danh từ ĐỊNH thì rộng, chỉ cho tất cả việc dứt Tưởng ngưng Tâm; danh từ THIỀN thì hẹp, chỉ là một phần của Định. Bởi vì sự suy nghĩ xét nét của Thiền na tự nó có nghĩa: “Định chỉ tịch tịnh”, nên được gọi là Định; còn Tam muội không có nghĩa suy nghĩ xét nét, nên được gọi là Thiền. Hiệp chung cả Tổng và Biệt gọi là Thiền Định.

Trí huệ (2203) : Tiếng Phạn gọi là Nhā-na (Jnāna) Trung Hoa dịch là TRÍ; Bát-nhā (Prajnā) Trung Hoa dịch là HUỆ. Quyết đoán là TRÍ, giản trách là HUỆ; lại biết được Tục đế là TRÍ, rõ lý Chơn đế là HUỆ.

Trong Đại Thừa Nghĩa Chương quyển chín nói: “Thấy rõ gọi là Trí, hiểu rõ gọi là Huệ, hai Pháp đều riêng khác: Biết Tục đế là Trí, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đế là Huệ, hiệp chung lại thì nghĩa đồng”.

Trong Pháp Hoa Sớ quyển hai nói: “Huệ thì quán Không, còn Trí thì quán Hữu”.

Công đức (925): Công là công năng của Phước lợi, công năng này là Đức của Thiện hạnh, nên gọi là Công Đức. Lại Đức có nghĩa là Được, do tu Công mà có được những sở đắc, gọi là Công đức. Theo sự giải thích của Ngài Thiên Thai trong Kinh Nhân Vương thì: Thí cho người là Công, quy về mình là Đức.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng Tỳ-kheo phải cố gắng giữ gìn Tịnh giới không cho yếu kém để gieo trồng công đức và sẽ được nhiều sự lợi ích.

GIẢI THÍCH

Đoạn thứ nhất nói: Giới có công năng tăng trưởng công đức thiện căn, vì thế Giới chính là căn bản thuận dòng giải thoát. Nếu Tỳ-kheo có thể Trì Giới sanh Định thì giải thoát được khổ phiền não. Ấy là do Giới sanh Định như Định phát Huệ. Do đó biết rằng Chơn Trí Huệ không thể xa lìa Giới Định mà sanh ra được.

Đoạn thứ hai nói về sự lợi ích của Giới để khuyên tu Giới. Nghĩa là Tỳ-kheo phải nên trụ trong Tịnh Giới, chớ để cho Giới Thể bị thương tổn và Giới Tướng bị yếu kém. Ấy là Phật khuyên Tỳ-kheo không nên xa lìa Giới Hạnh.

Mặc dầu có Thiện pháp mà không trì giới, thì Thiện pháp sẽ lần lần tan mất. Vì thế Tỳ-kheo phải an trụ trong Tịnh Giới tinh tấn siêng tu.

*

* *

BÀI IV

2- 對治妄苦

a) 根欲放逸苦

1/ 根放逸苦

汝等比丘，已能住
戒，當制五根，勿令
放逸入於五欲。譬
牧牛之人，執杖視
，不令縱逸犯人苗
稼。

若縱五根，非唯五
欲，將無涯畔不可
也！亦如惡馬，不
轡制，將當牽人墜於

坑陷 ○ 如被劫賊，苦
 止一世 ○ 五根賊禍殃
 及累世，為害甚重，
 不可不慎！是故智者
 制而不隨，持之如賊
 ，不令縱逸，假令縱
 之，皆亦不久見其磨
 滅 ○

DỊCH NGHĨA

2) ĐỐI TRỊ KHỔ VỌNG

a) Khổ do Căn và Dục buông lung

1/ KHỔ DO CĂN BUÔNG LUNG

Tỳ-kheo các ông ! Đã có thể an trụ trong Giới rồi, phải kiềm chế ngũ căn chớ để buông lung vào trong ngũ dục. Thí như người chăn trâu, cầm roi nhìn nó, chẳng cho tuông rông phạm nhằm lúa mạ người.

Nếu thả lỏng ngũ căn, chẳng những chạy theo ngũ dục không bờ mé, không thể kiềm chế được, mà còn gây hại rất nặng, cũng như ngựa chững,

chẳng dùng dây cương chế ngự, chính nó sẽ đưa người sa vào hầm hố. Giả như bị giặc cướp khổ chỉ một đời, còn họa ương của giặc ngũ căn phải đến nhiều kiếp, không thể không cẩn thận!

Thế nên người Trí chế phục ngũ căn mà không theo, giữ chúng như giặc, chẳng thể buông lung, dẫn cho chúng có buông lung, chẳng bao lâu cũng phải làm cho chúng đều tiêu diệt.

GIẢNG NGHĨA

Ngũ căn : Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn và Thân căn. Căn có nghĩa là sanh trưởng và tăng thượng. Căn của cây cỏ có sức tăng thượng sanh ra nhánh lá; căn của Mắt có sức mạnh phát sanh ra Nhãn thức. Căn có hai thứ: Phù trần căn và Thắng nghĩa căn.

Ngũ dục : Ngũ dục là năm thứ khiến cho người ta sanh tâm ham muốn. Năm thứ Dục ấy là: Sắc, Thanh, Hương, Vị và Xúc. Năm thứ này làm ô Chơn lý, nên cũng gọi là Ngũ trần. Theo trong Kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao quyển 27 Ngũ dục còn chỉ cho: Tài dục, Sắc dục, Ấm thực dục, Danh dục và Thù miên dục.

Chế ngự : Ngăn ngừa, bắt phải theo.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải giữ gìn ngũ căn chớ cho chạy theo trần cảnh.

GIẢI THÍCH

Ngũ căn còn được gọi là Ngũ quan. Phật dạy hàng xuất gia phải giữ Căn môn của mình, đừng để cho chúng chạy theo trần cảnh. Nếu để chúng chạy theo trần cảnh thì sẽ gây ra bao nhiêu sự tai hại, thống khổ, như: Tà dâm, vọng ngữ v.v... cũng do đó mà phát sanh.

Vì thế, hàng Tỳ-kheo cần nhứt phải giữ gìn năm căn. Nghĩa là: Tai đừng nghe tiếng tà, mắt đừng nhìn ngó điều bất chánh. Mũi đừng ham thích những mùi thơm, miệng đừng để cho thèm khát vị ngon, thân chẳng nên ăn mặc xa hoa; có như vậy, sau mới chuyên tâm tu niệm được. Bằng không, năm căn sẽ tha hồ chạy theo năm trần, để rồi dẫn sanh ra các thứ phiền não: Tham, sân, si...

Vì thế hàng Tỳ-kheo phải cột giữ căn môn chớ để chúng buông lung mà gây ra các khổ. Cũng như người giữ trâu cầm roi đứng nhìn, chẳng để cho nó xâm phạm lúa mạ của người, mà phải bị chủ nhơn bắt thường làm khổ.

Bị trâu làm hại lúa mà gây khổ, khổ ấy vẫn nhẹ, còn buông thả ngũ căn chẳng những ngũ dục thêm nhiều không kiềm chế được mà nó còn làm mất luôn cả Pháp thân, huệ mạng, vĩnh kiếp trầm luân trong biển sanh tử, không biết chừng nào ra khỏi; bị con ngựa chứng làm hại rớt xuống hầm sâu, khổ cũng chỉ một đời, còn bị ngũ căn làm hại, tai họa có thể muôn kiếp và lan tràn cho cả thế giới chúng sanh !

BÀI V

2/ 欲放逸苦

其制於，也器於如樹禁令
 為好甚賊，喻蜜觀，譬得可無
 心當，怨足執，但，譬，猴難，
 者，等畏，未手，坑，猿，擲，挫
 根故之，惡獸，逸人，躁深，鉤，踔，急
 五。是心，蛇，火，如，轉，不無躍，當
 此。！蛇，火，喻，動，不，象，騰，
 主。心！毒大！，蜜狂，，制
 主。心！毒大！，蜜狂，，制

喪，處比心。者一故汝心之是伏此制。折縱；辨進。逸事不精。放人無當

b) 多求飲食苦

飲於支採損受無。力分諸好得蜂不，心牛過受於趣如，爾惱善量令丘藥減渴其丘自壞，力比服增饑取比趣，者少其等如生除但；養求智多竭汝當勿以，香供多如堪以食惡身華色人得譬所，

DỊCH NGHĨA

2/ KHỔ DO DỤC BUÔNG LUNG

Năm căn này tâm là chủ tể, thế nên các ông phải khéo chế phục tâm mình. Tâm rất đáng sợ còn hơn là độc xà, ác thú, giặc cướp, lửa dữ. Ngoài những thứ dụ như trên chưa đủ lấy gì để so sánh. Thí như người tay bưng chén mật, bước đi hóp tốp, chỉ nhìn chén mật mà không thấy hầm sâu. Lại như voi điên không móc sắt; khi vượn gặp được cây, nhảy nhót, ngồi chuyên, khó mà cấm cản. Phải mau kiềm nó không cho dong ruổi. Nếu buông thả tâm này sẽ làm mất việc lành của người; kiềm nó một chỗ, thì không việc nào là không làm được. Thế nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn chế phục tâm mình.

b) Khổ về tham cầu ăn uống

Tỳ-kheo các ông! Thọ các thức ăn uống phải coi như uống thuốc, dầu ngon dầu dở chớ sanh tâm lựa chọn, cốt để thân này trừ được đói khát. Như con ong hút mật, chỉ hút vị hoa chẳng làm hại đến hương sắc. Tỳ-kheo cũng vậy, thọ người cúng dường cốt tự trừ khổ, không được cầu nhiều làm thương tổn thiện tâm của người. Thí như kẻ trí, biết trừ liệu sức trâu chở được bao nhiêu chẳng cho quá nặng làm nó kiệt sức.

GIẢNG NGHĨA

Chủ tể : Đứng đầu coi sóc công việc. Người có quyền lực tuyệt đối thống trị hết thảy.

Chế phục : Kiểm giữ, bắt buộc phải phục tùng theo ý mình.

Tinh tấn : Tinh thuần và tấn tới. Tâm mạnh dạn làm các điều lành và đoạn các điều ác. Nghĩa là tinh thuần không xen lộn các việc ác, tấn tới không giải đãi sụt lùi.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật lại khuyên các Tỳ-kheo, phải kiềm chế tự tâm, và không nên mong cầu được nhiều sự thọ dụng, có hai phần:

1) Đối trị tâm ngũ dục.

2) Đối trị tâm mong cầu được nhiều thức ăn uống.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất, tiến lên một bước, Đức Phật khuyên hàng Tỳ-kheo ngăn dứt Tâm buông lung, tức là phải đối trị Tâm ngũ dục.

Vì đối với ngũ căn, Tâm là chủ tể, nên Tâm rất đáng sợ hơn ngũ căn, tai hại còn hơn là độc xà, ác thú. Ở đây Phật đưa ra hai thí dụ:

Thí dụ thứ nhất là: “Người bung chén mật, chỉ vì mắc lo nghĩ đến chén mật mà phải bị rớt xuống hầm sâu”. Chén mật là dụ cho tâm ngũ dục dắt dẫn con người. “Rớt xuống hầm sâu” là dụ cho sự đọa lạc.

Thí dụ thứ hai là: “Con voi điên không móc sắt; giống khỉ vượn gặp được cây”. Voi điên không móc sắt kiềm giữ nó, tất phá hại người và vật không sao tưởng tượng được; còn giống khỉ vượn gặp được cây thì nhảy nhót, leo chuyên không bao giờ ngừng nghỉ.

Tâm của chúng ta chạy theo ngũ dục cũng thế, nó sẽ gây ra không biết bao nhiêu tai hại, chẳng khác nào như con người chỉ lo nhìn chén mật, hay con voi điên bị sút dây, giống khỉ vượn được đại thọ.

Nếu ai có thể giữ được tâm mình, chuyên tu thiện pháp, thì không có pháp nào là không thành tựu.

Cho nên chúng ta nếu kiềm chế tâm mình trong Giới luật, trong việc bố thí hay trong việc tu trí huệ để khiến cho nó tập trung lại một chỗ, không sanh ra vọng tưởng, điên đảo, thì chẳng những phiền não, vô minh thấy đều tiêu dứt mà còn làm được công đức cứu độ quần sanh.

Vì thế, người xuất gia cần nhất là phải ngăn ngừa tâm ngũ dục bằng cách dùng Giới luật và tinh tấn tu hành các thiện pháp để chế phục không cho nó chạy theo ngũ trần mà hại các công đức.

Đoạn thứ hai là đối trị cái khổ cầu được nhiều thức ăn uống. Phạm là kẻ xuất gia đối với việc ăn uống

cần phải biết lượng và biết đủ, chớ có tham lam quá nhiều, mà phải nên coi đó như là uống thuốc. Vì uống thuốc cốt trị bệnh hoạn, ăn uống cốt trị bệnh đói.

Thế nên, người xuất gia chẳng quản gì thức ăn ngon dở, chỉ đủ no là được. Chẳng khác nào con ong lấy mật, chỉ hút vị hoa mà không làm hại đến hương sắc. Cũng thế, người xuất gia lãnh thọ sự cúng dường, không nên mong nhiều mà sanh ra tham niệm, chỉ cần lành được bệnh đói mà thôi.

Do đó, hàng Tỳ-kheo dùng bát để thọ thức ăn, tùy theo lượng lớn nhỏ vừa chừng. Người lớn dùng bát lớn, người nhỏ thì dùng bát nhỏ. Thí như người trí biết lượng sức trâu, không nên chở quá nặng mà làm cho hao tổn sanh lực.

Cũng thế, người xuất gia không nên thọ dụng quá nhiều mà làm mất lòng tin và sức chịu đựng của đàn na tín thí.

*

* *

BÀI VI

c) 懈怠睡眠苦

汝等比丘，晝則勤
 心修習，初夜後誦經，無令失
 時，初中夜以過常求煩於自
 廢息，生念，早諸甚不
 一當問也。○人睡眠
 丘法，後誦睡眠所火度賊家寤
 ，夜經眠所火度賊家寤
 晝無亦以因得燒勿常，安煩
 則勿自緣也！諸睡眠殺可惱
 勤失有消令！世眠殺可惱
 ？

如以，眠慚於慚法恥慚愧若無
 譬當之安無；非慚離有，獸
 ，除可是服一人當若。法禽
 心睡屏乃，之第制常，德善諸
 汝室早，眠恥為能丘替功有與
 在汝鉤出而慚最，比暫諸則，
 睡在之既出。嚴鉤故得失，者也
 蛇虺戒蛇不也莊鐵是勿則人愧異
 毒黑持睡；人諸如，恥之無相

DỊCH NGHĨA

c) Khổ về biếng nhác và ngủ nghỉ

Tỳ-kheo các ông ! Ngày thì chuyên tâm tu tập thiện pháp không nên để mất thì giờ; đầu hôm và gần sáng cũng chớ có bỏ bê; giữa đêm tụng Kinh để tự tiêu tức, không vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua, chẳng được một sự gì!

Phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường thiêu đốt các thế gian mà phải sớm cầu tự độ, chớ nên ngủ nghỉ. Các thứ giặc phiền não thường rình rập giết người còn hơn là oan gia, đâu nên ngủ nghỉ không tự thức tỉnh? Con rấn độc phiền não ngủ ở trong tâm các ông, chẳng khác nào con hắc nguyên đang ở trong thất các ông mà ngủ vậy. Các ông phải sớm dùng móc sắt trì giới đuổi trừ nó, khi con rấn ngủ ra rồi, mới có thể yên giấc. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn. Mặc áo hổ thẹn, đối với các thứ trang sức, rất là hơn hết. Hổ thẹn ví như móc sắt có thể ngăn dứt được sự phi pháp của người. Thế nên Tỳ-kheo thường phải biết hổ thẹn, không được tạm bỏ. Nếu xa lìa hổ thẹn thì mất các công đức.

Người có hổ thẹn thì có thiện pháp, nếu người không biết hổ thẹn cùng với những loài cầm thú không khác chút nào vậy.

GIẢNG NGHĨA

Tiêu tức : Mòn dần là TIÊU, sanh ra hay tăng lên là TỨC. Cũng như nói: “Sanh diệt, Tăng giảm, Tiêu trưởng”.

Sách Trang Tử, chương Thu thủy có câu: “Niên bất khả cử, thời bất khả chỉ; TIÊU TỨC doanh hư, chung tác hữu thi” (年不可舉時不可止消息盈虛終則有始). Tuổi không thể thêm, giờ không thể ngăn (không ai thêm được tuổi, không ai ngăn được giờ); TIÊU ĐI, SANH RA, đầy lên, vơi xuống, chung cục thì có bắt đầu. Đây là chỉ cho thời vận tuần hoàn, cuộc đời thiên biến. Riêng ở Kinh này thì nói: “Làm cho phiền não tiêu dần, thiện pháp sanh ra”.

Hắc nguyên: Con rắn Hồ mang, giống rắn cực độc cùng loại với rắn Mái gấm, dụ cho phiền não.

Hổ thẹn : Hồ là hổ han, Thẹn là thẹn thua. Khi thua sút người về việc thiện, hay làm điều gì sai quấy sanh lòng xấu xa, đối với người là Hồ đối với mình là Thẹn.

ĐẠI Ý

Bài này nói về những khổ do biếng nhác và ngủ nghỉ gây ra và phương pháp đối trị.

GIẢI THÍCH

Mục đích chính của người xuất gia là mong cầu thoát ly sanh tử để tự độ và độ người. Đó là công việc

trọng đại nhưt và cần thiết nhưt. Thế mà mạng sống của con người như mây trôi, như bóng số thì công việc cấp bách lại càng cấp bách hơn. Chúng ta không thể chần chờ, biếng nhác được!

Vì thế, ở đây Đức Phật dạy chúng ta đối với việc mong cầu giải thoát phải chuyên cần tinh tấn, phải ngày đêm gia công tu tập các pháp lành không nên giải đãi, không vì sự biếng nhác và ngủ nghỉ để rồi một đời trôi qua, rốt cuộc không được gì hết.

Để đối trị chúng bịnh biếng nhác và ngủ nghỉ, Đức Phật dạy cho chúng ta ba phương pháp:

- 1) Quán Vô thường.
- 2) Quán phiền não.
- 3) Biết hổ thẹn.

- Phải nghĩ đến ngọn lửa Vô thường thiêu đốt các thế gian mà chúng ta đang sống trong biển lửa ấy. Chúng ta phải mau siêng năng tu tập các pháp lành để sớm cầu tự độ.

- Phải biết phiền não chẳng khác nào bọn giặc giết người, đang rình rập chực giết hại chúng ta. Nó lại ở ngay trong tâm chúng ta, chẳng khác nào con rắn độc đang nằm ngủ trong nhà, nó có thể giết chúng ta bất cứ lúc nào. Vậy chúng ta không nên biếng nhác, ham mê ngủ nghỉ, phải siêng năng dùng thứ móc sắt Giới luật để đuổi trừ nó. Chừng nào nó ra rồi, chúng ta mới có thể yên giấc được.

- Thêm nữa, chúng ta phải luôn luôn biết hổ thẹn. Có hổ thẹn, khi thấy điều tốt chẳng bằng người chúng ta mới cố gắng. Có hổ thẹn, khi làm những điều dở, chúng ta mới biết xấu hổ mà không dám làm.

Vì thế, Cổ đức có nói: “Hổ thẹn là mẹ sanh ra muôn công đức lành”.

*

* *

BÀI VII

3- 對治煩惱

a) 對治瞋恚

汝等比丘，若有
 來節令出，自忍
 口無勿則。苦忍
 心利，行力喜
 節令出，自忍
 無勿則。苦忍
 令出，自忍
 者人受
 解恨言道為不
 支瞋惡妨之所
 比支瞋惡妨之
 丘解恨言道為
 若當亦若失德
 有自當縱功持
 人攝護恚德戒
 能歡飲
 為能如
 及名不毒
 能可其之
 德能及名不
 失德能及名
 若失德能及
 亦若失德能
 當亦若失德
 若當亦若失
 丘解恨言道
 支瞋惡妨之
 比支瞋惡妨
 汝等比丘，

智？善世知當功白無，而！震
 道何諸今當常劫。怒人也霹。
 入者破，；恚人可之可，也。
 名以則聞見火入瞋道猶欲不中應
 不所，名喜猛得過行瞋無甚雲所
 ，。害好不於令無非，道，冷非
 者也之壞人甚無，欲制行恚清，
 露人恚，世心護賊受自家瞋如火
 甘慧瞋法後瞋防德衣法出懷譬起

DỊCH NGHĨA

3) ĐỐI TRỊ PHIÊN NÃO

a) Đối trị Giận dữ

Tỳ-kheo các ông ! Giả như có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự nhiếp tâm không để sân hận, và cũng phải giữ gìn nơi miệng chớ thốt ra lời nói ác. Nếu buông thả lòng sân thì tự ngăn Chánh đạo, mất công đức lợi. Công đức của Nhân, trì giới, khổ hạnh không thể sánh kịp. Người tu Hạnh nhân, mới có thể gọi là người có sức mạnh.

Nếu ai không thể vui vẻ nhận lãnh những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ, thì không thể gọi là người Trí huệ nhập đạo.

Vì sao? Vì cái hại của giận dữ sẽ phá hoại các pháp lành và cả danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau người không ưa thấy. Phải biết lòng sân còn hơn là lửa dữ, thường phải đề phòng, không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức, không gì hơn giận dữ.

Người thế tục thọ hưởng dục lạc, chẳng phải là người hành đạo, không biết pháp ngăn ngừa, giận dữ còn có thể tha thứ. Người xuất gia học đạo không còn thọ hưởng dục lạc mà vẫn ôm lòng giận dữ, càng không thể được! Thí như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có.

GIẢNG NGHĨA

Nhẫn : Tức là Nhẫn nhục. Tiếng Phạn gọi là Sạn Đê (Ksanti). Nghĩa là nhận lãnh mọi sự khinh khi, nhục mạ, não hại mà không giận tức.

Theo trong Kinh Duy Ma Cật thì Nhẫn nhục là Tịnh Độ của Bồ Tát. Bồ Tát khi thành Phật đủ 32 tướng tốt trang nghiêm đều do tu Hạnh Nhẫn nhục. Vì Nhẫn nhục sẽ làm cho nhan sắc dịu hòa, dung mạo đoan chánh, do đó mà được quả báo thân tướng tốt đẹp.

Nhẫn nhục là một pháp trong sáu pháp Ba-la-mật của Bồ Tát.

Khổ hạnh : (Duskara carya hay Tapas): Làm cho thân thể chịu các hạnh khổ cực không sao chịu được. Đây là chỉ cho những hạnh nghiệp của ngoại đạo dạy bảo. Họ cho khổ hạnh là đạo xuất ly giải thoát. Pháp khổ hạnh, các nhà tư tưởng Ấn Độ thường thật hành. Đức Phật cũng đã từng sáu năm tu theo khổ hạnh.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật dạy: Muốn đối trị lòng sân phải tu pháp Nhẫn nhục.

GIẢI THÍCH

Muốn cải thiện đời sống, cần phải cải thiện tự tâm, tức là xây dựng tâm lý; cũng như muốn có một cuộc cách mạng, trước cần phải triệt để cải cách

những thói xấu ở nơi tự tâm của con người, khiến cho tự tâm được tốt đẹp, mới mẻ, đó là xây dựng một tinh thần hoàn bị; rồi sau, chúng ta mới có thể xây dựng một xã hội toàn thiện, toàn mỹ được. Ấy chính là chế phục phiền não vậy.

Hàng Tỳ-kheo xuất gia, phải coi Pháp thân huệ mạng là sanh mạng thứ nhất, còn nhục thân, nhục thể là sanh mạng thứ hai. Do đó, hàng Tỳ-kheo cần phải duy trì sanh mạng thứ nhất mới có thể đạt đến mục đích cứu cánh, đồng thời cũng bảo tồn được ý nghĩa của sanh mạng thứ hai vậy.

Đức Khổng Tử và Mạnh Tử có nói: “Sát thân thành nhân” và “Xả thân sanh thủ nghĩa”. Nghĩa là: “Sát thân này để thành điều nhân”, “Bỏ kiếp này để giữ lấy điều nghĩa”.

Người Quân tử trọng điều “Nhân nghĩa” hơn là “Sự sống”, thì người xuất gia học đạo cũng phải giữ Pháp thân, Huệ mạng hơn là nhục thân, nhục thể của mình.

Do đó, người tu hành muốn cầu Phật đạo, khi có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự an tâm vào trong Phật Pháp, chớ để lòng sân nổi dậy; nếu để một chút lòng sân nổi dậy, là người ấy không có trí huệ, bỏ mất Phật Pháp mà làm theo việc điên đảo rồi! Vì thế, người Nhẫn nhục mới có thể gọi là người tu hành có trí huệ.

Tuy nhiên, Nhẫn nhục ở đây hoàn toàn không đồng với lối Nhẫn nhục thông thường của người đời, vì người đời Nhẫn nhục chỉ vì sợ kẻ cường bạo làm hại mà nhịn chịu cho qua thì; còn Nhẫn nhục trong đạo Phật là một phương pháp cảm hóa con người mà không phải dùng đến bạo lực. Ấy mới gọi là bậc Đại nhân đầy đủ sức mạnh.

Nếu người xuất gia thường nổi tâm sân hận, thì các công đức lành sẽ bị hư hoại, phải chịu trầm luân sanh tử. Do đó, người xuất gia đối với tâm sân hận coi như lửa dữ. Nó có thể đốt cháy cả rừng công đức. (Nhất sân chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh công đức chi lâm).

Người thế tục, không biết Phật Pháp, không chế phục được tâm sân, vì thế khi gặp việc trái liền nổi giận, đó cũng chỉ là thường tình có thể tha thứ được. Còn người xuất gia đã bỏ ngũ dục rồi, phải y theo Phật Pháp mà chế phục tâm sân không cho nó phát khởi, nếu trái lại thì không phải là người xuất gia mong cầu giải thoát.

*

* *

BÀI VIII

b) 對治憍慢

汝等比丘，當自摩
 頭，以捨飾好著壞色
 衣，執持應器以乞自
 活，自見如是，若起
 憍慢，當疾滅之。增
 長憍慢，尚非世俗白
 衣所宜，何況出家入
 道之人，為解脫故自
 降其身而行乞耶？

c) 對治諂曲

汝等比丘，諂曲之心與道相違，是故宜應質直其心，當知諂曲但為欺誑，入道之人，則無是處；是故汝等，宜應端心以質直為本。

DỊCH NGHĨA

b) Đối trị Kiêu mạn

Tỳ-kheo các ông ! Phải tự vò đầu, đã bỏ những đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình bát để khát thực tự sống, nhận thấy như thế, nếu còn khởi tâm kiêu mạn phải mau diệt nó đi. Tăng trưởng lòng kiêu mạn kẻ thế tục bạch y còn không nên có, huống gì người xuất gia nhập đạo,

vì mong cầu giải thoát nên tự hạ mình mà đi khất thực lại còn kiêu mạn hay sao ?

c) Đối trị Dua nịnh

Tỳ-kheo các Ông ! Tâm dua nịnh cùng với Đạo trái nhau. Vì thế, phải nên chất trực tâm mình. Phải biết tâm Dua nịnh chỉ là lừa đảo, người nhập Đạo không nên có. Do đây, các ông phải nên ngay thẳng lòng, dùng chất trực làm gốc.

GIẢNG NGHĨA

Hoại sắc : Tiếng Phạn gọi là Ca sa (Kasàya), Trung Hoa dịch là Hoại sắc. Vì muốn tránh năm sắc chánh là Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng và Đen, nên người ta dùng những màu đã phá hư màu sắc chánh để nhuộm, gọi đó là Hoại sắc.

Hoại sắc có 3 thứ: Màu xanh hoại sắc, màu đen hoại sắc và màu Mộc lan hoại sắc (Mộc lan : một thứ cây có hoa thơm (Magunplia). Hoa như hoa sen, có màu Hồng, màu Vàng và màu Trắng. Người ta còn gọi là Mộc liên).

Khất Thực : Là một hạnh trong 12 Đầu đà. Hàng Tỳ-kheo đi khất thực để nuôi thân đó là Chánh mạng thanh tịnh. Nếu làm các thứ nghề nghiệp mà nuôi sống ấy là Tà mạng.

Theo trong Kinh Thập Nhị Đầu Đà nói, thì Tỳ-kheo ăn có 3 pháp: 1) Ăn do người thỉnh, 2) Ăn cùng chúng Tăng, 3) Ăn do thường đi khất thực.

Hai pháp trước là nhân duyên khởi ra phiền não.

- Vì sao?

- Vì ăn do người thỉnh, nếu được thỉnh thì tự cho mình là người tốt, có đầy đủ phước đức, rồi sanh tâm kiêu mạn tự tôn. Nếu không được thỉnh thì lại sanh tâm giận ghét hoặc bỉ bực lấy mình. Ấy là pháp tham ái, làm ngăn trở Đạo niệm.

Còn ăn cùng chúng Tăng, thì phải theo phép tắc của chúng Tăng, giúp đỡ, coi sắp mọi công việc của chúng Tăng. Do đó tâm thường tán loạn bỏ bê việc tu niệm.

Vì cả hai Pháp thực trên đều là nhân duyên sanh phiền não và loạn Đạo tâm, nên phải theo pháp đi Khất thực.

Khất thực còn được gọi là Đoàn tùy hay là Bác Tùy. Tiếng Phạn gọi là Phấn vệ (nhưng danh từ Phấn Vệ có lẽ là dùng lầm của danh từ Hán ngữ). Chính tiếng Phạn là: Tân-trà-ba-đa (Pindapāta). Tân Trà dịch là Đoàn; Ba-đa dịch là Tùy, có nghĩa là ăn tùy theo thứ lớp vật thực đựng trong bình bát, còn chữ Đoàn (hay chữ Bác) có nghĩa là ăn từng nắm, từng vắt. Do vì bên Ấn Độ phần nhiều vắt cơm sắp theo thứ lớp ở trong bình bát.

Phấn Vệ : Theo trong Luật Tăng Kỳ thì nghĩa là: Những thức ăn khất thực được đem PHẤN phát cho Tăng Ni để hộ VỆ khiến họ tu hành. Lại còn có nghĩa là Phấn Thân của Đức Phật bảo hộ chúng sanh.

Kiêu mạn : Kiêu căng và ngã mạn. Tức là Tâm tự cao và khinh người, một trong sáu thứ phiền não. Theo trong Câu Xá Luận thì Mạn có bảy thứ:

1) *Mạn* : Đối với người thấp kém hơn mình, khinh khi cho mình là hơn.

2) *Quá mạn* : Đối với người bằng mình, khinh khi cho mình là hơn.

3) *Mạn Quá mạn* : Đối với người hơn mình ngược lại khinh khi cho mình là hơn.

4) *Ngã mạn* : Đối với mình và vật sở hữu của mình mà sanh tâm khinh thị mọi người.

5) *Tăng thượng mạn* : Chưa chứng được Thánh Đạo mà tự cho mình đã chứng.

6) *Ty mạn* (Hạ Liệt Mạn) : Đối với người hoàn toàn hơn mình, tự thấy mình kém mà sanh tâm tự cao.

7) *Tà mạn* : Làm những điều xấu khi được thành công, rồi ỷ vào đó mà sanh tâm khinh người.

Bạch y : Người tại gia, người thế tục. Vì người đời thường mặc đồ trắng nên gọi là Bạch y.

Chất trực : Thành thực, thẳng thắn, không lừa dối.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy: Chúng ta phải giữ gìn “đức thành thật, khiêm cung” để gây cho mọi người

một niềm tin và lòng tôn kính đối với Tam Bảo, ngõ hầu hoàn thành chí nguyện Tự lợi, Lợi tha.

GIẢI THÍCH

Tâm Kiêu mạn là một trong sáu thứ phiền não, nếu chúng ta không dứt trừ thì: một, không thấu phục được nhân tâm; hai, không thành được Phật đạo. Không thấu phục được nhân tâm tức nhiên không thể hóa độ được chúng sanh; không thành được Phật đạo thì phí uổng chí xuất gia của mình.

Do đó, Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải diệt trừ tâm kiêu mạn. Muốn diệt trừ tâm kiêu mạn phải tự nghĩ rằng: Hàng Tỳ-kheo đã cạo tóc xuất gia, bỏ tất cả sự giàu sang, danh lợi và đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình khát thực, đã sống một cuộc đời như thế, sao còn sanh tâm kiêu mạn? Nếu có khởi tâm kiêu mạn, phải mau vò đầu để tự cảnh tỉnh.

Kiêu là tự cho mình hơn người, khinh thị kẻ khác; còn Mạn là tự ý thế lực lằng mạp mọi người. Thí như chúng ta được sự ăn ngon mặc đẹp; nhà cao, cửa rộng, tự nhiên tâm kiêu căng, hống hách nổi lên.

Tâm kiêu mạn, hàng tại gia thế tục còn không nên có, huống gì là kẻ xuất gia học đạo!

Đức Thích Ca Mâu Ni vốn là bậc Vương tử, giàu sang, quyền quý, Ngài có thể coi rẻ tất cả mọi người. Thế mà, Ngài bỏ hết Vương vị, diệt trừ tâm ngã mạn,

tu hành khổ hạnh không màng đến lợi danh, quyền thế, xem vàng bạc như ngói gạch, coi vương vị như không hoa. Nhưng cái thời mạt pháp, nguyên tử này, đệ tử của Ngài, thì ôi! Phần nhiều đi ngược lại!

Tâm dua nịnh là tâm khi dối không thật. Người dua nịnh là kẻ tiểu nhân, họ chỉ vì chút lợi danh quyền lực mà phải vào lòn ra cúi, hòa theo kẻ khác để mong người ban cho mình một vài ân huệ.

Trong đây, Đức Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải dứt trừ tâm dua nịnh, sự thật là Đức Phật dạy cả hai chúng: Tại gia và xuất gia, chứ không riêng gì hàng Tỳ-kheo mà thôi đâu.

Vậy thì, dầu là giới nào, chúng ta cũng phải giữ cho lòng mình được ngay thật. Trong Kinh Duy Ma Cật về phẩm Phật Quốc có nói: Trục tâm thị Bồ Tát Tịnh độ (Tâm ngay thật là cõi Tịnh độ của Bồ Tát), và Phẩm Bồ Tát cũng nói: Trục tâm tức thị Đạo Tràng (Tâm ngay thật tức là Đạo Tràng).

*

* *

BÀI IX

II. 不共法要

1. 少欲

汝等比丘，當知多
 欲之人，多求利故，苦
 惱亦多，少欲之人，患
 求無欲，則無此患。○
 直爾少欲，尚宜修習功
 ，何況少欲之人，則無
 德？少欲之人，亦復少
 諂曲，以諸根所牽，然
 不欲者，心則坦

憂 畏 ， 觸 事 有 餘 常 無
 不 足 ； 有 少 欲 者 則 有
 涅 槃 ， 是 名 少 欲 。

2) 知足

汝 等 比 丘 ， 若 欲 脫
 諸 苦 惱 ， 當 觀 是 足 樂 安
 知 穩 之 處 。 上 者 猶 為 安 樂 堂
 雖 不 知 足 稱 而 而 五 之 者 足
 亦 不 富 貧 為 者 足
 雖 常 足 知

DỊCH NGHĨA

II- PHÁP YẾU RIÊNG

1- THIỂU DỤC

Tỳ-kheo các ông ! Phải biết người đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều; người Thiểu dục, không mong cầu ham muốn thì không khổ não.

Ngay nơi hạnh Thiểu dục còn phải tu tập, hướng gì là Thiểu dục để sanh ra các công đức?

Người Thiểu dục thì không đua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh Thiểu dục, tâm được thả nhiên không sợ lo sợ, gặp việc có dư, thường không thiếu thốn. Người có Thiểu dục, thì có Niết-bàn, ấy là công đức Thiểu dục.

2. TRI TỨC

Tỳ-kheo các ông ! Nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán Tri tức, vì Pháp tri tức tức là chỗ giàu có, vui vẻ và an ổn. Người Tri tức, tuy nằm dưới đất cũng được an vui; người không Tri tức, dầu ở Thiên đường cũng không xứng ý. Người không Tri tức tuy giàu mà nghèo, người biết Tri tức tuy nghèo mà giàu. Người không Tri tức thường bị ngũ dục sai khiến, bị người Tri tức thương xót. Ấy là công đức Tri tức.

GIẢNG NGHĨA

Thiểu dục : Ít dục vọng, ít ham muốn.

Đa dục : Nhiều dục vọng, nhiều ham muốn.

Thản nhiên : Xem như thường, không bị ngoại cảnh làm động tâm.

Tri túc : Biết đủ, biết được phân lượng hay tài sức của mình, được bấy nhiêu là đủ rồi, không cần quá phần.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng xuất gia phải ít muốn và Biết đủ. Có ít muốn và Biết đủ mới có thể tu hành và dứt trừ được phiền não.

GIẢI THÍCH

Trước đã nói qua những Pháp yếu chung, đây nói về những Pháp yếu riêng. Pháp yếu chung là những Pháp yếu dạy chung cho hàng Tam thừa và Ngũ thừa; còn Pháp yếu riêng là Pháp yếu chỉ thành tựu các công đức của bậc Thánh như xuất thế. Phần này có chia làm 8 đoạn:

- 1) Công đức thiểu dục.
- 2) Công đức tri túc
- 3) Công đức xa bỏ
- 4) Công đức siêng năng
- 5) Công đức không quên chánh niệm

- 6) Công đức Thiên định
- 7) Công đức Trí huệ
- 8) Công đức không hý luận.

Bài này nói về Công đức Thiểu dục và Tri túc. Câu: “Ngay nơi hạnh Thiểu dục còn phải tu tập, hướng gì là Thiểu dục hay sanh ra các công đức”, là nói: ít lòng tham muốn để diệt trừ một ít phần phiền não, còn phải dụng công tu tập hạnh Thiểu dục mới được, hướng gì là ít lòng tham muốn để được sanh ra công đức thì lẽ tất nhiên phải dụng công tu tập hạnh Thiểu dục càng nhiều hơn.

Lòng tham của con người là một cái hang không đáy, nên chúng ta đối với Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc (hay Tài, Sắc, Danh, Thực, Thù) đòi hỏi mong cầu không lúc nào biết nhàm chán. Được thì vui, mất thì giận, do đó mà gây tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi: nào sát sanh, trộm cắp, nào tà dâm, vọng ngữ... để rồi đọa lạc vào nơi Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

Người xuất gia mong cầu giải thoát, lẽ tất nhiên phải Thiểu dục để lần lần đến chỗ tuyệt dục. Thiểu dục không phải chỉ đối với ái dục không thôi, mà đối với năm thứ Dục đều nên chán bỏ.

Ít tham muốn để thành một vị Sư. Không tham muốn để thành một vị Phật. Nói một cách khác; có “ít tham muốn” vị Sư đó mới đủ tư cách dẫn dắt Tín đồ; có “không tham muốn”, vị Phật đó mới đầy đủ công đức độ tận chúng sanh.

Trong nhút thời, chúng ta không thể làm đúng như lời dạy của Ngài Phù Dung là: “Ngộ thình ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết¹ được, nhưng kẻ xuất gia, học đạo lúc nào cũng phải lấy đó làm phương châm tiến thủ.

Muốn được Thiểu dục, chúng ta cần phải biết pháp Tri túc. Có Tri túc chúng ta mới thấy nhẹ nhàng, sung sướng; mới không bứt rứt trong lúc thất thời, mới không kiêu hãnh trong khi đắc thế, mới không còn thấy thiếu thốn một thứ gì; nếu không Tri túc thì dù trong địa vị nào cũng thấy khổ sở, cũng thấy chán ngán. Như câu chuyện vua Ả Rập với cái áo lót mình của bác Tiều phu.²

¹ Gặp Thanh gặp Sắc như hoa trông trên đá, thấy lợi thấy danh như bụi rơi vào mắt

² Một ông vua Ả Rập, giàu có, khỏe mạnh ở ngôi chỉ tôn mà luôn luôn thấy mình khổ sở. Vua hỏi quần thần làm thế nào cho được sung sướng. Mỗi người bày một cách, song khi thi hành, vua đều không thấy kết quả gì. Sau có một Đạo Sĩ đến hiến kế rằng: “Nếu mượn được cái áo lót mình của người sung sướng mặc vào thì sẽ thấy sướng ngay tức khắc”.

Nhà vua hạ lệnh điều tra khắp trong nước, nhưng từ quan tể tướng cho đến người dân thường, ai ai cũng phàn nàn là khổ. Một hôm vua vào rừng săn bắn, chợt nghe ở trong túp lều cỏ có tiếng kêu: “Chà! Như mình thật sướng tuyệt trần đời!”.

Vua vội sai lính thị vệ gọi người ấy ra thì là một bác tiều phu, và đến khi hỏi mượn áo lót mình, bác tâu rằng suốt đời chỉ đeo có một manh khổ rách!

Người học Phật nếu biết Tri túc, chẳng những được sự an ổn, sung sướng, tự mình có thể giải thoát được phiền não khổ đau, mà còn có thể cứu độ được mọi người khỏi điều đau khổ. Vì thế, Đức Phật thường đem Pháp Tri túc dạy cho chúng đệ tử của Ngài.

Người biết Tri túc, một giỏ cơm một bầu nước, cũng thấy sung sướng lắm rồi. Vậy nên, người học Phật luôn luôn phải nhớ nghĩ Pháp Tri túc; nếu không Tri túc sẽ bị Ngũ dục khuấy nhiễu, chẳng những không thể học Đạo, thành Phật mà còn phải trầm luân sanh tử, mai một chí xuất gia của mình.

Vậy chúng ta cũng nên đọc thêm hai bài thơ cổ dưới đây, để cùng nhau suy gẫm.

**Đồ lợi tham danh mãn thế gian,
Bất như dưỡng tánh tự thanh nhàn,
Lung kê hữu thực than oa cận,
Dã hạc vô lương thiên địa khoang,
Phú quý bách niên nan bảo thủ,
Luân hồi lục đạo dị tuần hoàn,
Khuyến quân tảo mịch tu hành lộ,
Nhất thất nhơn thân vạn kiếp nan.**

Dịch nghĩa :

Chen chúc lợi danh khắp cõi trần,
Sao bằng dưỡng tánh chốn am vân,
Gà lồng lúa đủ, không toàn mệnh,

Hạc nội lương oi, được vẹn phần,
 Phú quý trăm năm khôn giữ mãi,
 Luân hồi sáu nẻo dễ xoay vần,
 Khuyên ai sớm tính đường tu tiến,
 Kẻo mất thân này khó gặp thân.

**Đản sự vô tâm ư vạn vật,
 Hà sâu vạn vật thường vi nhiễu,
 Thiết ngư bất phạ sư tử hổng,
 Khấp tợ mộc nhơn khán hoa điểu,
 Hoa điểu phùng nhơn điệc bất kinh,
 Do mộc nhơn thể tự vô tình,
 Tâm cảnh như như chỉ giá thị,
 Hà lự Bồ-đề đạo bất thành.**

Dịch nghĩa :

Tự tâm, vạn vật lặng yên,
 Lo gì vạn vật theo phiền nhiễu ta.
 Xưa nay trâu sắt đâu mà,
 Khiếp oai Sư tử gầm la, phải hờ.
 Giống như người gỗ đứng trơ,
 Nhìn con chim vẽ hững hờ trên người,
 Dẫu khi chim vẽ gặp người.
 Tịch nhiên nào có mấy đời hải kinh.
 Vì chưng người gỗ vô tình,
 Trong tâm, ngoại cảnh thình thình một màu.
 Lo gì Giác đạo cao sâu.
 Tự nhiên sẽ được, lọ cầu mà chi.

BÀI X

3- 遠離

汝等比丘，欲求寂
 淨無獨，為安樂，當離憤之
 鬧人，帝釋故間若；之譬出
 重，是空。惱巢世；自
 眾，本眾鳥。苦能
 苦受眾患眾不
 者大枯，象名
 眾如有著老是
 樹折沒溺遠
 共眾思，樹折沒溺遠
 所己，者大枯，象名
 天捨處眾如有著老是
 諸當獨樂譬則縛如，
 樂居諸當獨樂譬則縛如，
 安閒釋故間若；之譬出
 丘樂居諸當獨樂譬則縛如，
 欲當靜所己，者大枯，象名
 求離處共眾思，樹折沒溺遠
 寂憤之敬他滅則，之於泥離

4. 精進

汝等比丘，若勤精
 進則事無難者，是故
 汝等當勤精進。譬如
 小水長流，則能穿石
 。若行者之心，數數
 懈廢，譬如鑽火未熱
 而息，雖欲得火，火
 難可得，是名精進。

DỊCH NGHĨA

3) XA BỎ

Tỳ-kheo các ông! Muốn cầu quả vị Tịch tịnh Vô vi An Lạc, phải xa lìa chỗ ồn náo, riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đế Thích, chư Thiên thấy đều kính trọng, thế nên phải bỏ đệ tử và học chúng, một mình ở chốn rảnh rang lo diệt gốc khổ. Nếu thích đông người sẽ bị các sự phiền

nhiều. Thí như cây lớn phải bị lũ chim lót ổ, sẽ có mối lo khô gãy. Còn dính líu với thế gian tất bị chìm trong các khổ; thí như voi yếu mắc lầy, không thể tự ra được. Ấy là công đức Xa bỏ.

4) SIÈNG NĂNG

Tỳ-kheo các ông ! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó, thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn. Thí như giọt nước chảy luôn có thể xoi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê, chẳng khác nào kéo lửa chưa nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức siêng năng.

GIẢNG NGHĨA

Tịch tịnh Vô vi An lạc : Tức là Niết-bàn, Vì đức tánh của Niết-bàn xa lìa tất cả phiền não gọi là Tịch, dứt hết tất cả khổ hoạn gọi là Tịnh, không phải do công tu chứng mới có, nên gọi là Vô vi, xa hẳn các sự khổ lụy, đầy đủ các công đức lành, nên gọi là An lạc. (xem lại bài thứ nhứt, lời giải về Niết-bàn).

Đế Thích : Chủ cõi trời Đao Lợi, ở thành Hỷ Kiến trên đỉnh núi Tu Di thống lãnh 32 cõi trời khác (cõi Đao Lợi là cõi trời thứ 33) Tiếng Phạn gọi là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đà La (Sákra devànàṃ Indra), cũng gọi là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đạt La. Thích Ca dịch là Năng, tức là họ của Thiên đế, Đề Hoàn dịch là Thiên, Nhơn Đà La dịch là Đế, tức là Năng Thiên Đế.

Nay dùng cả Phạn ngữ lẫn Hoa ngữ gọi là Đế Thích. Tức là một chúng trong Thích Ca viện thuộc về Thai tạng giới Mạn Trà La.

Trong Pháp Hoa Sớ, quyển hai thì giải thích như sau :

“Thích Đề Hoàn Nhơn, theo ngoại ngữ nói đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đà La. Thích Ca dịch là Năng, Đề Hoàn dịch là Thiên, Nhơn Đà La dịch là Chủ. Vì vị trời này cai trị giáo hóa Thiện pháp đường, là nơi trung tâm quần hội của chư Thiên, nên gọi là Năng Thiên Chủ”.

Chư Thiên : Dục giới có 6 vị thiên, gọi là Lục dục thiên; Tứ thiên thuộc về Sắc giới có 18 vị thiên; bốn xứ thuộc về Vô sắc giới có 4 vị thiên; ngoài ra còn có Nhật thiên, Nguyệt thiên và Di đà thiên v.v... các vị Thiên thần thuộc về Thiên bộ, gọi đó là chư Thiên.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Người xuất gia phải xa lánh tất cả, siêng năng tinh tấn lo tu thiện nghiệp không nên lười nhể.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất nói về công đức xa bỏ. Đã biết Thiếu dục và Tri túc rồi, chúng ta phải tiến lên để tu công đức xa bỏ, tránh chỗ ồn náo nhiều sự ô tạp, vì nơi đó khiến cho tán loạn tâm người,

không làm sao yên định thần trí được. Do đây người muốn cầu quả vị Tịch tịnh Vô vi An lạc phải tránh xa chỗ đông người. Như đóng cửa ẩn mình, ở nơi hang sâu núi thẳm hay nương mình trong một túp lều tranh, đó đều là công việc tấn tu đức xa bỏ. Nếu ai có thể tránh xa được nơi ồn ào, riêng ở chỗ vắng vẻ an nhàn thì người ấy tất được Đế Thích và chư Thiên cùng nhau kính trọng.

Nhưng ở chỗ vắng vẻ an nhàn không phải là biếng nhác, chỉ vì không muốn cho nhiều người làm bận rộn, cốt để tư duy nguồn gốc phát sanh ra khổ mà bồi đắp cho cây trí huệ ngày một tốt tươi.

Nếu người ưa ở chỗ huyền ảo, chẳng những không thể tinh chuyên tu tập pháp tư duy mà còn phải bị các nhân duyên làm tăng khổ thọ. Chẳng khác nào cây lớn thường bị các giống chim quần tụ trên những nhánh nhóc, tất không sao tránh khỏi sự khô gãy do chúng gây nên.

Người mê tâm bị thế tục buộc ràng hằng bị chìm đắm trong biển khổ phiền não, không có thời kỳ ra khỏi, chẳng khác nào con voi già say rượu mắc trong bùn lầy, không đủ sức tự ra. Hàng Tỳ-kheo đã xuất gia phải tự tiên liệu chớ để thâm nhiễm thế gian mà không thể tự cứu lấy mình.

Đoạn thứ hai là nói đến công đức siêng năng. Bất cứ nghề nghiệp gì, được tinh xảo là do chuyên cần, bị hư hỏng là do biếng trễ. Cần thì không bỏ phế, Tinh

thì không xen tạp. Do đây mà Đức Phật dạy chúng đệ tử tinh tấn siêng tu trí huệ và phải bền lòng chuyên nhứt.

Nếu tinh tấn siêng tu trí huệ, thì trí huệ không sao không sáng tỏ, còn chán nản biếng lười thì một việc nhỏ cũng không thành. Giọt nước tuy không lớn, nhưng rót lại có thể xoi thủng được phiến đá. Kéo cây lấy lửa, nếu chẳng ngừng tay thì lửa ắt sẽ được. Còn như siêng năng một lúc, trễ nãi nhiều ngày thì chỉ uổng công vô ích mà thôi. Thế nên Tỳ-kheo phải luôn tinh tấn.

*

* *

BÀI XI

5- 不忘念

汝等比丘，求善知識，如念能攝，力中著，
 識，忘，諸是心諸，為陣不
 不者，入念則堅，鎧是
 比善。煩惱故，功雖所，忘
 丘護若惱汝若德入害則念
 ，助有賊等失。五；無。
 求，不則當念若欲譬所
 善無忘不常者念賊如畏，

6. 禪定

汝等比丘，若攝心
 者心則在定。心在定
 故能知世間生滅法相
 ；是故汝等，常當精
 勤修習諸定，若得定
 者心則不散，譬如惜
 水之家，善治隄塘；
 行者亦爾，為智慧水
 故善修禪定，令不漏
 失，是名為定。

DỊCH NGHĨA

5- KHÔNG QUÊN CHÁNH NIỆM

Tỳ-kheo các ông ! Cầu Thiện tri thức, cầu
 Thiện hộ trợ, không bằng không quên Chánh

niệm. Nếu có người không quên chánh niệm, các giặc phiền não sẽ không vào được. Thế nên các ông thường phải nhiếp niệm tại tâm, nếu để mất niệm sẽ mất các công đức. Nếu Niệm lực được vững chắc, tuy vào trong giặc Ngũ dục cũng không bị chúng làm hại. Thí như mặc giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì. Ấy là công đức không quên Chánh niệm.

6- THIÊN ĐỊNH

Tỳ-kheo các ông ! Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, vì tâm ở trong định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các Thiên định, nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Thí như người giữ nước, khéo giữ dè điều. Cũng thế, hành giả vì nước trí huệ khéo tu Thiên định khiến cho không bị chảy mất. Ấy là công đức Thiên định.

GIẢNG NGHĨA

Thiện tri thức : Tri là biết được lòng. Thức là biết được tánh. Đây tức là bạn tốt, là những người làm cho ta được lợi ích, dẫn ta tiến trên con đường đạo nghiệp, chứ không phải chỉ những người học rộng, hiểu nhiều (Xin xem lời giải trong Tứ Thập Nhị Chương, bài thứ 9 của cùng dịch giả đã xuất bản).

Thiện hộ trợ : Những người bạn tốt, bảo hộ và giúp đỡ trên con đường tiến tu đạo nghiệp, nhưng khác hơn Thiện tri thức là chỉ giúp đỡ mà không biết được lòng và hiểu được tánh.

Nhiếp niệm : Nhiếp là thu giữ lại. Niệm là ý niệm, tâm niệm. Nhiếp niệm là gom giữ những ý niệm ở tâm lại một chỗ, không để cho nó suy nghĩ, vọng tưởng.

Niệm lực : Là một trong Ngũ lực. Do sự chuyên niệm mà được sức mạnh có thể chống lại các sự chướng ngại khác, gọi là Niệm lực.

Pháp tướng : Là những pháp cùng một tánh có hình tướng bên ngoài có thể thấy được, tức là phần cảnh, trái với Pháp tánh là những pháp không có hình tướng thuộc về nội tâm không thể thấy được.

Trong Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển hai nói: “Tất cả những pháp hữu vi, thuộc về Thế đế đều thông gọi là Pháp tướng”.

Sanh diệt : Các pháp hữu vi y nơi nhân duyên hòa hiệp, tuy chưa có pháp mà vẫn có, gọi là sanh; y nơi nhân duyên ly tán, tuy đã có pháp mà vẫn không, gọi đó là diệt. Những pháp có sanh như định có diệt, ấy là pháp Hữu vi, những pháp có diệt mà như định không có sanh, ấy là pháp Vô vi.

Nếu đứng về Chánh kiến Trung đạo mà nói thì: Pháp hữu vi sanh diệt là giả sanh giả diệt mà chẳng phải thật sanh thật diệt.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy chúng ta phải giữ gìn Chánh niệm và nhiếp tâm vào trong định lực.

GIẢI THÍCH

Không quên Chánh niệm tức là không để tà niệm chen vào. Chúng ta cầu Thiện tri thức giúp đỡ biết cách phát triển đường lối tu hành, cũng không bằng luôn luôn giữ gìn được chánh niệm chẳng hề để mất trong một phút giây nào. Chánh niệm được kiên cố rồi dù cho nó vào trong cảnh đời Ngũ dục cũng chẳng còn e ngại; nếu rời bỏ Chánh niệm, tà niệm ắt sẽ thừa cơ xâm nhập, nếu tà niệm đã xâm nhập, chẳng khác nào con điên đã ngự trị trong tâm chúng ta vậy.

Đệ nhị Tổ của Thiên tôn, Ngài Huệ Khả, nói rằng: “Ta điều phục được tự tâm thì đâu có can gì đến việc của kẻ khác”. Nếu chúng ta giữ gìn được Chánh niệm, chẳng khác nào người mặc giáp sắt ra trận. Vì nhờ có giáp sắt chở che nên không còn sợ bị giặc làm hại nữa.

Tâm của chúng ta là tâm tán loạn, thường do tâm tán loạn này mà vào trong lục trần, ngũ dục chịu các thứ khổ não. Vì thế hàng Tỳ-kheo muốn được sanh trí huệ, cần phải nhiếp tâm tu tập Thiền định. Nhờ định phát huệ mới có thể được Quả giải thoát vô thượng, thành tựu được việc rất hiếm có. Chẳng khác

nào người giữ nước, việc tiên quyết phải sửa sang đê điều, có sửa sang đê điều nước mới không tràn bên ngoài gây nhiều tai hại. Hàng Tỳ-kheo muốn cho nước trí huệ khỏi bị chảy mất cũng phải nhiếp tâm tu tập Thiền định.

*

* *

BÀI XII

7- 智慧

智自是脫道所則堅黑病惱
 有常；解非無，海明切煩
 若，失得既，者死無一伐
 著有能，衣慧，是，
 丘貪令中者白智病亦也，
 比無不法爾非實，燈藥
 等則，我不又！老也明良
 汝，察於若也度船大之
 慧，省則。人名是牢暗者

樹之利斧也。是故汝而慧是慧
 等，當以聞思修有眼名智
 自，增益，雖是肉是
 明，照見人也，是名智
 。

8- 不戲論

戲出比論者患
 種復故戲樂之
 種雖是心滅論
 ，○；亂寂戲論
 丘亂脫離得滅戲
 比則得捨欲善不
 等心未急汝當名
 汝其猶當若唯是
 論家丘○，，

DỊCH NGHĨA

7- TRÍ HUỆ

Tỳ-kheo các ông ! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tỉnh sát không để sanh ra tội lỗi, thế là ở trong pháp của Ta có thể được sự giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc Đạo nhân, lại cũng chẳng phải là kẻ Bạch y, không biết gọi là gì! Người có Trí huệ chơn thật, ấy là chiếc thuyền chắc vượt qua biển già, bệnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm mờ ám; là món thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh; là lưỡi búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não. Thế nên các ông phải dùng huệ: Văn, Tư, Tu mà tự làm cho thêm phần lợi ích. Nếu người có Trí huệ chiếu soi, dù cho Nhục nhãn cũng là người thấy được rõ ràng. Ấy là công đức Trí huệ.

8- KHÔNG HÝ LUẬN

Tỳ-kheo các ông! Các thứ Hý luận làm cho tâm mình rối loạn, dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ-kheo phải mau dứt bỏ loạn tâm Hý luận. Nếu các ông muốn được quả vui Tịch diệt, duy phải khéo diệt trừ mối hoạn Hý luận. Ấy là công đức không Hý luận.

GIẢNG NGHĨA

Tham trước : Tham lam nhiễm trước theo sở thích của mình.

Tĩnh sát : Suy xét kỹ càng mà tự thức tỉnh.

Hý luận : Lời nói đùa, lời luận bàn phi lý, vô nghĩa. Lại không luận là lời lẽ nói đúng lý hay không đúng lý, tất cả những ngôn thuyết đều thuộc về Hý luận.

Trong Đại Thừa Huyền Luận, quyển hai nói rằng: “Hý luận là tên giả mượn để thí dụ, đối với đạo không có lợi ích, như đứa bé nói đùa mà thôi”.

Trong Kinh Tối Thắng Vương, quyển một nói rằng: Tánh thật tế không có Hý luận, duy riêng Đức Như Lai chứng được, Hý luận hằng dứt, gọi là Niết-bàn.

Như thế, danh từ Hý luận, ta có thể hiểu theo nghĩa: Giả dối, không thật. Tất cả các pháp hữu vi sanh diệt đều gọi là Hý luận.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng Tỳ-kheo phải dùng Trí huệ làm gốc và phải mau dứt bỏ các thứ lý luận vô nghĩa.

GIẢI THÍCH

Có Trí huệ thì có thể tránh được tất cả chướng ngại, người có trí huệ thường phải suy xét kỹ càng mà tự thức tỉnh, không để cho công việc ra làm thêm nhiều tội lỗi. Tội lỗi có ít mới có thể vượt qua biển cả sanh, lão, bệnh, tử; tự độ và độ người, đó mới là bực

Đạo nhưn. Tỳ-kheo không như pháp tu hành đạo nghiệp; thì không phải là hàng xuất gia cũng không phải là hàng Bạch y, không thuộc về lớp nào, hạng nào, không biết gọi họ bằng gì ?

Trí huệ chính là chiếc bè báu qua khỏi biển sanh tử, lưới búa bén đốn chặt cây phiền não, Tỳ-kheo nếu không bảo trì trí huệ hằng tự tỉnh sát, dù cho có được nghe Phật pháp cũng chẳng khác nào người được thuốc hay, thầy giỏi mà chẳng chịu sắc uống, thì chắc chắn phải chết một cách oan uổng.

Trí huệ có ba thứ là: Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Tất cả thiện nghiệp đều nhờ trí huệ mới tăng trưởng.

Bảy đoạn trước nói về Công đức phương tiện trưởng dưỡng tự tánh. Riêng đoạn thứ 8 là chỉ bày Tự tánh ly khai các lậu. Vì không phải là một pháp đối trị nên không đồng với bảy đoạn trước. Vì thế công đức này nói ở sau cùng.

Tự tánh của mỗi người xưa nay thanh tịnh, chỉ vì Hý luận khuấy nhiễu nên lần lần trái với Bản tánh thanh tịnh sẵn có của mình. Tuy nhiên, khi chứng được Thật trí của Sơ quả đã thấy rõ được lý Tứ đế, dứt được Phân biệt phiền não, nhưng Câu sanh phiền não vẫn còn tiềm phục để chờ cơ hội hoạt động. Nhân vì thứ phiền não này từ vô thủy đến nay do Hý luận huân thành, hết sức vi tế rất khó đoạn trừ. Vì vậy mà từ bậc Kiến Đạo đến đệ Tứ quả muốn được

Niết-bàn cứu cánh, phải dứt bỏ các thứ Hý luận, thường quán sát khiến cho hai chương tập khí hoàn toàn không còn sanh trưởng nữa.

Kinh văn đến đây đã hết phần Chánh tôn.

*

* *

BÀI XIII

C) 流通分

1- 勤修

功逸世竟之澤處令進後
 諸放悲究行空閒勿精，
 於諸大已而若，法勉死，
 ，捨。皆勤，下受自空
 丘心賊益當間樹所當為
 比一怨利但山在念常無
 等當離說等於若，。
 汝常如所汝若，室失之，
 德，尊，，。中靜忘修

致有悔 ○ 我如良醫知
 病說藥，服與不服非
 醫咎也 ○ 又如善導，
 導人善道，聞之不行
 非導過也 ○

DỊCH NGHĨA

C. PHẦN LƯU THÔNG

1) SIÊNG TU

Tỳ-kheo các ông ! Đối với các công đức thường phải nhứt tâm, bỏ các sự buông lung như tránh bọn giặc cướp. Những điều lợi ích, Đức Đại bi Thế Tôn nói ra trước sau đã cạn, các ông chỉ phải siêng năng mà thật hành nó. Hoặc ở chốn núi non hoặc ở nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây hay an dưỡng trong tịnh thất, đều phải nhớ nghĩ Giáo pháp đã thọ chớ để quên mất, thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không để cho chết uổng, sau đến nổi có sự ăn năn. Ta cũng như vị lương y biết bệnh mách thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của y sư; lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi, chỉ người đường tốt nghe mà không đi chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.

GIẢNG NGHĨA

Đại bi : Tâm cứu khổ cho kẻ khác, gọi đó là Bi. Lòng thương của Phật và Bồ Tát rộng lớn bao la nên gọi là Đại bi. Kinh Niết-bàn quyển 11 nói rằng: “Ba đời các Đức Thế Tôn lấy tâm Đại bi làm gốc... Nếu không có tâm Đại bi thì không thể gọi là Phật”.

Tịnh thất : Nhà yên tịnh, chỗ ở để chuyên tu tịnh nghiệp. Đây là danh từ dùng để dụ cho thiền định. Trong Trí Độ Luận, quyển 17 nói rằng: “Thường lạc Niết-bàn từ nơi Trí huệ chơn thật mà sanh; Trí huệ chơn thật từ nơi thiền định nhưt tâm mà có. Thí như đốt đèn, ngọn đèn không thể có tác dụng chiếu soi được khi ở trước trận cuồng phong, nếu để trong nhà kín công dụng của nó mới được trọn vẹn. Trí huệ trong tâm tán loạn cũng vậy, nếu không có Tịnh thất thiền định, tuy có Trí huệ cũng không có công dụng đầy đủ. Khi được thiền định, Trí huệ chơn thật mới phát sanh”.

Lương y : Thầy thuốc giỏi.

Y sư : Thầy thuốc.

Hướng đạo : Người dẫn đường.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật khuyên chúng đệ tử siêng năng tu tập các pháp yếu do Ngài truyền dạy từ trước đến nay.

GIẢI THÍCH

Các công đức ở đây nói chính là chỉ cho Pháp yếu chung và Pháp yếu riêng. Tỳ-kheo tâm phải thường y Đệ nhứt nghĩa tinh tấn tu hành, chẳng nên để cho tâm này có một chút buông lung; lúc nào cũng phải để ý ngăn ngừa nó như bọ ngựa giặc dữ.

Đức Như Lai vì lòng Từ bi thuyết pháp, lời lẽ đến đây đã trọn đủ không còn điều gì phải nói nữa. Tỳ-kheo chỉ phải theo đó tinh chuyên tu tập. Chỗ tu hành cần phải lựa chốn sơn lâm vắng vẻ, nghĩ nhớ những pháp yếu đã thọ, chớ khiến cho thân này thêm nhiều tội lỗi, thường thường phải dùng Pháp tinh tấn để tự cố gắng, gấp rút tu hành, không nên để thân này nhờn như chết uống, đến chừng hối tiếc thì đã muộn rồi.

Đức Như Lai đối với các Tỳ-kheo nói pháp, chẳng khác nào vị lương y danh tiếng lừng lẫy, tùy bệnh cho thuốc, hễ uống là hết ngay, nhưng vì người bệnh không chịu uống mà phải bỏ mình. Đó là tại bệnh nhưn tự chiêu lấy tai họa chứ chẳng phải lỗi do bực danh y. Cũng như kẻ đi đường đã có hướng đạo chỉ cho con đường tốt, được bảo đảm an toàn lại chẳng chịu đi, để đi con đường đầy hiểm trở, giặc cướp. Đó cũng là tại người đi đường muốn lấy điều tai họa, chứ chẳng phải do kẻ dẫn đường.

BÀI XIV

2- 證 決

諦，○，何耨佛熱四說樂異
 四之也唱者阿白令說佛令無
 等問決三以時而可佛。可更
 苦疾求是所。○心月，異不，
 於可不如，故眾！冷令，因
 若者疑尊者疑察尊令可苦是
 等疑懷世問無觀世可不實真
 汝所得時無眾馱：日，諦集
 有無爾人？樓言，諦苦；

因；苦若滅者，即是
 因滅，因滅故果滅；
 滅苦之道，實是真道
 ，更無餘道。世尊！
 是諸比丘於四諦中，
 決定無疑。

DỊCH NGHĨA

2- CHÚNG QUYẾT

Các ông ! Nếu đối với khổ v.v... bốn món Thánh đế có chỗ nào nghi ngờ nên mau thưa hỏi, không được ôm mối hoài nghi mà chẳng cầu giải quyết !

Bấy giờ Đức Thế Tôn ba lần xướng lên như vậy, vẫn không có người nào thưa hỏi. Vì có sao ? Vì trong chúng không có điều gì nghi ngờ nữa.

Khi ấy, ngài A Nậu Lô Đà quán sát tâm của đại chúng, mới bạch Phật rằng: “Thưa Đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể trở thành nóng, mặt trời có thể trở thành lạnh, Phật nói về Tứ đế không thể nào khiến cho khác được. Phật nói Khổ đế thì

chắc là khổ không thể khiến cho vui được; Tập đế thật là nhân, không thể nhân khác được. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt, nhân diệt nên quả diệt. Đạo diệt khổ thật là Chơn đạo, không có đạo nào khác.

Thưa Đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo trong đây đối với Tứ đế, quyết định không còn điều gì nghi ngờ nữa”.

GIẢI NGHĨA

Giải quyết : Quyết định phương pháp để giải đáp một vấn đề.

A Nậu Lô Đà (Aniruddha) : Cựu gọi là A Na Luật hay A Na Luật Đà v.v... Trung Hoa dịch là Như Ý Vô Bân. Tân gọi là A Nê Luật Đà, dịch là Vô Diệt Như Ý. Thuở đời quá khứ xa xưa, gặp thời đói khát, Ngài đã từng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật một bữa ăn mà được quả báo trong 91 kiếp qua lại trong cõi Nhơn Thiên, thường thọ phước vui. Phàm có điều gì mong muốn đều được theo ý nguyện, nên gọi là Như Ý Vô Bân.

Ngài là một trong mười vị Đại đệ tử, cũng là em họ của Phật, thuộc dòng họ Thích ở thành Ca Tỳ La.

Theo trong Huyền Ứng âm nghĩa, quyển 26 thì nói rằng “A Na Luật Đà, cựu gọi là A Na Luật cũng gọi là A Nậu Lô Đà, cũng gọi là A Nê Lô Đậu đều là một. Đây dịch là Vô Diệt, cũng dịch là Như Ý. Con của ngài Cam Lộ Phạn Vương, là đường đệ của Phật”.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật muốn chúng quyết bốn thứ Đế lý của Ngài đã nói không hề sai chạy, dối dời, nên Ngài dạy chúng đệ tử có những điều gì nghi ngờ phải mau thưa hỏi để Ngài quyết nghi cho.

GIẢI THÍCH

Giáo pháp một đời của Đức Như Lai bao gồm trong Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hai Đế lý Khổ và Tập gồm hết nhân quả thế gian; hai Đế lý Diệt và Đạo gồm hết nhân quả Xuất thế gian.

Bấy giờ Đức Phật bảo các đệ tử đang nghe pháp trong hội rằng: “Đối với giáo pháp Tứ đế như ai có điều gì do dự chưa quyết hãy mau thưa hỏi để cầu giải quyết”. Như vậy Ngài lặp đi lặp lại ba lần vẫn không thấy có người ứng thỉnh thưa hỏi. Bởi trong chúng không còn điều gì nghi ngờ nữa.

Khi ấy có vị đệ tử tên là A Nậu Lô Đà là bực Thiên nhân đệ nhất, quán sát tâm của Đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy ứng tiếng để chứng minh Giáo pháp của Như Lai đã nói quyết không sai lầm: “Dầu cho mặt trăng lạnh có thể biến thành nóng, mặt trời nóng có thể biến thành lạnh đi nữa, giáo pháp Tứ đế của Đức Như Lai quyết định không khi nào thay đổi. Vì thế, Giáo pháp của Phật đã nói chúng con quyết không còn có điều gì nghi ngờ”.

Thế giới là Tướng phần của nghiệp thức biến hiện. Khi hoại mặt trời có thể biến thành lạnh; khi thành, mặt trăng có thể biến thành nóng, nhưng giáo lý Tứ đế của Phật nói chính là nguyên lý nghiệp quả của chúng sanh, tuyệt đối không thể thay đổi.

Nguyên do sanh ra khổ não là vì từ quá khứ chúng ta gây tạo các hoặc nghiệp chứa chất hình thành. Chỉ vì khổ mà con người nảy sanh ý muốn diệt khổ. Hễ Khổ nhân diệt, Khổ quả cũng theo đó mà diệt, gọi là Diệt đế. Đạo đế tức ngay nơi ba môn học: Giới, Định và Huệ có thể dứt được Khổ nhân và Khổ quả, chúng được Vô thượng Biến Chánh Giác, gọi là Đạo đế.

Trong đây, Tập là Khổ nhân, Khổ là Tập quả, Diệt là Đạo quả, Đạo là Diệt nhân.

*

* *

BÀI XV

3. 斷疑

a) 顯餘疑

於此眾中，偌所作
 未辦者，感佛滅度，入
 當有悲，聞佛所說即皆
 法者度；譬如夜見電光
 得，即得見道。若者，作
 已辦已念：度苦海尊滅一
 何疾哉。○

b) 斷餘疑

語聖諸大等若當不皆更，已
 此四此以汝，亦終法，者悉
 說達令，：惱會，他住度皆
 雖了欲固說悲，離利久可，
 馱悉尊堅眾懷劫不利我應間
 樓皆世得為勿一而自若。人
 耨中，皆復，世會。益上
 阿眾義眾心丘住；得足所天
 ，諦大悲比我滅可具無若

度；其未度者，皆已
 作得度因緣，自今已
 後，我諸弟子輾轉行
 之，則是如來法身常
 在而不滅也。

DỊCH NGHĨA

3- ĐOẠN NGHI

a) Trình bày các nghi

Bấy giờ trong chúng, hoặc có những người tu hành chưa trọn, thấy Phật diệt độ sanh lòng bi cảm, hoặc có những người mới vào đạo pháp nghe lời Phật dạy đều tức thời được độ, chẳng khác nào đêm tối gặp ánh chớp liền thấy đường đi; hoặc có những người việc làm đã xong, qua được biển khổ, nhưng lại nghĩ rằng : “Đức Thế Tôn có sao diệt độ nhanh chóng đến thế?”

b) Dứt các nghi

Ngài A Nậu Lâu Đà tuy nói lời ấy mà trong chúng thấy đều thông suốt được ý nghĩa bốn món Thánh đế, nhưng Đức Thế Tôn muốn khiến cho hết thảy Đại chúng đều được lòng tin vững chắc, nên khởi lòng từ bi vì chúng dạy rằng: Tỳ-kheo

các ông, chớ ôm lòng sâu nảo, dù Ta có trụ ở đời lâu đến một kiếp nữa, rốt cuộc rồi cũng phải hoại diệt; hợp mà không tan không thể nào được. Những pháp tự lợi, lợi tha Ta đều đã nói đầy đủ, dù Ta có trụ lâu ở đời cũng chẳng ích gì.

Những người đủ duyên được độ, hoặc ở cõi Trời hoặc ở cõi người Ta đều độ hết; còn những ai chưa được độ, Ta cũng đều đã tạo cho nhân duyên được độ, từ đây về sau các đệ tử của Ta sẽ lần lượt thực hành. Thế là Pháp thân của Như Lai thường còn mà không hề nhập diệt.

GIẢNG NGHĨA

Diệt độ (Tiếng Phạn Nivàna, Baly Nibbàna) : Dịch là Hữu dư và Vô dư, điều chỉ cho khi mạng chung Chúng quả. Trong Kinh Niết-bàn quyển 29 nói: “Vị diệt sanh tử gọi là Diệt độ”. Trong Triệu Luận nói rằng: “Diệt độ là Đại hoạn hằng diệt vượt khỏi Tứ lưu¹. Trong Hạnh Nguyên Phẩm Sao, quyển 4 nói: “Niết-bàn nói đủ là Niết-bàn na, xưa dịch là Nhập diệt tức”. Tức chính là Diệt, hoặc gọi là Diệt Độ, có nghĩa là Diệt chướng Độ khổ.

¹ TỨ LƯU : 1) *Kiến lưu* : Kiến hoặc trong Tam giới; 2) *Dục lưu* : Tất cả các hoặc trong Dục giới trừ Kiến và Vô minh; 3) *Hữu lưu* : Tất cả các hoặc ở 2 cõi trên, cũng trừ Kiến và Vô minh, có nghĩa là quả báo sanh tử không mất, mặc dù nghĩa này 3 cõi đều thông, nhưng nay đây riêng chỉ cho 2 cõi trên; 4) *Vô minh lưu* : Vô minh trong Tam giới. Hữu tình vì bốn pháp này mà trôi lăn không dứt.

Từ bi : Hai tâm trong Tứ vô lượng tâm. Cho vui là Từ, cứu khổ là Bi. Tâm Đại từ thì cho vui tất cả chúng sanh, còn tâm Đại bi thì cứu khổ tất cả chúng sanh. Đại từ thuộc về Tiêu cực. Đại bi thuộc về Tích cực. Một đằng là thiên về Tự lợi, một đằng thiên về Lợi tha.

Nhân duyên : Bất cứ một vật nào được phát sanh đều có đủ cả hai phần. Nhân và Duyên. Thí như: Hạt giống là Nhân, đất, nước, phân, tro v.v... là Duyên. Nhờ nhân duyên hòa hiệp này mà phát sanh ra cây lúa.

Trong Triệu Luận thì lại giải rằng : “Trước sau sanh nhau là Nhân, hiện tại giúp nhau mà thành tựu là Duyên. Các pháp nhờ có Nhân duyên nương gá nhau mới được thành lập”.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Trường Thủy Sở nói rằng: “Phật giáo lấy Nhân duyên làm Tôn, vì Thánh giáo của Phật nói từ cạn đến sâu không ngoài hai chữ Nhân Duyên”.

Pháp thân (Dharmakàya) : Chơn thân của Phật. Danh từ này, Pháp tánh và Pháp tướng giải thích có phần khác biệt:

- **PHÁP TƯỚNG TÔN** : Tôn này y cứ Duy thức luận chia làm 2 thứ: một là Tổng tướng Pháp thân, hai là Biệt tướng Pháp thân:

1) **Tổng tướng Pháp thân** : Gồm cả 2 pháp: Lý và Trí. Đồng với lối giải thích trong Kinh Kim Quang Minh. Theo trong Kinh này thì: “Như như và Như như trí gọi là Pháp thân”. đây là lấy cái nghĩa Chơn như

chúng được và Chơn giác chiếu soi gọi là Pháp thân. Nếu đứng về ba thân mà nói thì: “Tự tánh thân và Tự thọ dụng thân hiệp lại là Pháp thân. Ý trên nghĩa này mà giải thích thì Pháp thân do Lý và Trí hiển bày. Đó là Thể tánh, chỗ nương của tất cả pháp Hữu vi (Trí) và Vô vi (Lý), nên gọi là Pháp thân. Lại cũng có nghĩa là thành tựu trang nghiêm tất cả pháp công đức gọi là Pháp thân.

2) Biệt tướng Pháp thân : Tức là Tự tánh thân trong ba thân. Đó là Chơn như thanh tịnh pháp giới vậy. Chơn như này là Tự tánh của Phật, nên gọi là Tự tánh thân.

Lại Chơn như này đầy đủ công đức Chơn thường, là chỗ nương của tất cả pháp công đức Hữu vi và Vô vi, nên gọi là Pháp thân.

- **PHÁP TÁNH TÔN :** Tôn này thì cho Lý tánh của Chơn như có Tướng giác trí chơn thật, Lý và Trí chẳng hai, cùng với Vô vi Chơn như vẫn đồng, nên Chơn trí cũng là Vô vi.

Lại vì Tánh và Tướng chẳng phải hai, nên Chơn như tức là Pháp tánh, thì Chơn trí cũng tức là Pháp tánh. Pháp tánh Lý Trí chẳng hai này ẩn, gọi là Như Lai tạng. Như Lai tạng ẩn chứa công năng Thỉ giác, hiển bày Pháp tánh kia, gọi là Pháp thân, tức là lấy cái nghĩa Pháp tánh thành thân gọi là Pháp thân.

Trong Kinh Bảo Quật nói rằng: “Pháp thân là pháp Chơn như thật tướng, pháp Thật tướng này ẩn gọi là Như Lai tạng: hiển gọi là Thân, chỉ là một Pháp

Thật tướng, nhưng đứng trên hai phương diện: Ẩn và Hiện không đồng, nên có lúc gọi là TẠNG có lúc gọi là Thân”.

Như Lai : Tiếng Phạn gọi là Đa Đà A Đà Đà (Tathagata). Dịch là Như Lai, là một hiệu trong mười hiệu. Như là Chơn như, Nghĩa là: Nương đạo Chơn như, từ nhân đến quả mà thành bậc Chánh giác, gọi là Như Lai. Cũng có nghĩa là: Vì nương Đạo Chơn như đến trong Tam giới để hóa độ, gọi là Như Lai.

Trong Chuyển Pháp Luân luận nói rằng: Như thật mà đến gọi là Như Lai... Niết-bàn gọi là Như, Trí giải gọi là Lai; chánh giác được Niết-bàn gọi là Như Lai.

Theo các lối giải thích trên ta có thể nhận định rằng: Như là chỉ cho Bản Giác, Lai là chỉ cho Thủ Giác. Như là chỉ cho Pháp thân, Lai là chỉ cho Ứng Hóa Thân; Như là chỉ cho Lý, Lai là chỉ cho Trí.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật muốn cho chúng đệ tử đối với bốn món Thánh để phải có lòng tin vững chắc. Đó là một chơn lý bất di bất dịch vượt ngoài không gian và thời gian.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất, ông A Nậu Lâu Đà vì những người Hữu học mới chứng được Sơ quả, Nhị quả và Tam quả mà nói. Vì mới chứng được Sơ, Nhị, Tam quả, nên chưa đoạn được hoặc nghiệp Câu sanh; do đó, khi thấy Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn sanh

lòng sâu nảo, Như Ngài A Nan tôn giả v.v... đều khóc than thảm thiết. Còn những bực Tứ quả A La Hán công việc tu hành đã mãn, nên chỉ nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn có sao mà nhập diệt nhanh chóng như thế!”.

Đoạn thứ hai, Phật muốn ngăn dứt các sự nghi hoặc của chúng sanh đời sau, nên Ngài dạy chúng Tỷ-kheo rằng: “Không nên ôm lòng hoài nghi mà sanh sầu khổ. Dù cho Ta có trụ lại ở đời này lâu đến một kiếp nữa, rồi cũng phải nhập Niết-bàn. Con người có sanh tất phải là chết; có hợp tất phải có tan; sanh mà không chết, hợp mà không tan không bao giờ có”.

Ngài lại dạy: “Công việc tu hành tự lợi trải qua ba Đại kiếp tăng kỳ đã được viên mãn, còn công việc lợi tha (độ người) cũng đã hoàn tất. Như thế Phật có trụ lâu ở đời này cũng không lợi ích gì hơn.

Ở cõi trời và cõi người, những ai đủ duyên được độ đều được độ hết; những người đủ duyên vị lai được độ Ta đã gây cho nhân duyên, và những Giáo pháp để độ họ Ta cũng đã nói đầy đủ rồi. Từ đây về sau các đệ tử của Ta sẽ đem Giáo pháp khai triển lưu thông. Ấy là Pháp thân Như Lai không hề hoại diệt, không hề nhập Niết-bàn.

Vậy các ông không nên lo buồn, khổ não, ôm mối bi cảm mà nghĩ rằng: “Đức Như Lai sao Diệt độ nhanh chóng như thế. Phải biết Đức Như Lai nhập Niết-bàn, đó là Giác hạnh viên mãn, phải nên sanh tâm vui mừng”.

BÀI XVI

c) 重 勸 修

是 故 當 知 : 世 皆 無
 常 , 會 必 有 離 , 勿 懷 憂
 惱 。 世 相 如 是 , 當 勤
 精 進 早 求 解 脫 暗 者 , 以 智 實
 慧 明 脆 無 堅 牢 者 惡 , 我 今 此
 危 滅 , 如 除 身 惡 病 。 惡 之 在
 得 應 捨 之 名 為 身 罪 ; 沒 有 怨
 是 物 , 假 生 死 除 歡 喜 。 何 殺
 老 智 賊 而 不 歡 喜 。

4) 囑咐流通

汝等比丘，常當一心勤求出道，一切世間動不動法，皆是敗壞不安之相。汝等且止，勿得復語！時將欲過，我欲滅度。是我最後之所教誨。

DỊCH NGHĨA

c) Khuyên tu hành

Thế nên phải biết : Cảnh đời đều là vô thường, có hợp tất có tan, chỗ sanh lòng sầu khổ, tướng thế gian là vậy. Phải chuyên cần tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí huệ diệt các nghi ám. Cảnh đời hư giả không gì bền chắc, Ta nay Nhập diệt như trừ được binh dữ. Đây là xác thân nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân, nó chìm đắm trong biển cả sanh, già, bệnh, chết. Có kẻ trí

nào trừ diệt được nó như giết bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng ?

4- LỜI DẶN LƯU THÔNG

Tỳ-kheo các ông, thường phải nhứt tâm siêng cầu Đạo giải thoát. Tất cả thế gian dù cho Pháp động hay Pháp bất động đều là tướng bại hoại không an. Các ông hãy thôi! Không nên nói nữa, thời giờ muốn hết rồi, Ta sắp Diệt độ. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của Ta.

GIẢNG NGHĨA

Pháp động : Chỉ cho Dục giới. Vì pháp ở Dục giới vô thường nhanh chóng, nên gọi là Pháp động.

Pháp bất động : Chỉ cho Sắc và Vô sắc. Vì Pháp ở hai cõi trên có tánh chất lâu dài, nên gọi là Bất động.

Trong Kinh Duy Ma Cật, ngài La Thập nói rằng: “Sáu cõi Dục gọi là Pháp động, hai cõi trên thọ mạng số kiếp lâu dài, nên Ngoại đạo cho là thường, gọi là Pháp bất động”.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật chỉ bày cái tướng Vô thường của nhân sanh, vũ trụ để khuyên gắng tu hành mong cầu giải thoát.

GIẢI THÍCH

Tất cả đều là Vô thường thì có hợp tất có tan, có thành tất có hoại. Đó là công lệ muôn đời không thay

đổi. Thế mà chúng sanh vì mê muội không tự nhận biết, dễ rồi phải chịu khổ sở đau đớn theo sự Thành, Hoại, Hợp, Tan. Nên ở đây Đức Phật căn cứ chính mình, chỉ rõ sự vô thường để khuyên chúng sanh siêng năng tu tập mong cầu chứng Đạo.

Câu: “Thường phải nhứt tâm” là lời dặn dò chúng đệ tử nên biết Vô thường mau chóng, phải chuyên nhứt tâm mình an trụ trong trí huệ thanh tịnh để mong được giải thoát.

Trong ba cõi dù cho Động pháp hay Bất động pháp cũng chỉ là Vô thường, Vô ngã, chẳng qua sự an trụ và thọ mạng có dài ngắn khác nhau mà thôi. Sự thọ mạng hoặc là một trăm năm, một ngàn năm, hoặc năm trăm kiếp, tám muôn kiếp, rồi cũng không tránh khỏi sự hoại diệt.

Đến đây Đức Phật dạy ông A Nậu Lâu Đà không nên nói nữa làm kéo dài thời gian. Bởi vì đã gần đến nửa đêm, Đức Như Lai muốn dùng thời giờ đó để nhập Niết-bàn.

Câu: “Đây là lời dạy bảo cuối cùng của Ta” chính là chỉ cho Kinh này, lời dạy bảo cuối cùng của Đức Phật vậy.

Dịch xong tại KHÁNH VÂN

ngày 5 tháng 6 năm 1968

(ngày 13 tháng Bảy (nhuần) năm Mậu Thân)

PHÂN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHẤT

A. TỰ PHẦN

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển Pháp luân độ A Nhã Kiều Trần Như, tối hậu thuyết pháp độ Tu Bạt Đà La, sở ưng độ giả giai dĩ độ ngật; ư Ta la song thọ gian, tương nhập Niết-bàn. Thị thời, trung hạ tịch nhiên vô thính, vị chư đệ tử lược thuyết pháp yếu.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH TÔN PHẦN

I- CỘNG PHÁP YẾU

1- ĐỐI TRI TÀ NGHIỆP

a) Căn bản tịnh

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, ư ngã diệt hậu đương tôn trọng trân kính Ba La Đề Mộc Xoa, như ám ngộ minh, bần nhơn đắc bảo; đương tri thử tắc thị nhữ đẳng Đại sư, nhược ngã trụ thế vô dị thử dã.

b) Phương tiện tịnh

Trì Giới giả, bất đắc phản mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ súc sanh; nhưt thiết chủng thực cập chư tài bảo giai đương viễn ly, như ty hỏa khanh. Bất đắc trăm phạt thảo mộc, khẩn

thổ quật địa; hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết trung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư, lịch số toán kế, giai sở bất ưng. Tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự thông trí sứ mạng, chú thuật tiên dược, kết hảo quý nhơn, thân hậu tiết mạng, giai bất ưng tác. Đương tự đoan tâm chánh niệm câu độ, bất đắc bao tàng hà ty hiển dị hoặc chúng, ư tứ cúng dường tri lượng tri túc, thủ đắc cúng sự bất ưng súc tích.

BÀI THỨ BA

c) Minh Giới đức

Thử tắc lược thuyết Trì giới chi tướng, Giới thị chánh thuận giải thoát chi bản, cố danh Ba La Đề Mộc Xoa, nhơn y thử Giới, đắc sanh chư thiên định cập diệt khổ trí huệ.

d) Hiển Giới ích

Thị cố Tỳ-kheo đương Trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhơn năng Trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp, nhược vô Tịnh giới chư thiện công đức giai bất đắc sanh; thị dĩ đương trì Giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

BÀI THỨ TƯ

2- ĐỐI TRỊ VỌNG KHỔ

a) Căn dục phóng dật khổ

1/ CĂN PHÓNG DẬ KHỔ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dĩ năng Trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật nhập ư ngũ dục. Thí như mục ngư chi nhơn, chấp trượng thị chi, bất linh túng dật, phạm nhơn miêu giá. Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn bất khả chế dã! Diệc như ác mã, bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhơn trụ ư khanh hám. Như bị kiếp tặc, khổ chỉ nhưt thế. Ngũ căn tặc họa ương cập lụy thế, vi hại thâm trọng, bất khả bất thận! Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh túng dật, giả linh túng chi, giai diệc bất cứu kiến kỳ ma diệt.

BÀI THỨ NĂM

2/ DỤC PHÓNG DẬ KHỔ

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng đương hảo chế tâm! Tâm chi khả úy, thậm ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa, việt dật vị túc dụ dã! Dụ như nhưt nhơn thủ chấp mật khí, động chuyển khinh tháo, dẫn quan ư mật, bất kiến thâm khanh, thí như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dước trác trịch, nan khả cấm chế, đương cấp tỏa chi, vô linh phóng dật. Túng thử tâm giả, táng nhơn thiện sự; chế chi nhưt xứ, vô sự bất biện. Thị cố Tỳ-kheo đương cần Tinh tấn chiếc phục nhữ tâm.

b) Đa cầu ẩm thực khổ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thọ chư ẩm thực đương như phục dục, ư hảo ư ố vật linh tăng giảm, thú đắc chi thân dĩ trừ cơ khát. Như phong thái hoa, đẳng thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương; Tỳ-kheo diệc nhĩ, thọ nhơn cúng dường thú tự trừ não, vô đắc đa cầu hoại kỳ thiện tâm. Thí như trí giả, trừ lượng ngư lực sở kham đa thiếu, bất linh quá phần dĩ kiệt kỳ lực.

BÀI THỨ SÁU

c) Giải đãi thù miên khổ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ hậu dạ diệc vật hữu phế; trung dạ tụng Kinh dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thù miên nhơn duyên linh nhứt sanh không quá vô sở đắc dã! Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian, tảo cầu tự độ vật thù miên dã. Chư phiền não tặc thường tư sát nhơn, thậm ư oan gia, an khả thù miên bất tự kính ngộ? Phiền não độc xà thù tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên tại nhữ thất thù, đương dĩ Trì giới chi câu tảo bính trừ chi, thù xà ký xuất, nãi khả an miên; bất xuất nhi miên, thị vô tầm nhơn dã. Tầm sĩ chi phục, ư chư trang nghiêm tối vi đệ nhứt; tầm như thiết câu, năng chế nhơn phi pháp, thị cố Tỳ-kheo thường đương tầm sĩ, vật đắc tạm thế, nhược ly tầm sĩ tắc thất chư công đức. Hữu quý chi nhơn, tắc hữu thiện pháp, nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú vô tương dị dã!

BÀI THỨ BẢY

3- ĐỐI TRỊ PHIÊN NẢO

a) Đối trị sân nhuế

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu nhơn lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm vô linh sân hận, diệc đương hộ khẩu vật xuất ác ngôn, nhược túng nhuế tâm tắc tự phòng đạo, thất công đức lợi. Nhẫn chi vi đức, Trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập, năng hành Nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu đại lực nhơn. Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lồ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhơn dã. Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại, tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn, kim thể hậu thế nhơn bất hỷ kiến. Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ vô linh đắc nhập; Kiếp công đức tắc, vô quá sân nhuế. Bạch y thọ dục phi hành đạo nhơn, vô pháp tự chế, sân du khả thứ. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhơn nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãnh vân trung, thích lịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

BÀI THỨ TÁM

b) Đối trị Kiêu Mạn

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo trước hoại sắc ý, chấp trì ứng khí dĩ khát tự hoạt, tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn đương tạt diệt chi. Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thể tục bạch y sở

nghi, hà hướng xuất gia nhập đạo chi nhơn, vị giải thoát cố tự gián kỳ thân nhi hành khát da?

c) Đối trị Siểm Khúc

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, siểm khúc chi tâm dữ đạo tương vi, thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm, đương tri siểm khúc dẫn vi khi cưỡng, nhập đạo chi nhơn, tắc vô thị xứ, thị cố nhữ đẳng, nghi ưng đoan tâm dĩ chất trực vi bốn.

BÀI THỨ CHÍN

II- BÁT CỘNG PHÁP YẾU

1- THIỂU DỤC

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tri đa dục chi nhơn, đa cầu lợi cố khổ não diệt đa, thiếu dục chi nhơn vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn. Trực nhĩ thiếu dục, thượng nghi tu tập, hà hướng thiếu dục năng sanh chư công đức? Thiếu dục chi nhơn, tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhơn ý, diệt phục bất vi chư căn sở khiên. Hành thiếu dục giả, tâm tắc thản nhiên vô sở ưu úy, xúc sự hữu dư thường vô bất túc ; hữu thiếu dục giả tắc hữu Niết-bàn, thị danh Thiếu dục.

2- TRI TÚC

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược dục thoát chư khổ não, đương Quán tri túc, tri túc chi pháp túc thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng du vi an lạc, bất tri túc giả, tuy xử thiên đường diệt bất xứng

ý. Bất tri túc giả tuy phú nhi bản, tri túc chi nhưn tuy bản nhi phú. Bất tri túc giả thường vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mãn, thị danh Tri túc.

BÀI THỨ MƯỜI

3- VIỄN LY

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dục cầu Tịch tịnh vô vi an lạc, đương ly hội náo độc xử nhàn cư. Tịch xử chi nhưn, Đế thích chư thiên sở cộng kính trọng, thị cố đương xả kỹ chúng tha chúng, không nhàn độc xử, tư diệt khổ bản. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng nảo; thí như đại thọ, chúng điều sào chi tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phược trước, một ư chúng khổ; thí như lão tượng nịch nê bất năng tự xuất, thị danh viễn ly.

4- TINH TẤN

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược cần Tinh tấn tắc sự vô nan giả, thị cố nữ đẳng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sắc sắc giải phế, thí như toàn hỏa vị nhiệt nhi túc, tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc, thị danh Tinh tấn.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

5- BẤT VONG NIỆM

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, cầu Thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vong niệm. Nhược hữu bất vong niệm giả, chư phiền nảo tắc tắc bất năng nhập, thị cố

nhữ đẳng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại; thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy, thị danh bất vong niệm.

6- THIÊN ĐỊNH

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược nhiếp tâm giả tâm tắc tại Định, tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng; thị cố nhữ đẳng, thường đương tinh cần tu tập chư định, nhược đắc định giả tâm tắc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trị đê đường; hành giả diệt nhĩ, vi trí huệ thủy cố thiện tu Thiên định, linh bất lậu thất, thị danh vi Định.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

7- TRÍ HUỆ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất; thị tắc ư ngã pháp trung năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhơn, hựu phi bạch y, vô sở danh dã! Thật trí huệ giả, tắc thị độ lão, bệnh, tử hải kiên lao thuyên dã, diệt thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã, nhưt thiết bệnh giả chi lương dược dã, phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã. Thị cố nhữ đẳng, đương dĩ Văn, Tư, Tu huệ nhi tự tăng ích, nhược nhơn hữu trí huệ chi chiếu, tuy thị nhục nhơn nhi thị minh kiến nhơn dã, thị vi trí huệ.

8- BÁT HÝ LUẬN

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, chủng chủng hý luận kỳ tâm tắc loạn, tuy phục xuất gia du vị đắc thoát; thị cố Tỳ-kheo đương cấp xả ly loạn tâm hý luận. Nhược nhữ dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn, thị danh bát hý luận.

BÀI THỨ MƯỜI BA

C. LƯU THÔNG PHẦN

1- CẦN TU

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, ư chư công đức thường đương nhưt tâm xả chư phóng dật, như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích giai dĩ cứu cánh, nhữ đẳng dẫn đương cần nhi hành chi. Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xử tịnh thất, niệm sở thọ pháp vật linh vong thất, thường đương tự miễn tinh tấn tu chi, vô vi không tử, hậu trí hữu hối. Ngã như lương y tri bệnh thuyết dược, phục dữ bất phục phi cửu dã. Hựu như thiện đạo, đạo nhơn thiện đạo, văn chi bất hành phi đạo quá dã.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

2- CHỨNG QUYẾT

Nhữ đẳng nhược ư khổ đẳng Tứ đế hữu sở nghi giả khả tạt vấn chi, vô đắc hoài nghi bất cầu quyết dã. Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xương, nhơn vô vấn

giả. Sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố. Thời A Nậu Lô Đà quán sát chúng tâm nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế, bất khả linh dị. Phật thuyết Khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc; Tập chơn thị nhơn, cánh vô dị nhơn; Khổ nhược Diệt giả, tức thị nhơn diệt, nhơn diệt cố quả diệt; diệt khổ chi đạo, thật thị chơn đạo, cánh vô dư đạo. Thế Tôn! Thị chư Tỳ-kheo ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

3- ĐOẠN NGHI

a) Hiện dư nghi

Ư thử chúng trung, nhược sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm, nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết tức giai đắc độ, thí như dạ kiến điển quang, tức đắc kiến đạo; nhược sở tác dĩ biện dĩ độ khổ hải giả, dẫn tác thị niệm: Thế tôn diệt độ nhưt hà tạt tai!

b) Đoạn dư nghi

A Nậu Lô Đà tuy thuyết thử ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt Tứ thánh đế nghĩa, Thế Tôn dục linh thử chư đại chúng giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm phục vị chúng thuyết: “Nhữ đẳng Tỳ-kheo, vật hoài bi não, nhược ngā trụ thế nhưt kiếp, hội diệt đương diệt; hội nhi bất ly, chung bất khả đắc. Tự lợi lợi tha, pháp giai

cụ túc, nhược ngã cứu trụ, cánh vô sở ích. Ứng khả độ giả, nhược thiên thượng nhưn gian, giai tất dĩ độ; kỳ vị độ giả, giai dĩ tác đắc độ nhưn duyên, tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử triển chuyển hành chi, tắc thị Như Lai pháp thân thường tại nhi bất diệt dã”.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

c) Trùng khuyến tu

Thị cố đương tri: Thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não, thế tướng như thị, đương cần tinh tấn tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh diệt chư nghi ám. Thế thật nguy thuy vô kiên lao giả, ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ưng xả chi thân, tội ác chi vật, giả danh vi thân; một tại lão bệnh sanh tử đại hải, hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi như sát oán tặc nhi bất hoan hỷ?

4- CHÚC PHÓ LƯU THÔNG

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thường đương nhứt tâm cần cầu xuất đạo, nhứt thiết thế gian Động, bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ! Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ. Thị ngã tối hậu chi sở giáo hối.

*

* *